



CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI

TENZI



2023
HỒ SƠ NĂNG LỰC



www.tenzi.com.vn

MỤC LỤC

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	Trang 02 - 06
GIỚI THIỆU CÁC SẢN PHẨM CHÍNH	
KEO DÁN GẠCH KELAS / KELAS PLUS	Trang 07 - 12
HỢP CHẤT SỬA CHỮA GẠCH BỘP BRICK REPAIR	Trang 13 - 14
BRICKPHỤ GIA KEO DÁN GẠCH PREMIX	Trang 15 - 16
KEO CHÀ RON KECHI	Trang 17 - 19
VỮA XÂY TÔ TRUYỀN THỐNG KELAI	Trang 20 - 22
SKIMCOAT - BỘT BẢ TƯỜNG KESCO	Trang 23 - 32
GIẢI PHÁP CHO GẠCH AAC , TẤM PANEL ALC / KELAI-B, KELAI-R	Trang 33 - 37
GIẢI PHÁP CHO TẤM ACOTEC / ACOMO-S, KESCO-E	Trang 38 - 43
VỮA MÁC CAO TỰ SAN PHẲNG BÙ CO NGÓT MOSELF	Trang 44 - 45
CHỐNG THẤM 2 THÀNH PHẦN KETAI	Trang 46 - 47
GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH	Trang 48 - 58
HÌNH ẢNH MỘT SỐ CÔNG TRÌNH CUNG CẤP TIÊU BIỂU	Trang 59 - 61
PHỤ LỤC:	
PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU TENZI ĐÃ VÀ ĐANG CUNG CẤP	Trang 61 - 63
PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM	Trang 64 - 69
PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM	Trang 70 - 83
PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	Trang 84 - 114

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỐI TENZI**

Tên tiếng Anh: **TENZI NEW BUILDING MATERIAL COMPANY LIMITED**

Tên công ty viết tắt: **TENZI CO.,LTD**

Văn phòng: 421/8/25 Đường 48, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Nhà máy sản xuất: Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (028) 6258 1159

Website: www.tenzi.com.vn

Email: contact@tenzi.com.vn

Nơi cấp chứng nhận ĐKKD: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 21/03/2012
và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 20/11/2020

Mã số Doanh nghiệp: **0311647424**

Người đại diện: Bà **HOÀNG ANH PHƯƠNG**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: 0903 420 212. Email: phuong.hoanganh@tenzi.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật liệu xây dựng gồm:

1. Keo dán gạch KELAS
2. Phụ gia keo dán gạch PREMIX
3. Keo chà ron KECHI
4. Skimcoat - Bột bả tường KESCO
5. Vữa cho tấm Acotec ACOMO
6. Vữa xây tô truyền thống KELAI
7. Vữa mác cao tự san phẳng bù co ngót MOSELF
8. Chống thấm 2 thành phần KETAI
9. GFRC - Bê tông cốt sợi thủy tinh

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHỨNG NHẬN ISO 9001: 2015 NĂM 2016 - 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN

Mã số: 017-81159-Q

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của
Công Ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Mới
Tenzi
 địa chỉ

Văn Phòng: 292/34/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ
 Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy: Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được đánh giá bởi các đánh giá viên của QMS Certification Services
 và chứng nhận phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Hệ thống quản lý chất lượng

áp dụng cho các lĩnh vực hoạt động:

Sản xuất vật liệu xây dựng gốc xi măng: keo dán gạch, keo chít mạch, vữa
 xây tô, vữa chống thấm, Skim Coat, bê tông cốt sợi các loại và các loại vật
 liệu xây dựng đặc biệt khác.

Giấy chứng nhận này có giá trị từ 10/11/2016 đến 10/11/2019

Ngày chứng nhận ban đầu: 10/11/2016



Gerry Bonner, CPEng, BEng, FIE Aust, Chairman – QMSCS Pty Ltd
 Approval: QMSCS Pty Ltd Trading as QMS Certification Services
 To verify the validity of this certificate please visit www.jas-anz.org/register



QMSCS Pty Ltd
 Trading as QMS Certification Services
 Suite 107 - 17 Bolton Street,
 Newcastle NSW 2300 Australia



Accreditation Number S1410994MA

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHỨNG NHẬN ISO 9001: 2015 NĂM 2021 - 2024

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của:

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015

Phạm vi được chứng nhận:

Sản xuất vật liệu xây dựng gốc xi măng: keo dán gạch, keo chít mạch, vữa xây tô, vữa chống thấm, bột bả tường, bê tông cốt sợi các loại, vật liệu xây dựng gốc xi măng đặc biệt khác.

Số Giấy chứng nhận:

HT 4580.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/05/2021



TỔNG CỤC TRƯỞNG
Tổng cục TCBQL

CHỦ TỊCH
Hội đồng Chứng nhận

GIÁM ĐỐC
Trung tâm Chứng nhận Phù hợp



ThS. Trần Văn Vinh

TS. Phạm Hồng

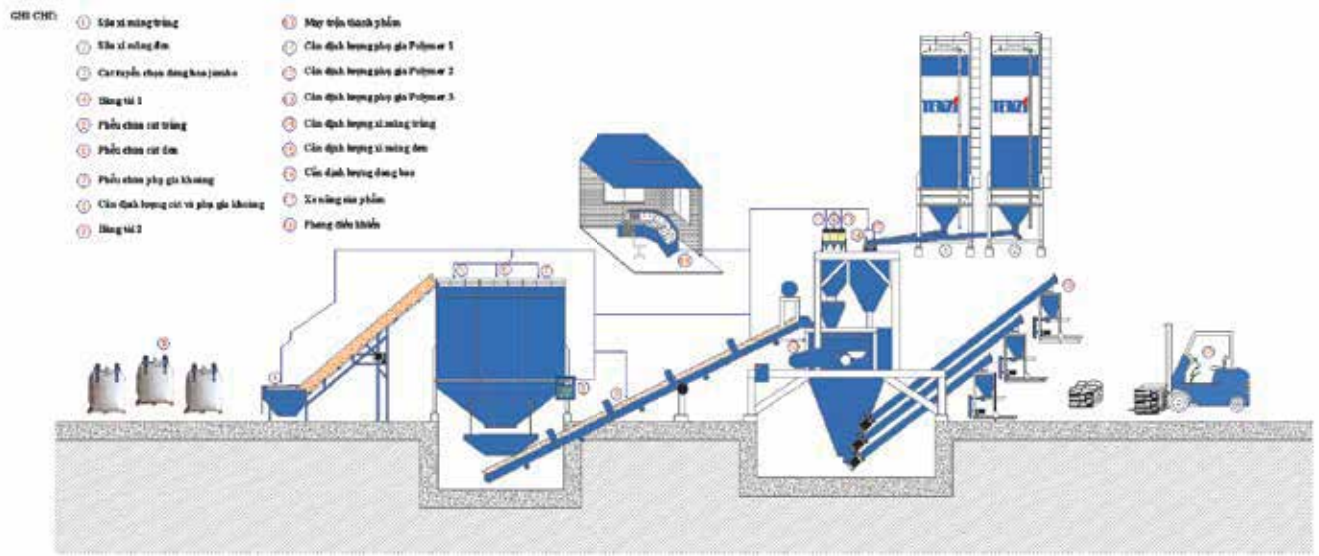


ThS. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể được kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT VỮA KHÔ



Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất vữa khô
Công suất sản xuất của hệ thống máy đạt 10 tấn/giờ



SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT VỮA KHÔ

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TẠI VĂN PHÒNG TENZI



THIẾT BỊ NGHIÊN CỨU VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC TENZI ĐẦU TƯ HIỆN ĐẠI



Máy đo cường độ bám dính DY-216



Cân phân tích



Thiết bị Vika đo thời gian đông kết



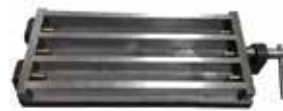
Thiết bị đo độ co ngót



Thiết bị bàn dẫn đo độ lưu động



Máy đo cường độ nén STYE-2000



Khuôn đúc mẫu thử nghiệm

Bộ sàng tiêu chuẩn



Tủ sấy mẫu



Máy trộn vữa

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

KEO DÁN GẠCH CAO CẤP GỐC XI MĂNG

KELAS

TCVN ISO 9001:2015
ISO 9001:2015QUACERT®
TCVN 7899-1:2008

TAH-1 / C1TE

TAH-2 / C2TE

TAH-3 / C2TES1

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Độ bám dính cao do có các chất phụ gia Polymer đặc biệt.
- Sản xuất công nghiệp nên chất lượng luôn ổn định.
- Dễ thi công, năng suất lao động tăng rõ rệt, góp phần rút ngắn thời gian thi công.
- Có khả năng chịu sự biến dạng do sự rung động và dẫn nở nhiệt của lớp nền và gạch ốp lát.
- Tạo liên kết chắc chắn không bị co giãn, rạn nứt, vật liệu ốp lát không bị bong rộp theo thời gian.
- Có khả năng chống thấm tốt, không bị hiện tượng thải vôi của xi măng khi ốp lát ngoài trời.
- Bền với môi trường và kháng kiềm tốt.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Keo dán gạch cao cấp gốc xi măng KELAS phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7899-1:2008 cụ thể như sau:

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Keo dán đá, gạch gốc xi măng có dạng bột được sản xuất tại nhà máy. KELAS là tổ hợp giữa xi măng Pooc lăng cao cấp, cấp liệu cát, các phụ gia Polime tạo nên khả năng bám dính cao và ổn định khi dán. KELAS có tỷ trọng thể tích: 1.340 - 1.420 kg/m³.

- KELAS TAH-1: Loại C1TE - keo dùng để lát nền.
- KELAS TAH-2: Loại C2TE - keo dùng để ốp tường.
- KELAS TAH-3: Loại C2TES1 - keo dán hồi cao, dùng để ốp lát gạch, đá kích thước lớn.

ỨNG DỤNG

- Dùng để thi công ốp lát các loại đá, gạch (Ceramic, Mosaic, Granite, Marble...) lên nền, lên tường, bề mặt phẳng đứng khu vực trong nhà, ngoài trời và hồ bơi.
- Sử dụng lên trên các bề mặt tường có lớp vữa xi măng thông thường có mác cao hơn 75, bề mặt bê tông, bề mặt chất liệu thạch cao.
- Sử dụng để lên kết các loại vật liệu có thành phần cốt liệu là sỏi đá, sỏi thủy tinh, porcelain...
- Keo dán đá, gạch KELAS có các cấp độ bám và ứng dụng như sau:
 - + KELAS TAH-1: Loại C1TE - dùng để lát nền cho mọi loại gạch cho mọi kích thước, ốp lên tường cho gạch Ceramic có kích thước nhỏ hơn 300x300 mm.
 - + KELAS TAH-2: Loại C2TE - loại có độ bám dính cao dùng để ốp các loại đá, gạch lên tường và lên bề mặt phẳng đứng.
 - + KELAS TAH-3: Loại C2TES1 chuyên dùng để ốp lát những loại gạch kích thước lớn và độ hút nước thấp như đá, gạch granite lên bề mặt tường và nền bê tông hoặc có lớp vữa xi măng tại những nơi có điều kiện khắc nghiệt (sự thay đổi nhiệt độ lớn và chịu sự rung động)
 - Ngoài ra KELAS TAH-3 còn để xử lý các mối ghép của các tấm panel acotec, GFRC...

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ KELAS TAH1 / C1TE	GIÁ TRỊ KELAS TAH2 / C2TE	GIÁ TRỊ KELAS TAH3 / C2TES1
1	Cường độ bám dính khi kéo sau 28 ngày ở ĐKC	≥ 0.5 MPa	≥ 1.0 MPa	≥ 1.0 MPa
2	Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 0.5 MPa	≥ 1.0 MPa	≥ 1.0 MPa
3	Cường độ bám dính khi kéo sau khi lão hóa nhiệt	≥ 0.5 MPa	≥ 1.0 MPa	≥ 1.0 MPa
4	Thời gian mở	≥ 30 phút	≥ 30 phút	≥ 30 phút
5	Độ trượt	≤ 0.5 mm	≤ 0.5 mm	≤ 0.5 mm
6	Khả năng chịu sự biến dạng ngang S ₁	-	-	2.5 ≤ S ₁ ≤ 5.5 mm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đựng nước, máy trộn cầm tay, các loại bàn bả răng cưa, bay, búa cao su, ron chữ thập, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng đạt mác 75 trở lên, vệ sinh bề mặt nền - tường sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn keo: Đổ 5,75 - 6,0 lít nước sạch vào thùng trộn, cho từ từ 1 bao keo 25 kg vào thùng trộn. Dùng máy trộn chuyên dụng trộn 5 - 7 phút để đạt được hỗn hợp keo đồng nhất và dẻo. Để hỗn hợp keo từ 2 - 3 phút cho các phụ gia trong keo phát huy tác dụng rồi trộn lại 1 - 2 phút nữa trước khi sử dụng. Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường, thời gian sử dụng keo là 60 phút (thời gian sử dụng sẽ giảm nếu trời nắng to, gió hanh hoặc bề mặt có độ hút nước lớn).

Trải keo: Để đạt được độ bám dính tốt nhất, đầu tiên dùng cạnh thẳng của bàn bả răng cưa trải một lớp keo mỏng, có độ dày 3 - 4 mm (tùy vào kích thước gạch), lên bề mặt thi công, sau đó dùng cạnh răng cưa kéo nghiêng 45° trên bề mặt lớp keo để tạo rãnh và tạo độ dày đồng đều và thích hợp với viên gạch cần ốp lát.

Dán gạch: Làm ẩm gạch trước khi dán, nếu mặt sau của gạch quá bẩn thì rửa bằng nước sạch trước khi dán. Ngay sau khi trải keo và tạo rãnh như đã nói ở trên, sau đó nhanh chóng đặt viên gạch nghiêng góc 30° vào vị trí cần dán và ấn nhẹ. Dùng búa cao su gõ đều xung quanh để đảm bảo keo phủ đều trên bề mặt sau của viên gạch. Có thể điều chỉnh vị trí của viên gạch đã dán trong vòng 15 phút sau khi dán.

Chú ý: Trong quá trình ốp lát đá, gạch lưu ý không nên để lớp keo đã trát lên bề mặt thi công trong thời gian quá lâu để bị tạo màng làm ảnh hưởng đến khả năng bám dính của keo. Nếu lớp keo bị tạo màng, dùng bay răng cưa kéo lại theo cách kể trên. Không được dùng nước làm ẩm keo vì sẽ làm mất khả năng bám dính của keo. Đá, gạch sau khi dán không được để nước mưa hoặc nước chảy tác động vào trong khoảng 8 - 10 giờ và nên được bảo vệ khỏi sương gió và nắng to trong khoảng 24 giờ sau khi thi công.

Thời gian cho phép sử dụng đối với nền và lưu thông nhẹ là 24 giờ sau khi thi công dán gạch và thời gian cho phép hoàn toàn sử dụng sau 48 giờ.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KELAS khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 25 kg



THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chong quá 10 bao.

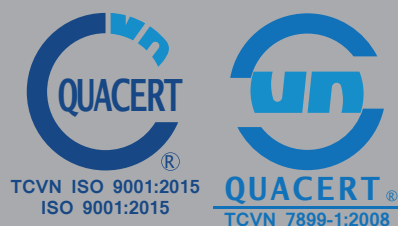
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KELAS có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

KEO DÁN GẠCH CAO CẤP GỐC XI MĂNG

KELAS PLUS



MÔ TẢ SẢN PHẨM

KELAS PLUS là keo dán gạch hai thành phần gốc xi măng có khối lượng thể tích 1.340 - 1.420 kg/m³, trong đó:

- Thành phần A: là bột khô cốt liệu chọn lọc.
- Thành phần B: là hỗn hợp chất nhựa tổng hợp và những phụ gia đặc biệt tạo nên khả năng bám dính rất cao và ổn định.

ỨNG DỤNG

- KELAS PLUS – keo dùng để lát nền và ốp tường đối với những loại gạch có độ hút nước rất thấp.
- Dùng để thi công ốp lát các loại đá, gạch (Po, Mosaic, Granite, Marble...) lên nền, lên tường, bề mặt phẳng đứng khu vực trong nhà, ngoài trời và hồ bơi.
- Sử dụng lên trên các bề mặt tường có lớp vữa xi măng thông thường có mác cao hơn 75, bề mặt bê tông, bề mặt chất liệu thạch cao.
- Đặc biệt bám dính rất cao, có thể bám dính mọi loại gạch cao cấp hiện nay trên thị trường có độ hút nước thấp.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Độ bám dính cao do có các chất phụ gia Polime đặc biệt.
- Sản xuất công nghiệp nên chất lượng luôn ổn định.
- Dễ thi công, năng suất lao động tăng rõ rệt, góp phần rút ngắn thời gian thi công.
- Có khả năng chịu sự biến dạng do sự rung động và dẫn nở nhiệt của lớp nền và gạch ốp lát.
- Tạo liên kết chắc chắn không bị co giãn, rạn nứt, vật liệu ốp lát không bị bong rộp theo thời gian.
- Có khả năng chống thấm tốt, không bị hiện tượng thải vôi của xi măng khi ốp lát ngoài trời.
- Bền với môi trường và kháng kiềm tốt.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Keo dán đá, gạch cao cấp gốc xi măng KELAS PLUS phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7899-1:2008 cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ KELAS PLUS / C2TE
1	Cường độ bám dính khi kéo sau 28 ngày ở ĐKC	≥ 1.0 MPa
2	Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 1.0 MPa
3	Cường độ bám dính khi kéo sau khi lão hóa nhiệt	≥ 1.0 MPa
4	Thời gian mở	≥ 30 phút
5	Độ trượt	≤ 0.5 mm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn cầm tay, các loại bàn bả răng cưa, bay, búa cao su, ron chữ thập, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng đạt mác 75 trở lên, vệ sinh bề mặt nền - tường sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn keo:

Đổ thành phần B vào thùng trộn, cho từ từ thành phần A vào thùng trộn. Dùng máy trộn chuyên dụng trộn 5 - 7 phút để đạt được hỗn hợp keo đồng nhất và dẻo. Để hỗn hợp keo từ 2 - 3 phút cho các phụ gia trong keo phát huy tác dụng rồi trộn lại 1 - 2 phút nữa trước khi sử dụng. Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường, thời gian sử dụng keo là 60 phút (thời gian sử dụng sẽ giảm nếu trời nắng to, gió hanh hoặc bề mặt có độ hút nước lớn).

Trải keo: Để đạt được độ bám dính tốt nhất, đầu tiên dùng cạnh thẳng của bàn bả răng cưa trải một lớp vữa mỏng, có độ dày 3 - 4 mm, lên bề mặt thi công, sau đó dùng cạnh răng cưa kéo nghiêng 45° trên bề mặt lớp keo để tạo rãnh và tạo độ dày đồng đều và thích hợp với viên gạch cần ốp lát.

Dán gạch: Làm ẩm gạch trước khi dán, nếu mặt sau của gạch quá bẩn thì rửa bằng nước sạch trước khi dán. Ngay sau khi trải keo và tạo rãnh như đã nói ở trên, sau đó nhanh chóng đặt viên gạch nghiêng góc 30° vào vị trí cần dán và ấn nhẹ. Dùng búa cao su gõ đều xung quanh để đảm bảo vữa phủ đều trên bề mặt sau của viên gạch. Có thể điều chỉnh vị trí của viên gạch đã dán trong vòng 15 phút sau khi dán.

Chú ý: Trong quá trình ốp lát đá, gạch lưu ý không nên để lớp keo đã trát lên bề mặt thi công trong thời gian quá lâu để bị tạo màng làm ảnh hưởng đến khả năng bám dính của keo. Nếu lớp keo bị tạo màng, dùng bay răng cưa kéo lại theo cách kể trên. Không được dùng nước làm ẩm keo vì sẽ làm mất khả năng bám dính của keo. Đá, gạch sau khi dán không được để nước mưa hoặc nước chảy tác động vào trong khoảng 8 - 10 giờ và nên được bảo vệ khỏi sương gió và nắng to trong khoảng 24 giờ sau khi thi công.

Thời gian cho phép sử dụng đối với nền và lưu thông nhẹ là 24 giờ sau khi thi công dán gạch và thời gian cho phép hoàn toàn sử dụng sau 48 giờ.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KELAS PLUS khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bộ 25kg

- Thành phần A: bao 20 kg bột khô
- Thành phần B: can nhựa 5 lít chất lỏng

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KELAS PLUS có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KELAS - C1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN**Sản phẩm:** Vữa dán gạch gốc xi măng, loại: thông thường C1

với nhãn hiệu thương mại

KELAS

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 7899-1: 2008

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng

**Phương thức chứng nhận:** Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)**Số Giấy chứng nhận:** SP 1810/1.21.16**Hiệu lực Giấy chứng nhận:** từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

GIÁM ĐỐC

**Phạm Lê Cường**

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KELAS - C2

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)

VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)



CERTIFICATE

This is to certify that the Products as: **Cementitious Adhesive: High grade C2**

with Trade Mark
made by

KELAS

TENZI NEW BUILDING MATERIAL COMPANY LIMITED

Head Office: 292/34/12 Binh Loi Street, Ward 13, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Factory: T263, Quarter 3, Long Binh Tan Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

have been found to conform with the standard

TCVN 7899-1: 2008

and authorised to use the Quality Mark



Certification System: **SYSTEM 5 (Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12 Dec 2012)**

Certificate Number: **SP 1810/2.21.16**

The validity of this Certificate: **from 17 May 2021 to 16 May 2024**

Director



Phạm Lê Cường

QUACERT – 8 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam.

The validity of this certificate can be checked at website: www.quacert.gov.vn and www.jas-anz.org/register

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH



HỢP CHẤT SỬA CHỮA GẠCH BỘP

BRICK REPAIR

MÔ TẢ SẢN PHẨM

- Hợp chất sửa chữa gạch bộp là công nghệ kết hợp giữa thành phần:
 - + **Thành phần A** (5 kg bột khô): Hỗn hợp các chất dạng bột mịn màu xám, là hỗn hợp của xi măng, các loại phụ gia khoáng và phụ gia polymer.
 - + **Thành phần B** (5 lít chất lỏng): Chất kết dính dạng lỏng màu trắng, là nhũ tương của nhựa tổng hợp đặc chủng và phụ gia đặc biệt tạo nên khả năng tự chảy và len vào các khe hở nhỏ nhất khoảng 1mm, bám dính rất cao và ổn định.
- Hai thành phần này khi trộn với nhau tạo thành hỗn hợp dạng vữa lỏng mịn với khả năng tự chảy và độ bám dính cao với hầu hết mọi bề mặt.

ỨNG DỤNG

- Dùng để thi công sửa chữa các loại gạch (Ceramic, Granite...), lên tường, bề mặt thẳng đứng khu vực trong nhà, ngoài trời. Đối với nền nên dùng bơm áp lực.
- Đặc biệt loại hợp chất này có thể tự chảy và len vào những chỗ bị bộp của viên gạch bằng phương pháp dùng ống xi lanh bơm trực tiếp.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Độ tự chảy và bám dính cao do có các chất phụ gia rất đặc biệt.
- Sản xuất công nghiệp nên chất lượng luôn ổn định.
- Dễ thi công, năng suất lao động tăng rõ rệt, góp phần rút ngắn thời gian thi công.
- Bền với môi trường và kháng kiềm tốt.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

- Hợp chất sửa chữa gạch bộp BRICK REPAIR phù hợp với Tiêu chuẩn cơ sở TCCS cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ BRICK REPAIR
1	Độ lưu động	> 300 mm
2	Thời gian bắt đầu đông kết	≥ 180 phút
3	Thời gian kết thúc đông kết	≤ 420 phút
4	Cường độ bám dính	≥ 0.5 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, máy trộn cầm tay, ống xi lanh, búa cao su, găng tay, kính bảo hộ...



Trộn hỗn hợp: Đổ 5 lít (Thành phần B) vào thùng trộn, cho từ từ 5 kg (Thành phần A) vào thùng trộn. Dùng máy trộn chuyên dụng trộn 5 - 7 phút để đạt được hỗn hợp đồng nhất. Để hỗn hợp từ 2 - 3 phút cho các phụ gia trong hỗn hợp phát huy tác dụng rồi trộn lại 1 - 2 phút nữa trước khi sử dụng.

Thi công:

- Làm rỗng một vị trí nhỏ khe ron trên viên gạch sàn (hoặc mép trên của viên gạch tường) nơi bị bộp. Dùng keo silicon cố định bát bơm tại vị trí khe ron trước khi thi công bơm hỗn hợp khoảng 2 giờ.
- Dùng ống bơm xi lanh chuyên dụng lấy đầy hỗn hợp, rồi bơm từ từ cho chảy vào



ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức: 2 kg/mm/m²

ĐÓNG BAO

Bao 5kg & can 5 lít



THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

BRICK REPAIR có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

PHỤ GIA KEO DÁN GẠCH LÁT NỀN

PREMIX

TCVN ISO 9001:2015
ISO 9001:2015

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Phụ gia cho keo dán gạch Premix-F là hỗn hợp các loại phụ gia khoáng và phụ gia polymer, dùng để thêm vào hỗn hợp xi măng – cát theo tỷ lệ xác định để tạo ra cấp phối keo dán gạch có những phẩm chất vượt trội như cường độ bám dính cao, khả năng chống thấm tốt, bền với môi trường và kháng kiềm tuyệt hảo. Premix-F là chất rắn ở dạng bột mịn, màu trắng xám, khối lượng thể tích 550 – 650 kg/m³.

ỨNG DỤNG

Sử dụng làm phụ gia trộn thêm vào hỗn hợp xi măng – cát, theo tỷ lệ xác định, để tạo ra keo dán gạch tiêu chuẩn KELAS TAH1 dùng để lát nền các loại gạch đất nung, gạch bông, gạch Terrazzo, đá Marble và gạch Ceramic,...

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Có thể tự tạo keo dán gạch tại công trình bằng cách pha gói Phụ gia vào nước rồi trộn với xi măng, cát theo tỷ lệ hướng dẫn. Giá thành giảm đáng kể so với keo dán gạch trộn sẵn đóng bao (giảm 35-45%)
- Độ bám dính cao do có các chất phụ gia Polime đặc biệt.
- Sản xuất công nghiệp nên chất lượng luôn ổn định.
- Dễ thi công, năng suất lao động tăng rõ rệt, góp phần rút ngắn thời gian thi công.
- Tạo liên kết chắc chắn không bị co giãn, rạn nứt, vật liệu ốp lát không bị bong rộp theo thời gian.
- Có khả năng chống thấm tốt, không bị hiện tượng thải vôi của xi măng khi ốp lát ngoài trời.
- Bền với môi trường và kháng kiềm tốt.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Phụ gia keo lát nền PREMIX khi pha với hỗn hợp xi măng – cát theo tỷ lệ xác định sẽ tạo ra keo lát nền tương đương KELAS – TAH1 (loại tiêu chuẩn C1) phù hợp với TCVN 7899-1:2008 như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ PREMIX / C1
1	Cường độ bám dính khi kéo sau 28 ngày ở ĐKC	≥ 0.5 MPa
2	Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 0.5 MPa
3	Cường độ bám dính khi kéo sau khi lão hóa nhiệt	≥ 0.5 MPa
4	Thời gian mở	≥ 30 phút
5	Độ trượt	≤ 0.5 mm

CẤP PHỐI
TRỘN
PREMIX
TẠI CÔNG
TRÌNH



+

Xô
4 lít

+

Xô
4 lít

+

Xô
4 lít

Gói PREMIX 500g

Nước sạch 4 lít

Xi măng tại công trình 10 kg

Cát tại công trình 15 kg

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn cầm tay, xô 4 lít Tenzi cấp kèm theo, các loại bàn bả răng cưa, bay, búa cao su, ron chữ thập, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng đạt mác 75 trở lên, vệ sinh bề mặt nền - tường sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn vữa: Đong 1 xô Tenzi 4 lít nước sạch vào thùng nhựa, cho 1 gói 500 gam Premix-F vào rồi dùng máy trộn cầm tay trộn khoảng 1 phút cho bột phụ gia tan hết trong nước. Đổ từ từ lần lượt 10 kg xi măng (2 xô Tenzi) rồi 15 kg cát (3 xô Tenzi) vào thùng trộn và trộn từ 5 – 7 phút, bổ sung thêm từ 0,5L đến 1L nước sạch để đạt được hỗn hợp vữa đồng nhất và dẻo. Để hỗn hợp vữa nghỉ khoảng 2 phút trong thùng cho phụ gia phát huy tác dụng rồi trộn vữa lại một lần nữa trong khoảng 1 – 2 phút trước khi sử dụng. Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút. Thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao hoặc bề mặt có độ hút nước lớn.

Trải vữa: Để đạt được độ bám dính tốt nhất, đầu tiên dùng cạnh thẳng của bàn bả răng cưa trải một lớp vữa mỏng, có độ dày 3 – 4 mm, lên bề mặt thi công, sau đó dùng cạnh răng cưa kéo nghiêng 45° trên bề mặt lớp keo để tạo rãnh và tạo độ dày đồng đều và thích hợp với viên gạch cần ốp lát.

Dán gạch: Làm ẩm gạch trước khi dán, nếu mặt sau của gạch quá bẩn thì rửa bằng nước sạch trước khi dán. Ngay sau khi trải keo và tạo rãnh như đã nói ở trên, sau đó nhanh chóng đặt viên gạch nghiêng góc 30° vào vị trí cần dán và ấn nhẹ. Dùng bằng búa cao su gõ đều xung quanh để đảm bảo vữa phủ đều trên bề mặt sau của viên gạch. Có thể điều chỉnh vị trí của viên gạch đã dán trong vòng 15 phút sau khi dán.

Chú ý: Trong quá trình ốp lát đá, gạch lưu ý không nên để lớp keo đã trát lên bề mặt thi công trong thời gian quá lâu để bị tạo màng làm ảnh hưởng đến khả năng bám dính của keo. Nếu lớp keo bị tạo màng, dùng bay răng cưa kéo lại theo cách kể trên. Không được dùng nước làm ẩm keo vì sẽ làm mất khả năng bám dính của keo. Đá, gạch sau khi dán không được để nước mưa hoặc nước chảy tác động vào trong khoảng 8 - 10 giờ và nên được bảo vệ khỏi sương gió và nắng to trong khoảng 24 giờ sau khi thi công.

Thời gian cho phép sử dụng đối với nền và lưu thông nhẹ là 24 giờ sau khi thi công dán gạch và thời gian cho phép hoàn toàn sử dụng sau 48 giờ.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức PREMIX khoảng 0.03 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Gói 500g đóng thùng 20 gói.

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 5 thùng.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

PREMIX có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

KEO CHÀ RON CAO CẤP GỐC XI MĂNG

KECHI



MÔ TẢ SẢN PHẨM

- Dòng sản phẩm KECHI keo chít mạch cao cấp gốc xi măng
- Là loại vật liệu composite được tổng hợp từ xi măng trắng, bột đá, các loại màu và phụ gia đặc biệt. Có hạt dạng bột mịn, có màu trắng hoặc các loại màu khác nhau, khối lượng thể tích 1150 -1200 kg/m³

ỨNG DỤNG

- Dùng để làm đầy và kín các đường ron của gạch và đá sau khi ốp lát, thay thế cho xi măng trắng hoặc xi măng màu. Rất thích hợp và hiệu quả khi sử dụng trong các khu vực đặc biệt như nhà bếp, khu vực để thức ăn, bệnh viện và các phòng ốc, nơi có nhu cầu chống bám bẩn, kháng khuẩn và nấm mốc
- KECHI dùng chà ron cho đường ron với chiều rộng 1,5 - 6 mm

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Có độ bóng bề mặt cao, không co ngót, không rạn nứt.
- Kết dính tốt với gạch, đá tự nhiên và nhân tạo.
- Chống thấm cao, bền với môi trường.
- Có tính kháng khuẩn và chống bám bẩn và rêu mốc.
- Kháng tia cực tím cực tốt, bền khi dùng ngoài trời.
- Nhiều màu sắc phong phú, bền màu.

BẢNG MÃ MÀU TIÊU CHUẨN

Bảng 15 mã màu cơ bản keo chít mạch, chúng tôi có thể phát triển KECHI có mã màu khác phù hợp theo màu gạch của khách hàng.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Các tính chất kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7899-3:2008 / ISO 13007:2004 của KECHI loại chất lượng cao CG2WA cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ KECHI / CG2WA
1	Độ chịu mài mòn	≤ 1000 mm ³
2	Cường độ bền uốn trong điều kiện chuẩn	≥ 2.5 N/mm ²
3	Cường độ bền nén trong điều kiện chuẩn	≥ 15 N/mm ²
4	Độ co ngót	≤ 3 mm/m
5	Độ hút nước sau 30 phút	≤ 2 g
6	Độ hút nước sau 240 phút	≤ 5 g

MÃ MÀU	MÀU KEO CHÀ RON
KECHI-00	Màu trắng
KECHI-01	Màu xám trắng
KECHI-02	Màu xám
KECHI-03	Màu kem Ivory
KECHI-04	Màu hồng gạch
KECHI-05	Màu xanh non nhạt
KECHI-06	Màu vàng nghệ
KECHI-07	Màu xanh lá non
KECHI-08	Màu nâu tím
KECHI-09	Màu đỏ gạch
KECHI-10	Màu đen
KECHI-11	Màu đỏ
KECHI-12	Màu xanh lá già
KECHI-13	Màu xanh nước biển
KECHI-14	Màu xanh dương

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng sạch, can đo nước, máy trộn vữa chuyên dụng, máy hút bụi, bàn bả cao su hoặc miếng cao su, mút cao su xốp, vải sạch...



Chuẩn bị bề mặt: Đảm bảo rằng các khe ron và các chỗ trống giữa các tấm vật liệu ốp lát xây dựng (gạch gốm, gạch grannite, gạch mosaic thủy tinh,...) phải sạch, không lẫn tạp chất dầu mỡ và phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn keo: Cho 7- 7,5 lít nước vào thùng trộn trước, cho 20 kg keo vào sau trộn đều bằng máy thật kỹ (5-7 phút) cho đến khi đạt hỗn hợp đồng nhất. Nếu trộn bằng tay thì dùng thìa trộn thật kỹ trong khoảng thời gian từ 5-7 phút sau đó Kiểm tra độ dẻo bằng cách dùng thìa mức keo lên và úp ngược xuống, trong thời gian nhất định thấy có độ chảy xuống nhưng không được rơi xuống là keo đã đạt độ dẻo thi công (*Hình ảnh 1*). Nếu chưa đạt thì có thể thêm bớt lượng nước sao cho keo đạt được độ dẻo như mong muốn. Trước khi thi công nên trộn lại keo trong vòng 2-3 phút rồi bắt đầu thi công.

Thi công:

+ Sau khi vệ sinh sạch đường ron bằng máy hút bụi rồi lau ẩm đường ron nhưng không được đọng nước.

+ Trét keo: Giữ bàn bả cao su ở góc nghiêng 45°, miết hỗn hợp keo theo hướng đường chéo để trét hỗn hợp keo sâu vào khe ron, đảm bảo rằng tất cả các khe ron được trét đầy hỗn hợp keo (*Hình ảnh 2*).

+ Sau khoảng 15 phút thì miết lần 2 tương tự lần 1.

+ Hoàn thiện bề mặt: Sau khi miết lần 2, giữ bàn bả cao su ở góc 90°, dùng mép của bàn bả cao su gạt bỏ phần keo dư bám trên bề mặt gạch, gạt theo hướng đường chéo để tránh kéo keo bong ra khỏi khe ron. Dùng mút xốp ẩm, hoặc khăn ẩm, vệ sinh keo bám trên nền gạch và làm nhẵn mịn bề mặt keo ở khe ron. Sau khoảng 5 giờ, dùng mút ẩm tiến hành vệ sinh lần 2 sạch keo bám trên bề mặt gạch và làm ẩm đường ron (*Hình ảnh 3*).

**Chú ý: Sau khi thi công (12 giờ - 24 giờ) có thể sử dụng, nhưng để đảm bảo tốt nhất sau 2 ngày cho phép được sử dụng hoàn toàn.*



ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KECHI ron 1-6 mm

LOẠI GẠCH SỬ DỤNG	Ron 1.5mm	Ron 3mm	Ron 6mm
Gạch Mosaic (24x24 mm, 45x45 mm, 70x70 mm)	0.58 - 1.69 kg/m ²	1.16 - 3.39 kg/m ²	2.32 - 6.75 kg/m ²
Gạch (200x200 mm, 200x250 mm, 250x250 mm)	0.29 - 0.32 kg/m ²	0.58 - 0.65 kg/m ²	1.17 - 1.30 kg/m ²
Gạch (250x400 mm, 300x300 mm, 400x400 mm)	0.20 - 0.27 kg/m ²	0.41 - 0.54 kg/m ²	0.81 - 1.05 kg/m ²
Gạch (250x400 mm, 300x300 mm, 400x400 mm)	0.20 - 0.22 kg/m ²	0.40 - 0.45 kg/m ²	0.79 - 0.89 kg/m ²
Gạch (500x500, 600x600 mm)	0.16 - 0.19 kg/m ²	0.32 - 0.39 kg/m ²	0.65 - 0.78 kg/m ²

ĐÓNG BAO

Bao 20 kg & bao 1 kg đóng thùng 20 bao

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 10 bao.

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KECHI / CG2WA

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Vữa chít mạch gốc xi măng chất lượng cao có độ hút nước thấp và độ chịu mài mòn cao - CG2WA

với nhãn hiệu thương mại

KECHI

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 7899-3: 2008

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: SP 1811/1.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 07/06/2021 đến ngày 06/06/2024

GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Cường

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

VỮA XÂY TÔ TRUYỀN THỐNG

KELAI T


KELAI T75 KELAI T100 KELAI T150

MÔ TẢ SẢN PHẨM

KELAI T là dòng vữa xây dựng gốc xi măng với khối lượng thể tích 1450 – 1550 kg/m³, màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KELAI T bao gồm xi măng poóc lăng hỗn hợp và cát hạt vừa. Vữa KELAI T được thiết kế có độ dẻo, độ bám dính và khả năng giữ độ lưu động phù hợp, chuyên dụng cho xây trát gạch đất sét nung truyền thống và gạch xi măng cốt liệu.

ỨNG DỤNG

- KELAI T-75 áp dụng để xây & tô (trát) tường gạch đất sét nung truyền thống, gạch xi măng cốt liệu và đế cán nền.
- KELAI T-100 áp dụng để xây & tô (trát) tường gạch đất sét nung truyền thống và gạch xi măng cốt liệu.
- KELAI T-150 áp dụng để xây & tô (trát) cho tường bê tông.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Vữa sạch tạp chất, không chứa hóa chất độc hại, có thể sử dụng cho hồ chứa nước để sinh hoạt, thân thiện với môi trường và không gây ô nhiễm môi trường.
- Có độ dẻo và độ bám dính phù hợp, dễ thi công, thời gian điều chỉnh cho phép dài, không bị chảy lỏng & tách nước, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Nâng cao chất lượng và giá trị thẩm mỹ của công trình, tăng độ bám dính khi dùng để xây và tô (trát) cho tường gạch đất sét nung truyền thống và gạch xi măng cốt liệu, tạo lớp vữa trát bề mặt rắn chắc, không bị co giãn, rạn nứt theo thời gian.
- Là loại vữa trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình pha chế tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

KELAI T là dòng vữa xây dựng cho tường gạch đất sét nung truyền thống, gạch xi măng cốt liệu và tường bê tông của TENZI, phù hợp với TCVN 4314:2003 áp dụng cho vữa sử dụng để xây và hoàn thiện các công trình xây dựng, với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		KELAI T75	KELAI T100	KELAI T150
1	Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	≤ 1.25 mm	≤ 1.25 mm	≤ 1.25 mm
2	Độ lưu động	165 - 195 mm	175 - 205 mm	175 - 205 mm
3	Khả năng giữ độ lưu động	≥ 65 %	≥ 65 %	≥ 65 %
4	Thời gian bắt đầu đông kết	≥ 150 phút	≥ 150 phút	≥ 150 phút
5	Hàm lượng ion clo trong vữa	≤ 0.1%	≤ 0.1 %	≤ 0.1 %
6	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 7.5 MPa	≥ 10.0 MPa	≥ 15.0 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn vữa chuyên dụng, các loại bàn bả, bay, thước gạt, máy laser, găng tay, kính bảo hộ...

Chuẩn bị gạch để xây (gạch đất sét nung truyền thống và gạch xi măng cốt liệu): Dùng bàn chải quét sạch bụi bẩn trên bề mặt gạch để đảm bảo cho vữa bám trên bề mặt gạch. Nếu gạch khô quá thì dùng bình phun tia nước dạng mưa phun lên bề mặt gạch làm sạch bụi bẩn và tạo ẩm, khi trát vữa sẽ bám dính tốt hơn.

Chuẩn bị bề mặt trát có tác dụng quan trọng đối với bức tường về sau: Trước khi trát, nhất thiết phải rảy nước làm ướt mặt tường, để tường gạch không hút nước của vữa khi chưa đủ thời gian đông cứng. Nguyên tắc chung là bề mặt cần trát phải sạch và nhám, không quá trơn nhẵn vì lớp vữa có thể không bám dính vào được.

Trộn keo: Cho 8 – 9 lít nước sạch để trộn một bao 50 kg bột KELAI T. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng, ví dụ máy trộn xoay cánh Z để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 4 – 5 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Đợi 1 – 2 phút, sau đó trộn lại và sử dụng. Chú ý không được để bột dính trên thùng trộn và hạn chế tạo bọt khí.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút. Thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao hoặc bề mặt có độ hút nước lớn.

Xây tường bằng vữa xây KELAI T: Dùng dao xây để bả vữa lên bề mặt nền gạch phần vữa tiếp xúc cạnh nằm. Chiều dày lớp vữa xây khoảng từ 8 – 10 mm. Bả vữa lên cạnh viên gạch phần tiếp xúc của cạnh đứng. Bề rộng vữa đảm bảo bằng bề rộng viên gạch. Xếp gạch lên lớp vữa, dùng dao xây hoặc búa cao su gõ nhẹ mạch vữa sẽ tràn ra đều và làm cho viên gạch được bám dính chắc chắn vào nhau. Sau đó dùng bay gạt bỏ vữa thừa ở hai bên cạnh tường cho mỗi hàng gạch và xây hàng gạch tiếp theo.

Trát tường bằng vữa trát KELAI T: Quá trình trát tường nên tiến hành từ tường ngoài trước, tường trong sau, trần và tường vách trước, hoàn thiện sàn nền sau cùng. Diện tích mặt tường ngoài cần trát thường lớn, nên phải căng dây lấy chuẩn, xác định độ dày của lớp trát trước rồi mới tiến hành, tránh trường hợp thành nhiều mặt phẳng khác nhau. Nguyên tắc chung khi trát mặt tường phẳng, người thợ cần lấy ghém chuẩn ở bốn góc bức tường để xác định độ dày lớp vữa cần trát. Càng trát mỏng càng tiết kiệm vật tư và lớp trát ít nguy cơ bong tróc, lờ rập. Các lớp lót phải dùng bay khía cạnh để làm cho lớp sau kết dính tốt hơn. Các vị trí mép tường, khuôn cửa cần dọi, đánh thẳng bằng để đường nét được thẳng, sắc. Trát tường thường chiều dày lớp vữa từ 8-10mm, xu hướng là tường xây đạt độ phẳng cao để có thể trát mỏng để tiết kiệm vật tư và lớp trát ít nguy cơ bong tróc, lờ rập,...

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG KELAT T (XÂY)

Chiều dày tường xây	Kích thước gạch xây	Chiều dày mạch vữa	Định mức vữa xây
100 mm	180*80*80 mm	8 - 10 mm	22 - 25 kg/m ²
200 mm	180*80*80 mm	8 - 10 mm	34 - 38 kg/m ²
100 mm	400*200*100 mm	8 - 10 mm	16 - 18 kg/m ²
200 mm	400*200*200 mm	8 - 10 mm	20 - 22 kg/m ²

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KELAT T (TÔ) khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 10 bao.

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KELAI

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Vữa xây dựng xi măng-cát, loại vữa khô trộn sẵn, vữa thường, mác M10

với nhãn hiệu thương mại

KELAI

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 4314:2003

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: SP 2960.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

GIÁM ĐỐC

*Phạm Lê Cường*

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

SKIMCOAT - VỮA TẠO NHÁM CHO
TƯỜNG VÀ TRẦN BÊ TÔNG**KESCO
BASE P02****MÔ TẢ SẢN PHẨM**

Vữa tạo nhám cho tường và trần bê tông KESCO BASE P02 có khối lượng thể tích 1400 – 1450 kg/m³, màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KESCO BASE P02 bao gồm xi măng poóc lăng, các loại bột khoáng thiên nhiên, chất giữ nước và các loại phụ gia polymers. Vữa KESCO BASE P02 – Là hỗn hợp vữa khô và nước, được thiết kế có độ dẻo, cường độ bám dính cao và khả năng giữ độ lưu động lớn.

ỨNG DỤNG

KESCO BASE P02 dùng để tô lớp vữa lót mỏng tạo nhám cho tường và trần bê tông. Là vữa lót kết nối giữa tường bê tông và vữa xây dựng. KESCO BASE P02 là giải pháp đặc biệt hiệu quả cho việc tô tường và trần bê tông có bề mặt nhẵn mịn mà vữa hệ xi măng - nước (hồ dầu) và vữa hệ xi măng-cát-nước truyền thống khó bám dính và sau khi tô có thể bong từng mảng.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Vữa có độ dẻo cao, mác cao, cường độ bám dính tốt, không bị chảy lỏng & tách nước, dễ thi công, thời gian sử dụng dài, hầu như không bị rơi vãi khi thi công, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Nâng cao chất lượng và Giá trị của công trình, tăng độ bám dính khi dùng để tô trát tường và trần bê tông, tạo lớp vữa trát bề mặt rắn chắc, có khả năng chống thấm tốt, không bị co giãn, bền, không bị rạn nứt theo thời gian.
- Là loại vữa trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, không bị rủi ro trong quá trình sử dụng tại công trình.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

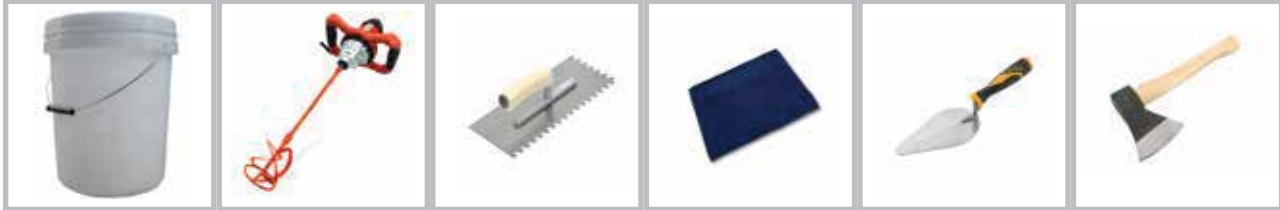
Vữa tạo nhám cho tường & trần bê tông KESCO BASE P02 có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 9028:2011 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Độ lưu động	180 - 210 mm
2	Độ giữ nước	≥ 90 %
3	Hàm lượng ion clo trong vữa	< 0.10 %
4	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	2.5 - 12.5* MPa
5	Cường độ bám dính sau khi kéo sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 0.40 MPa
6	Hệ số hút nước do mao dẫn	0.2 kg/m ² .phút 0.5

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đong nước, máy trộn cầm tay, bay răng cưa, dao trét, búa, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn vữa: Cho 6 – 7 lít nước sạch để trộn với khoảng 25 kg vữa khô KESCO (tỷ lệ N/K = 0,30 - 0,35) tạo hỗn hợp vữa KESCO BASE P02. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 5 – 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Chờ khoảng 2 phút để cho các hóa chất phát huy tác dụng, sau đó trộn lại 2 – 3 phút rồi bắt đầu thi công.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút, thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao, vì vậy sử dụng hết trong vòng 40 phút, tính toán dùng đến đâu trộn đến đó.

Thi công vữa tạo nhám:

- Dùng cạnh thẳng của bàn bả răng cưa để bả lớp vữa lên bề mặt tường và trần bê tông một lớp mỏng nhằm tăng độ bám dính cho vữa vào bề mặt bê tông. Bả lại lần nữa để đảm bảo lớp vữa có độ dày 2-3 mm.
- Sau đó, dùng bàn bả có cạnh răng cưa (4x5 mm) nghiêng 45° kéo tạo rãnh răng cưa theo phương ngang. Nên kéo tạo rãnh ngay sau khi bả lớp mỏng với diện tích nhỏ vừa tầm thi công tránh lớp vữa mỏng bị đông kết.
- Bảo dưỡng tự nhiên trong 24 giờ mới thi công lớp vữa tô lên trên.

Thi công tô (trát) vữa:

- Khuyến nghị dùng xi măng PCB40 (Nghi Sơn hoặc tương đương), cát sạch không lẫn tạp chất, không nhiễm mặn. Cát có modul độ lớn từ 1.5 - 2, kích thước hạt 0.3 – 1.25 mm.
- Tưới nước đều lên bề mặt lớp vữa tạo nhám trước khi thi công tô (trát) tiếp lớp vữa tô xây dựng (xi măng PCB40 + cát theo cấp phối được duyệt) mác 75-100 thông thường lên hoàn thiện tường.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chổng quá 10 bao.



CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KESCO BASE P02

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Vữa cho bê tông nhẹ

STT	Tên sản phẩm	Mãc	Nhãn hiệu thương mại
1	Vữa tô lớp lót tạo nhám cho tường và trần bê tông (vữa trát)	M10	KESCO BASE P02

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 9028:2011

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: SP 1350/2.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

SKIMCOAT - VỮA BẢ LỚP MỎNG CHO TƯỜNG & TRẦN BÊ TÔNG

KESCO BASSE 02



MÔ TẢ SẢN PHẨM

Bột bả lớp mỏng cho tường và trần bê tông KESCO BASE 02 có khối lượng thể tích 1250 – 1350 kg/m³, màu trắng hoặc màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KESCO BASE 02 bao gồm xi măng poóc lăng, các loại bột khoáng thiên nhiên, chất giữ nước và các loại phụ gia polymers.

Vữa KESCO BASE 02 – Là hỗn hợp bột bả tường và nước, được thiết kế có độ dẻo, cường độ bám dính cao và khả năng giữ độ lưu động lớn.

ỨNG DỤNG

Để bả lên các bề mặt bê tông làm lớp vữa kết nối giữa bề mặt bê tông với lớp bột bả hoàn thiện, lấy phẳng bề mặt bê tông, của tường & trần trước khi trét bộ bả hoàn thiện và lăn sơn.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và không gây ô nhiễm môi trường.
- Có độ dẻo cao, độ bám dính tốt, khả năng che phủ tốt, dễ thi công, dễ bả, không bị chảy lỏng & tách nước, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Nâng cao chất lượng và giá trị thẩm mỹ của công trình, tạo lớp vữa bảo vệ rắn chắc trên bề mặt bê tông, có khả năng chống thấm tốt, không bị bong tróc, rạn nứt theo thời gian.
- Là loại bột bả trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình sử dụng tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Bột bả lớp mỏng cho tường & trần bê tông KESCO BASE 02 có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7239:2014 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Độ lưu động	160 - 190 mm
2	Độ giữ nước	≥ 98 %
3	Độ cứng bề mặt	≥ 0.12
4	Cường độ bám dính sau 28 ngày khi kéo ở điều kiện chuẩn	≥ 0.45 MPa
5	Cường độ bám dính sau khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 0.30 MPa
6	Cường độ bám dính sau khi kéo sau khi lão hóa nhiệt	≥ 0.30 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn cầm tay, các loại bàn bả, dao trét, búa, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn vữa: Cho 6 – 7 lít nước sạch để trộn với khoảng 25 kg vữa khô KESCO (tỷ lệ N/K = 0,30 - 0,35) tạo hỗn hợp vữa KESCO BASE-02. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 5 – 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Chờ khoảng 2 phút để cho các hóa chất phát huy tác dụng, sau đó trộn lại 2 – 3 phút rồi bắt đầu thi công.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút, thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao, vì vậy sử dụng hết trong vòng 40 phút, tính toán dùng đến đâu trộn đến đó.

Thi công:

Dùng bàn bả nghiêng góc 45° bả một lớp mỏng vữa KESCO BASE 02 lên tường hoặc trần bê tông giống như thi công lớp bột trét, chiều dày lớp vữa không quá 2,0 mm. Cố gắng bả đều, tạo bề mặt phẳng & mịn.

Sau khoảng 4 giờ, khi lớp vữa KESCO BASE 02 đã đóng rắn & khô là có thể sử dụng bột bả hoàn thiện bề mặt tường và trần trước khi lăn sơn.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chống quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KESCO có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN KESCO BASE 02

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng, tên sản phẩm: Bột bả lớp nền cho tường và trần bê tông, nội thất và ngoại thất

với nhãn hiệu thương mại

KESCO BASE 02

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỐI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

có các chỉ tiêu được xác định trong Phụ lục kèm theo phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 7239:2014

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: SP 2961.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Cường

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

SKIMCOAT - VỮA TÔ LỚP DÀY
CHO TƯỜNG & TRẦN BÊ TÔNGKESCO
BASE 04

MÔ TẢ SẢN PHẨM

KESCO BASE 04 là dòng vữa xây dựng gốc xi măng với khối lượng thể tích 1400 – 1450 kg/m³, màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KESCO BASE 04 bao gồm xi măng, cát hạt vừa, phụ gia chống thấm và phụ gia polymers. Vữa KESCO BASE 04 được thiết kế có độ dẻo & độ bám dính cao, bền và có khả năng chống rạn nứt tốt, chuyên dụng cho việc tô lớp dày cho tường và trần bê tông có bề mặt nhẵn mịn.

ỨNG DỤNG

KESCO BASE 04 dùng để tô lớp vữa dày cho tường và trần bê tông. Hệ vữa tô lớp lót tạo nhám KESCO BASE P 02 và vữa tô lớp dày KESCO BASE 04 là giải pháp đặc biệt hiệu quả cho việc tô làm phẳng tường và trần bê tông có bề mặt nhẵn mịn mà hệ vữa xi măng - nước (hồ dầu) và vữa xi măng-cát-nước truyền thống khó hoặc không thể tô được.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Có khả năng chống thấm tốt, không bị co giãn, không rạn nứt theo thời gian.
- Vữa có độ dẻo cao, mác cao, cường độ bám dính tốt, không bị chảy lỏng & tách nước, dễ thi công, thời gian sử dụng dài, hầu như không bị rơi vãi khi thi công, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Là loại vữa trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, không bị rủi ro trong quá trình sử dụng tại công trình.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Vữa tô lớp dày cho tường & trần bê tông KESCO BASE 04 có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 9028:2011 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Độ lưu động	180 - 210 mm
2	Độ giữ nước	≥ 90 %
3	Hàm lượng ion clo trong vữa	< 0.10 %
4	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	2.5 - 12.5* MPa
5	Cường độ bám dính sau khi kéo sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 0.40 MPa
6	Hệ số hút nước do mao dẫn	0.2 kg/m ² .phút 0.5

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ : Xô hoặc thùng sạch, thùng đựng nước, máy trộn cầm tay, bàn xoa inox, bay răng cưa, bay thông thường, thước thẳng, găng tay, kính bảo hộ ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền - tường, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước. Bề mặt bê tông đã được tô 1 lớp vữa lót tạo nhám mỏng KESCO BASE P-02 trước đó ít nhất 1 ngày.

Trộn vữa: Cho 6 – 7 lít nước sạch để trộn với khoảng 25 kg vữa khô KESCO tạo hỗn hợp vữa KESCO BASE 04. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 5 – 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Chờ khoảng 2 phút để cho các hóa chất phát huy tác dụng, sau đó trộn lại 2 – 3 phút rồi bắt đầu thi công.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút, thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao, vì vậy sử dụng hết trong vòng 40 phút, tính toán dùng đến đâu trộn đến đó.

Thi công vữa:

- Quy trình thi công tô trát vữa KESCO BASE-04 lên tường và trần bê tông để tạo bề mặt phẳng như quy trình thi công tô trát vữa xây dựng. Cần chú ý khi phải tô (trát) lớp vữa dày thì phải trát làm nhiều lớp. Chiều dày mỗi lớp trát không được vượt quá 8 mm. Khi trát nhiều lớp, nên kẻ mặt trát thành các ô quả trám để tăng độ bám dính cho các lớp trát tiếp theo. Ô trám có cạnh khoảng 60 mm, vạch sâu từ 2 mm đến 3 mm. Khi lớp trát trước se mặt mới trát tiếp lớp sau. Nếu mặt lớp trát trước đã quá khô thì phải phun nước làm ẩm trước khi trát tiếp.
- Cần bảo dưỡng tường sau khi tô từ 3 - 5 ngày trước khi bả bột và sơn hoàn thiện.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chổng quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KESCO có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

TCVN ISO 9001:2015
ISO 9001:2015

BỘT BẢ TƯỜNG CAO CẤP

KESCO FINISH



KESCO F-IN

KESCO F-EX

MÔ TẢ SẢN PHẨM

KESCO FINISH là sản phẩm bột bả lớp hoàn thiện, dạng bột mịn có khối lượng thể tích 950 - 1250 kg/cm³. Thành phần chính bao gồm xi măng poóc lăng, các loại bột khoáng thiên nhiên và các loại phụ gia polyner.

KESCO FINISH có 2 loại và 2 loại màu trắng và xám:

- **KESCO F-IN** : Bột bả tường Nội thất.
- **KESCO F-EX** : Bột bả tường Ngoại thất.

ỨNG DỤNG

KESCO FINISH tạo lớp mỏng, rắn chắc và bám dính tốt trên tường, trần, cột bê tông, gạch AAC và vữa xi măng để làm phẳng, mịn các bề mặt trước khi sơn.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Bột bả tường KESCO FINISH là hỗn hợp trộn với nước, có độ dẻo cao, bám dính tốt, khả năng che phủ tốt.
- Dễ thi công.
- Tạo bề mặt mỏng nên tiết kiệm vật tư.
- Độ thẩm mỹ cao, không bị bong tróc hoặc nứt theo thời gian, bền với môi trường.
- Không chứa chất độc hại, thân thiện với môi trường.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Bột bả tường cao cấp KESCO FINISH có chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 7239-2014 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ KESCO F-IN	GIÁ TRỊ KESCO F-EX
1	Độ mịn (phần còn lại trên sàng 0.09 mm)	≤ 3,0 %	≤ 3,0 %
2	Độ lưu động	165 - 190 mm	165 - 190 mm
3	Thời gian bắt đầu đông kết	≥ 110 phút	≥ 110 phút
4	Thời gian kết thúc đông kết	≤ 450 phút	≤ 450 phút
5	Độ giữ nước	≥ 98 %	≥ 98 %
6	Độ cứng bề mặt	≥ 0.12	≥ 0.12
7	Cường độ bám dính ở ĐKC	≥ 0.35 MPa	≥ 0.45 MPa
8	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước 72 giờ	≥ 0.25 MPa	≥ 0.30 MPa
8	Cường độ bám dính sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt	-	≥ 0.30 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đóng nước, máy trộn cầm tay, các loại bàn, dao trét, búa chẹt, giấy nhám, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt: Tường và trần mới bằng vữa xi măng, thạch cao, bê tông hoặc gạch block AAC phải khô, sạch, ổn định kết cấu và không lồi lõm. Trước khi thi công cần phun nước làm ẩm bề mặt nhưng không để đọng nước. Tường và trần cũ phải được làm sạch dầu mỡ, cạo bỏ các lớp phủ cũ sau đó được rửa kỹ bằng nước sạch và để khô.

Trộn bột bả: Cần 14 - 15 lít nước sạch để trộn với một bao 40 kg bột bả (tỷ lệ : 0,35 - 0,37) để chế tạo matit KESCO FINISH. Phải dùng máy trộn cầm tay chuyên dụng để cho việc trộn hiệu quả tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho vào từ từ và trộn đều khoảng 5 - 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt độ lưu động theo yêu cầu. Chờ khoảng 2 phút để cho các hóa chất phát huy tác dụng, sau đó trộn lại 2 - 3 Phút rồi bắt đầu thi công.

**Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của matit sau khi trộn ~ 60 phút, thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao, vì vậy sử dụng hết matit trong vòng 60 phút, dùng đến đâu trộn đến đó.*

Bả bột bả:

- Bả lớp matit hoàn thiện KESCO FINISH: Dùng bay bả lớp matit hoàn thiện KESCO FINISH lên, nghiêng bàn góc 45° chiều dày lớp không quá 1,5 mm. Nếu bả quá dày thì có thể làm giảm độ bền của bột bả. Sau khoảng 4 giờ, khi lớp thứ 2 đã đóng rắn và khô thì dùng giấy nhám mịn xả phẳng và làm mịn bề mặt sau đó thổi bụi và có thể lăn sơn lót.

- Đối với tường và trần bằng vữa xây dựng có thể dùng 2 lớp matit hoàn thiện KESCO FINISH.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO FINISH khoảng 1.2 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

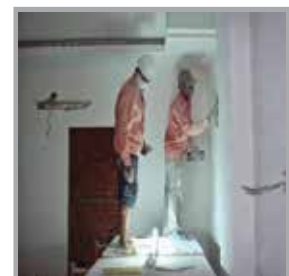
Bao 40 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chồng quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KESCO FINISH có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.



GIẢI PHÁP CHO GẠCH AAC & TẤM PANEL ALC

Đối với công trình ứng dụng loại gạch AAC và tấm panel ALC, Tenzi đã nghiên cứu và đưa ra các dòng sản phẩm chuyên dụng để xây tô cho loại vật liệu này và đã đi vào ứng dụng thực tế tại nhiều Dự án cho ra kết quả rất tốt. Bộ sản phẩm đó được miêu tả ứng dụng qua hình minh họa bên dưới:

3 KESCO BASE 03

SIMCOAT - VỮA BẢ LỚP NỀN CHO GẠCH AAC & TẤM PANEL ALC - TRONG NHÀ

- Chiều dày lớp vữa 2 - 3 mm
- Định mức sử dụng: 1.5 kg/mm/m²

2 KELAI - R

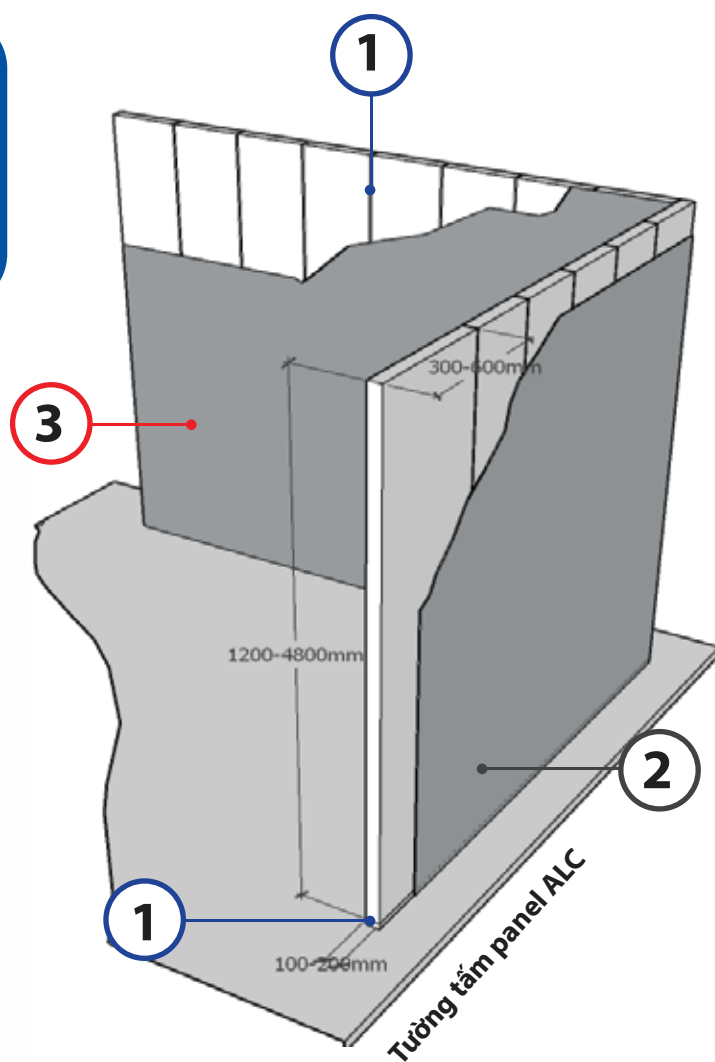
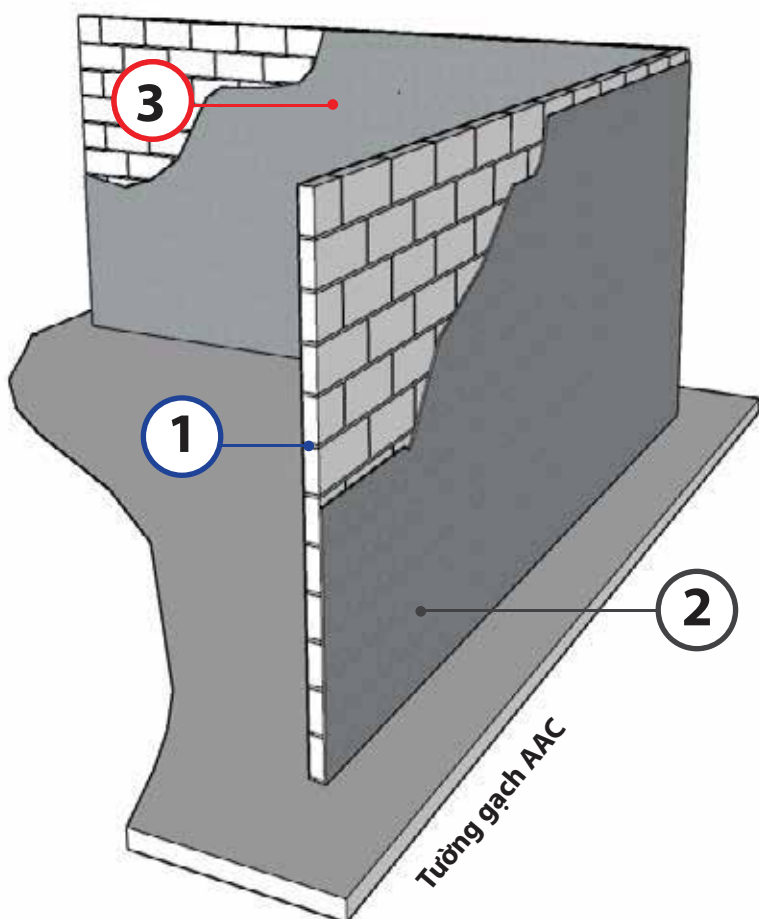
VỮA TÔ (TRÁT) CHO GẠCH AAC & TẤM ALC - NGOÀI TRỜI

- Chiều dày lớp vữa : 7 - 8 mm
- Định mức sử dụng: 16 - 18 kg/m².

1 KELAI - B

VỮA XÂY CHO GẠCH AAC & TẤM PANEL ALC

- Chiều dày mạch vữa : 3 - 4 mm
- Định mức sử dụng: 3.5 - 4.0 kg/m².



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

VỮA XÂY TÔ CHO GẠCH AAC & TẤM PANEL ALC KELAI



KELAI - B

KELAI - R

MÔ TẢ SẢN PHẨM

KELAI là dòng vữa xây dựng gốc xi măng với khối lượng thể tích 1450 – 1550 kg/m³, màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KELAI bao gồm xi măng poóc lăng hỗn hợp và cát hạt vừa. Vữa KELAI được thiết kế có độ dẻo, độ bám dính và khả năng giữ độ lưu động phù hợp, chuyên dụng cho xây tô (trát) gạch bê tông nhẹ AAC và tấm panel ALC

ỨNG DỤNG

- KELAI - B: Dùng để xây cho gạch AAC và tấm panel ALC
- KELAI - R: Dùng để tô (trát) cho gạch AAC và tấm panel ALC

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Vữa sạch tạp chất, không chứa hóa chất độc hại, có thể sử dụng cho hồ chứa nước để sinh hoạt, thân thiện với môi trường và không gây ô nhiễm môi trường.
- Có độ dẻo và độ bám dính phù hợp, dễ thi công, thời gian điều chỉnh cho phép dài, không bị chảy lỏng & tách nước, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Nâng cao chất lượng và giá trị thẩm mỹ của công trình, tăng độ bám dính khi dùng để xây và tô (trát) cho tường gạch đất sét nung truyền thống và gạch xi măng cốt liệu, tạo lớp vữa trát bề mặt rắn chắc, không bị co dãn, rạn nứt theo thời gian.
- Là loại vữa trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình pha chế tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

KELAI là dòng vữa xây dựng cho tường gạch AAC và tấm panel ALC phù hợp với TCVN 9028:2011 áp dụng cho vữa sử dụng để xây và hoàn thiện các công trình xây dựng, với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		KELAI - B	KELAI - R
1	Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	≤ 1.25 mm	≤ 1.25 mm
2	Độ lưu động	190 - 220 mm	180 - 210 mm
3	Khả năng giữ độ lưu động	≥ 90 %	≥ 90 %
4	Thời gian bắt đầu đông kết	≥ 180 phút	≥ 180 phút
5	Hàm lượng ion clo trong vữa	≤ 0.1 %	≤ 0.1 %
6	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 7.5 MPa	≥ 7.5 MPa
7	Cường độ bám dính sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 0.4 MPa	≥ 0.4 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn vữa chuyên dụng, các loại bàn bả, bay, thước gạt, máy laser, găng tay, kính bảo hộ...

Chuẩn bị gạch để xây (gạch AAC và tấm panel ALC): Nếu gạch khô quá thì dùng bình phun tia nước dạng mưa phun lên bề mặt gạch làm sạch bụi bẩn và tạo ẩm, khi trát vữa sẽ bám dính tốt hơn.

Chuẩn bị bề mặt trát có tác dụng quan trọng đối với bức tường về sau: Trước khi trát, nhất thiết phải vẩy nước làm ướt mặt tường, để tường gạch không hút nước của vữa khi chưa đủ thời gian đông cứng. Nguyên tắc chung là bề mặt cần trát phải sạch lớp vữa có thể bám dính vào được.

Trộn keo: Cho 11 – 12 lít nước sạch để trộn một bao 50 kg bột KELAI. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng, ví dụ máy trộn xoay cánh Z để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 4 – 5 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Đợi 1 – 2 phút, sau đó trộn lại và sử dụng. Chú ý không được để bột dính trên thùng trộn và hạn chế tạo bọt khí.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 120 phút. Thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao hoặc bề mặt có độ hút nước lớn.

Xây tường bằng vữa xây KELAI-B: Dùng dao xây răng cưa để bả vữa lên bề mặt nền gạch phần vữa tiếp xúc cạnh nằm. Chiều dày lớp vữa xây khoảng từ 3 – 4 mm. Bả vữa lên cạnh viên gạch phần tiếp xúc của cạnh đứng. Bề rộng vữa đảm bảo bằng bề rộng viên gạch. Xếp gạch lên lớp vữa, dùng dao xây hoặc búa cao su gõ nhẹ mạch vữa sẽ tràn ra đều và làm cho viên gạch được bám dính chắc chắn vào nhau. Sau đó dùng bay gạt bỏ vữa thừa ở hai bên cạnh tường cho mỗi hàng gạch và xây hàng gạch tiếp theo.

Trát tường bằng vữa trát KELAI-R: Quá trình trát tường nên tiến hành từ tường ngoài trước, tường trong sau, trần và tường vách trước, hoàn thiện sàn nền sau cùng. Diện tích mặt tường ngoài cần trát thường lớn, nên phải căng dây lấy chuẩn, xác định độ dày của lớp trát trước rồi mới tiến hành, tránh trường hợp thành nhiều mặt phẳng khác nhau. Nguyên tắc chung khi trát mặt tường phẳng, người thợ cần lấy ghém chuẩn ở bốn góc bức tường để xác định độ dày lớp vữa cần trát. Càng trát mỏng càng tiết kiệm vật tư và lớp trát ít nguy cơ bong tróc, lờ rập. Các lớp lót phải dùng bay khía cạnh để làm cho lớp sau kết dính tốt hơn. Các vị trí mép tường, khuôn cửa cần dọi, đánh thẳng bằng để đường nét được thẳng, sắc. Trát tường thường chiều dày lớp vữa từ 7 - 8 mm, xu hướng là tường xây đạt độ phẳng cao để có thể trát mỏng để tiết kiệm vật tư và lớp trát ít nguy cơ bong tróc, lờ rập,...

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG KELAI-B (XÂY)

Chiều dày tường xây	Kích thước	Chiều dày mạch vữa	Định mức vữa xây
100 mm	100*200*600mm	3 - 4 mm	4 - 5 kg/m ²
200 mm	100*600*(1200-4800) mm	3 - 4 mm	4 - 5 kg/m ²

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức **KELAI-R (TÔ)** lớp vữa dày 7-8mm: 16-188 kg/m²

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chong quá 10 bao.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

SKIMCOAT - VỮA BẢ LỚP NỀN
CHO GẠCH & TẤM PANEL ALC**KESCO
BASSE 03****MÔ TẢ SẢN PHẨM**

Bột bả lớp nền cho tường gạch bê tông nhẹ KESCO BASE-03 có khối lượng thể tích 1250 – 1350 kg/m³, màu trắng hoặc màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của KESCO BASE-03 bao gồm xi măng poóc lăng, các loại bột khoáng thiên nhiên, chất giữ nước và các loại phụ gia polymers. Vữa KESCO BASE-03 – Là hỗn hợp bột bả tường và nước, được thiết kế có độ dẻo, cường độ bám dính cao và khả năng giữ độ lưu động lớn, dùng để trát (bả) lên bề mặt tường gạch AAC và tấm panel ALC làm lớp vữa kết nối giữa bề mặt tường với lớp bột bả hoàn thiện làm phẳng, mịn bề mặt tường trước khi lăn sơn

ỨNG DỤNG

Đề bả lên các bề mặt tường gạch AAC và tấm panel ALC làm lớp vữa kết nối giữa bề mặt bê tông nhẹ với lớp bột bả hoàn thiện làm phẳng, mịn bề mặt tường & trần trước khi lăn sơn.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và không gây ô nhiễm môi trường.
- KESCO BASE-03 có độ dẻo cao, độ bám dính tốt, khả năng che phủ tốt, dễ thi công, dễ bả, không bị chảy lỏng & tách nước, tiết kiệm vật tư và nhân công.
- Nâng cao chất lượng và giá trị thẩm mỹ của công trình, tạo lớp vữa bảo vệ rắn chắc trên bề mặt gạch AAC và tấm panel ALC, có khả năng chống thấm tốt, không bị bong tróc, rạn nứt theo thời gian.
- Là loại bột bả trộn sẵn, chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình pha chế tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

KESCO BASE 03 Vữa bả lớp nền cho tường gạch AAC và tấm panel ALC có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7239:2014 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Độ lưu động	160 - 190 mm
2	Độ giữ nước	≥ 98 %
3	Độ cứng bề mặt	≥ 0.12
4	Cường độ bám dính sau 28 ngày khi kéo ở điều kiện chuẩn	≥ 0.45 MPa
5	Cường độ bám dính sau khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 0.30 MPa
6	Cường độ bám dính sau khi kéo sau khi lão hóa nhiệt	≥ 0.30 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng sạch, thùng đựng nước, máy trộn cầm tay, bàn xoa inox, dao bả bằng thép hoặc nhựa chuyên dùng, găng tay, kính bảo hộ ...



Chuẩn bị bề mặt:

Tường phải khô, sạch, ổn định kết cấu và không quá lồi lõm. Trước khi thi công cần phun nước làm ẩm bề mặt nhưng không để đọng nước.

Trộn vữa:

Cần 10 – 12 lít nước sạch để trộn với một bao 50 kg bột bả KESCO BASE-03 (tỷ lệ N/K = 0,25 - 0,30) để chế tạo vữa KESCO BASE-03. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng, ví dụ máy trộn xoay cánh Z hoặc bằng máy trộn cầm tay có motor cánh khuấy, để cho việc khuấy trộn để đạt được hiệu quả trộn tốt nhất. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 5 – 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Chờ khoảng 2 phút để cho các hóa chất phát huy tác dụng, sau đó trộn lại 2 – 3 phút rồi bắt đầu thi công.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút, thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao, vì vậy sử dụng hết matit trong vòng 40 phút, tính toán dùng đến đâu trộn đến đó.

Thi công:

Dùng bay, dao trét nghiêng 45° bả vữa KESCO BASE-03 lên tường gạch AAC và tấm panel ALC, chiều dày lớp vữa không quá 2,0 mm. Cố gắng bả đều, tạo bề mặt phẳng & mịn.

Sau khoảng 4 giờ, khi lớp vữa KESCO BASE-03 đã đóng rắn & khô, là có thể lăn sơn trực tiếp lên hoặc có thể bả thêm 1 lớp bột bả hoàn thiện.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO BASE 03 khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 50 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chổng quá 10 bao.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KESCO BASE 03 có chứa xi măng nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể, nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

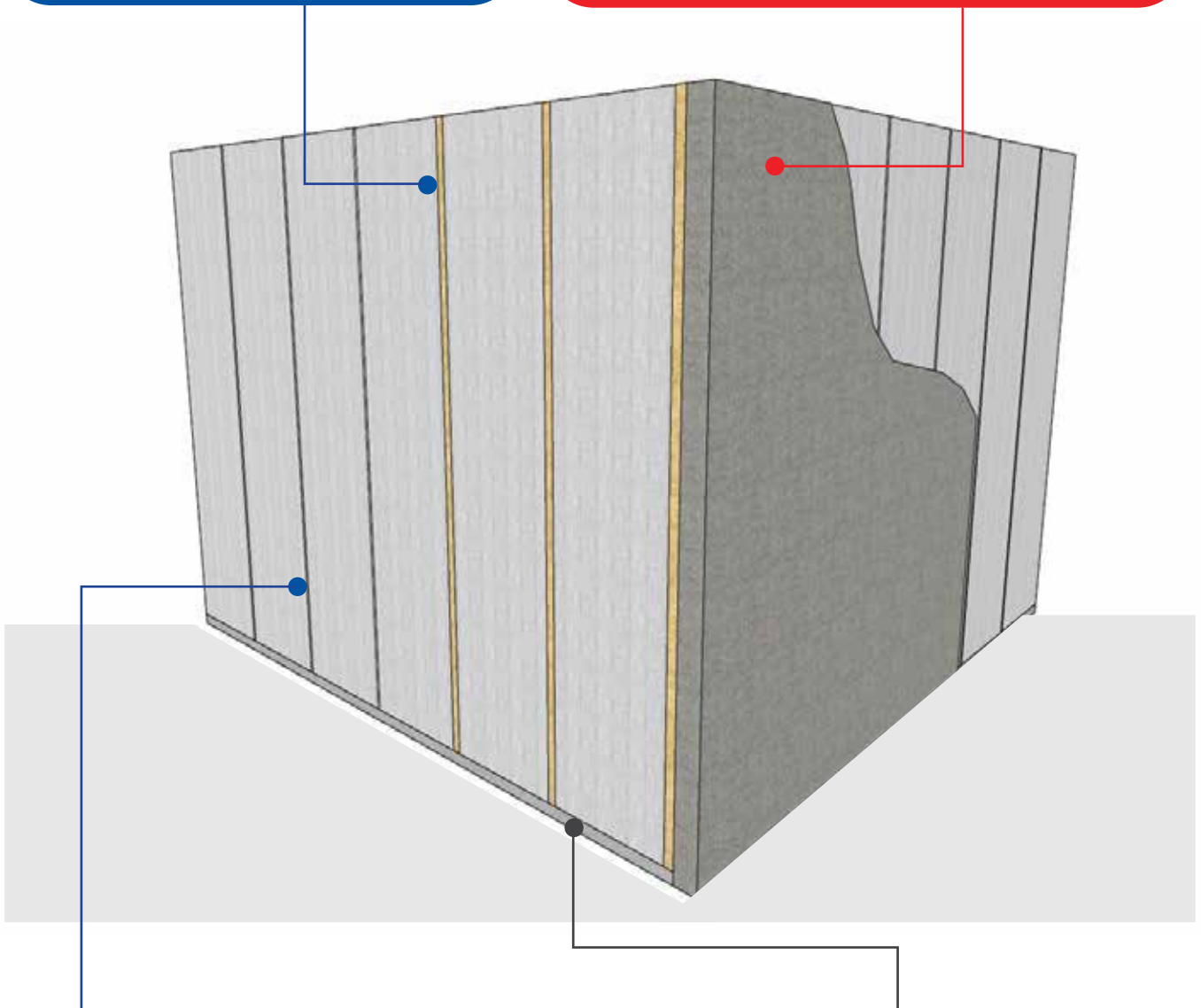
GIẢI PHÁP CHO TẤM TƯỜNG ACOTEC

KESCO - E**VỮA BẢ ĐÀN HỒI NỘI NGOẠI THẤT**

- Bột bả dạng sệt dùng để làm phẳng bề mặt mỗi nối tránh bị rạn nứt
- Chiều dày mạch vữa : 1 - 2 mm.

KESCO BASE 02**VỮA BẢ LỚP MỎNG CHO TƯỜNG & TRẦN BÊ TÔNG**

- Hoàn thiện bề mặt tường sau khi lắp dựng rồi bả sơn hoàn thiện
- Chiều dày lớp vữa 2 - 3 mm

**ACOMO-S****VỮA CHUYÊN DỤNG GHÉP TẤM PANEL ACOTEC**

- Cường độ bám dính cao dùng để liên kết các tấm lại với nhau
- Chiều dày khoảng hở giữa hai tấm: 2 - 10mm

KELAI - T100**VỮA XÂY CHÈN CHÂN MÁC 100**

- Chèn vữa chân tấm Acotec cố định với nền.
- Chiều dày khoảng hở : 10 - 40 mm

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

VỮA CHUYÊN DỤNG GHÉP TẮM PANEL TƯỜNG ACOTEC ACOMO-S



MÔ TẢ SẢN PHẨM

ACOMO là dòng vữa gốc xi măng cho tấm Acotec với khối lượng thể tích 1450 – 1550 kg/m³, màu xám, dạng bột mịn. Thành phần chính của ACOMO bao gồm xi măng, cát hạt vừa, sợi xenlulo và phụ gia polymers. Vữa ACOMO được thiết kế có độ dẻo & độ bám dính cao và khả năng giữ độ lưu động lớn, chuyên dụng cho việc xây dán các tấm Acotec với tường và trần bê tông và dán ghép các tấm Acotec với nhau.

ỨNG DỤNG

ACOMO là dòng vữa cho tấm Acotec gồm có 2 loại vữa, cụ thể như sau:

- ACOMO-S - Là vữa tiêu chuẩn dùng để dán ghép các tấm Acotec với nhau, liên kết các tấm Acotec với trần và nền. Dùng cho tường hầu như không chịu sự rung động.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Vữa sạch tạp chất, không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và không gây ô nhiễm môi trường.
- Vữa có độ dẻo cao, mác và cường độ bám dính cao để dán và ghép các tấm Acotec trong quá trình thi công.
- Vữa có khả năng chống thấm tốt, bền, không bị co giãn, rạn nứt theo thời gian.
- Là loại vữa trộn sẵn, chất lượng luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình pha chế tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

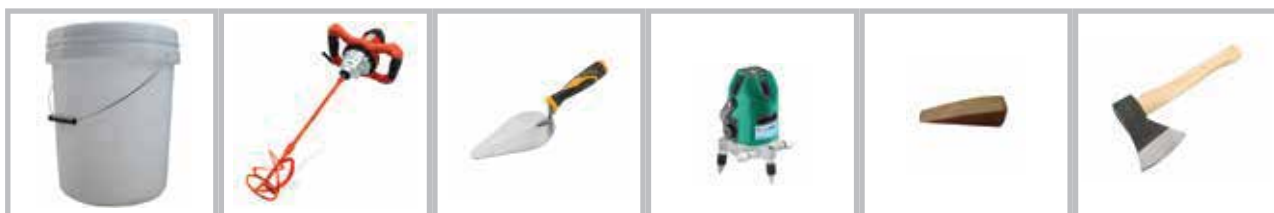
Dòng vữa ACOMO được thiết kế phù hợp với TCVN 9028:2011 - Vữa cho bê tông nhẹ, cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	≤ 1.25 mm
2	Độ lưu động	180 - 210 mm
3	Khả năng giữ độ lưu động	≥ 90 %
4	Hàm lượng ion clo trong vữa	≤ 0.10 %
5	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 10.0 MPa
6	Cường độ uốn sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 1.0 MPa
7	Hệ số hút nước do mao dẫn	0.2 kg/m ² .phút 0.5

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ : Xô hoặc thùng sạch, thùng đựng nước, máy trộn cầm tay, bay xây dựng, máy định vị laser, đòn bẩy, nêm gỗ, thước thẳng, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị các cấu kiện bê tông: Bề mặt tấm cấu kiện bê tông phải sạch hoặc phải được làm sạch khỏi bụi bẩn dầu mỡ và những mảnh vụn và nước xi măng. Làm ẩm bề mặt tiếp xúc với vữa, nhưng không để đọng nước.

Trộn vữa: Cho 5 – 6 lít nước sạch để trộn một bao 25 kg bột ACOMO. Không được trộn vữa bằng tay, phải dùng máy trộn vữa chuyên dụng. Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, bật cánh khuấy, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 5 – 7 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo và đồng nhất, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt được độ lưu động yêu cầu. Đợi 2 – 3 phút cho vữa ngấu, sau đó trộn lại 2 - 3 phút rồi sử dụng.

Chú ý: Trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ bình thường, thời gian sử dụng của vữa sau khi trộn khoảng 60 phút. Thời gian sử dụng sẽ giảm nếu điều kiện thời tiết có nắng to, gió hanh, nhiệt độ cao hoặc bề mặt có độ hút nước lớn.

Thi công:

- Dán (xây) các tấm Acotec bằng dòng vữa ACOMO: Chiều dài của tấm Acotec được thiết kế dài suốt từ nền đến trần của căn phòng. Các tấm Acotec có thể được cắt cho phù hợp kích thước của bức tường cần lắp ráp.
- Đầu tiên là lắp ráp định vị tấm panel thứ 1: Phần đầu panel tiếp xúc với trần được bả sẵn lớp vữa dày khoảng 5 mm. Dùng đứng tấm panel lên, với sự hỗ trợ của các dụng cụ thiết bị (thước thẳng, livô máy định vị laser,...), dùng đòn bẩy, con kê (nêm gỗ), kê đáy định vị chuẩn và chắc chắn tấm panel thứ 1, dùng bay trát vữa lên bề mặt cạnh tiếp xúc với tấm panel thứ 2 kế tiếp (phần chiều dày của tấm Acotec) rồi đến việc chuẩn bị và dựng tấm panel thứ 2 lên để ghép với tấm panel thứ 1. Chiều dày lớp vữa dán ghép thông thường khoảng 3-5 mm.
- Dùng đòn bẩy để bẩy cho 2 tấm panel sát vào nhau, vữa sẽ tràn ra đều và làm cho 2 tấm panel được tiếp xúc với vữa bám dính chắc chắn vào nhau. Sau đó dùng bay miết vữa ACOMO-S chặt vào khe lắp ráp.
- Khe tiếp xúc giữa tấm panel với nền được trét chặt bằng vữa ACOMO-S. Cứ như vậy tiếp tục lắp ráp tấm panel thứ 3 kế tiếp cho đến khi hoàn thành bức tường của căn phòng.



ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Tường dày 100-140 mm khoảng 5 - 6 kg/m²/3mm

ĐÓNG BAO

Bao 25 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chổng quá 10 bao.

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN ACOMO-S

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Vữa cho bê tông nhẹ

STT	Tên sản phẩm	Mác	Nhãn hiệu thương mại
1	Vữa chuyên dụng ghép tấm Panel Acotec (vữa xây)	M10	ACOMO-S

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI

Trụ sở: 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy: T263, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 9028:2011

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: SP 1350/1.21.16

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 17/05/2021 đến ngày 16/05/2024

GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Cường

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

SKIMCOAT VỮA BẢ ĐÀN HỒI NỘI NGOẠI THẤT KESCO-E



MÔ TẢ SẢN PHẨM

- Nhựa Acrylic, các phụ gia polymer và phụ gia khoáng.
- Được pha chế sẵn dạng bột nhão sử dụng ngay.

ỨNG DỤNG

Để bả lên các bề mặt của các loại vật liệu (vữa xi-măng, bê tông, bê tông nhẹ,...) tại các vị trí mối nối liên kết đàn hồi để làm phẳng, mịn các bề mặt..

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

Bột bả KESCO-E có những phẩm chất vượt trội như sau:

- Có độ dẻo cao, độ bám dính và thấm tốt, dễ thi công, dễ bả và đặc biệt là khả năng đàn hồi để làm phẳng và mịn các bề mặt.
- Tạo lớp vữa bảo vệ bền chắc có tác dụng khâu vết nứt rộng 2mm, không bị bong tróc, rạn nứt theo thời gian và nâng cao chất lượng thẩm mỹ của công trình.
- Là vữa sử dụng ngay, không hóa chất độc hại, bền và thân thiện với môi trường, không gây ô nhiễm.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Vữa bả đàn hồi nội ngoại thất KESCO-E các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		PHƯƠNG PHÁP THỬ	GIÁ TRỊ
1	Khối lượng thể tích, kg/lít	TCVN 3121-6 : 2003	1400-1500 kg/lít
2	Độ giãn dài, %	ASTM D412-2006	≥ 30 %
3	Cường độ bám dính với nền, MPa	TCVN 3121-12:2003	≥ 0.5 MPa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Chuẩn bị dụng cụ: Dụng cụ thi công KESCO-E: Bàn xoa inox, bay, dao bả bằng thép hoặc nhựa chuyên dùng, găng tay, kính bảo hộ ...

Chuẩn bị bề mặt: Làm sạch bề mặt vật liệu tiếp xúc bằng cách dùng giấy ráp hoặc bàn chải sắt... Dùng chổi lông phủ hết bụi (nếu bề mặt khô) hoặc phun nước rửa sạch (nếu bề mặt ướt). Tránh các chất bẩn như bụi, dầu mỡ, vật liệu khác... dính trên bề mặt tiếp xúc. Bề mặt vật liệu cần được làm ẩm bão hòa nước nhưng không để đọng nước. Để tận dụng tính bám dính cao của lớp bả KESCO-E, lớp vật liệu trát tường phải có cường độ nén không nhỏ hơn 5 MPa.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Chuẩn bị vữa KESCO-E : Vữa KESCO-E được bảo quản trong thùng có nắp đậy kín, mỗi thùng chứa 20kg vữa. Ước tính khối lượng sử dụng để lấy đủ vữa ra khỏi thùng. Không nên để vữa tiếp xúc lâu quá 5 giờ với không khí, khi đó vữa sẽ bị mất tính dẻo. Lượng vữa còn lại phải được bảo quản trong thùng có nắp đậy kín. Dùng bay trộn lượng vữa lấy ra trong 2 – 3 phút cho vữa đồng nhất trước khi sử dụng.

Thi công:

- Dùng bộ dụng cụ bả để bả KESCO-E và chà phẳng thành lớp mỏng.
- Nên bả thành 2 lớp. Lớp thứ nhất bả lướt cho bao phủ hết nền bả. Lớp thứ 2 được bả tiếp khi lớp thứ nhất đã hơi khô, se bề mặt (sau khi bả lớp thứ 1 khoảng 1 - 2 giờ là có thể bả lớp thứ 2). Chiều dày mỗi lớp bả không nên quá 1,2mm. Tổng chiều dày 2 lớp bả không nên quá 2,5mm.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức KESCO-E khoảng 1.45 kg/m²/mm

ĐÓNG THÙNG

Thùng nhựa kín 20 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

6 tháng, kể từ ngày sản xuất, với điều kiện sản phẩm được bảo quản trong thùng có nắp đậy kín, ở nhiệt độ từ 5 đến 40°C. Thời gian sử dụng khi đã mở nắp (sau đó lại đậy kín) là trước 1 tháng, kể từ ngày mở nắp.

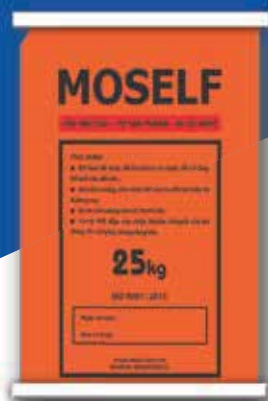
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG

KESCO-E là sản phẩm có mang tính kiềm, nên có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể. Nên sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công sản phẩm để giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp với da. Nếu bị vật liệu văng vào mắt, hãy rửa sạch ngay lập tức bằng nước sạch và đến bác sĩ ngay. Tham khảo thêm các tài liệu về an toàn lao động.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

VỮA MÁC CAO
TỰ SAN PHẪNG - BÙ CO NGÓT

MOSELF M220



MÔ TẢ SẢN PHẨM

MOSELF-M220 là vữa gốc xi măng có khối lượng thể tích 1350 – 1400 kg/m³, màu xám, là loại vữa tự san phẳng, có độ lưu động cao, sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau trong công việc xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thành phần chính của MOSELF-M220 bao gồm xi măng, cát và các loại phụ gia polymers.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Độ chảy lỏng tuyệt hảo, khả năng lấp những lỗ rỗng phức tạp và tạo bề mặt phẳng và nhẵn mịn.
- Sự ổn định về kích thước và hình dáng.
- Không chứa clorua, không làm kim loại rỉ sét và tổn hại khi tiếp xúc.
- Có cường độ bám dính cao, phù hợp với bê tông và xi măng Portland.
- Dễ dàng và sử dụng được ngay.
- Không độc, không ăn mòn,
- Chất lượng sản phẩm luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, không bị rủi ro trong quá trình pha chế tại công trình.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.

ỨNG DỤNG

- Sử dụng để làm phẳng và nhẵn các bề mặt bê tông, vữa xi măng mới và cũ trước khi thi công các lớp phủ cuối cùng.
- Sử dụng để thi công làm phẳng nhẵn các lớp sàn cách nhiệt và các bề mặt gốc thạch cao (khi thi công bề mặt gốc thạch cao phải khô hoàn toàn, độ ẩm W<0,5%, chú ý phải làm sạch bụi bẩn và các lớp yếu).
- Sử dụng cho các công trình xây dựng dân dụng và các khu vực chịu tải trọng và lưu thông thường xuyên như văn phòng, khu vực công cộng và công nghiệp.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Vữa mác cao tự san phẳng & bù co ngót MOSELF M220 được sản xuất theo quy trình kiểm tra chất lượng ISO 9001:2015 với các giá trị tiêu biểu như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		GIÁ TRỊ
1	Khối lượng thể tích	2.2 - 2.3 kg/lít
2	Độ lưu động	≥ 300 mm
3	Độ tách nước	không tách nước
4	Cường độ nén sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 22.0 MPa
5	Cường độ uốn sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 7.0 MPa
6	Cường độ bám dính khi kéo sau 28 ngày ở điều kiện chuẩn	≥ 0.5 MPa
7	Khả năng chịu mài mòn	3.5 g

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dụng cụ : Xô hoặc thùng sạch, thùng đựng nước, máy trộn vữa cầm tay, bàn gạt, máy đo mặt phẳng sàn, thanh gạt thẳng, con lăn gai, con lăn sơn, giày đinh, găng tay, kính bảo hộ ...



Chuẩn bị bề mặt: Bề mặt sử dụng sạch sẽ, không dính bụi bẩn, dầu mỡ và các tạp chất khác... Loại bỏ các ba vế bê tông và vữa trên bề mặt nền, bề mặt phải được làm ẩm nhưng không bị đọng nước.

Trộn KESCO PRIMER + xi măng PCB40 để xử lý bề mặt nền:

- Đổ 2 lít PRIMER vào thùng trộn, đổ từ từ 3 kg xi măng vào. Dùng máy trộn cầm tay trộn đều liên tục 5-7 phút để đạt được 5 kg hỗn hợp hồ kết dính đồng nhất.

Lăn hồ kết dính:

- Đổ hỗn hợp hồ ra máng, dùng con lăn sơn nước thấm đều chất kết dính PRIMER lăn đều lên bề mặt nền. Sau 15 phút, lăn lớp thứ 2 sao cho phủ kín bề mặt nền để tạo lớp liên kết giữa nền bê tông (vữa xây dựng) với vữa cán nền tự san phẳng MOSELF M220.
- Sau khi lăn hỗn hợp hồ kết dính trong vòng 1 - 2 giờ để bề mặt lớp hồ kết dính se mặt hoàn toàn, thì bắt đầu thi công lớp vữa cán nền tự san phẳng MOSELF M220.

Trộn vữa:

Cần 5 – 6 lít nước sạch để trộn một bao 25 kg bột MOSELF-M220 (tỷ lệ nước/bột khô = 0,21 - 0,22). Trước tiên, đổ 80% lượng nước cần trộn vào thùng sạch, sau đó cho bột vào từ từ và trộn đều khoảng 3-4 phút đến khi tạo thành hỗn hợp vữa dẻo, cho thêm phần nước còn lại vào và trộn khoảng 2-3 phút để đạt được độ lưu động yêu cầu. Đợi khoảng 2 phút, sau đó trộn lại khoảng 1 phút và sử dụng. Chú ý thời gian trộn không quá 10 phút và không được để bột dính trên thùng trộn và hạn chế tạo bọt khí.

Thi công vữa tự san phẳng:

- Vữa rót không co ngót MOSELF-M220 nên được bơm hoặc đổ rót thủ công ngay sau khi trộn. Khi rót vữa lên bề mặt nền làm sàn, phải giữ cho dòng chảy của vữa liên tục, không bị gián đoạn đảm bảo bọt khí trong vữa được thoát ra hết.
- Sau khi vữa đã tự san phẳng đạt độ dày cần thiết, dùng con lăn gai di chuyển trên bề mặt để phá bọt tạo bề mặt phẳng hoàn hảo.
- Thời gian sử dụng vữa sau khi trộn là 45 phút (ở nhiệt độ khoảng 23°C). Thời gian này sẽ ít hơn khi có gió hanh và khi ở nhiệt độ cao hơn.
- Sàn được thi công làm nhiều lớp, mỗi lớp cách nhau 3-4 giờ và chiều dày mỗi lớp khoảng 10 mm, Sau khi thi công lớp vữa cuối cùng khoảng 24 giờ, sàn vữa đã khô cứng thì mới được thi công các lớp phủ khác lên trên.
- Khi thi công sàn có diện tích lớn thì nên chia ô, diện tích mỗi ô khoảng 50 m² để thi công khe co giãn.

Thời gian cho phép sử dụng đối với nền và lưu thông nhẹ là 24 giờ sau khi thi công dán gạch và thời gian cho phép hoàn toàn sử dụng sau 48 giờ.



ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Định mức MOSELF M220 khoảng 1.8 kg/m²/mm

ĐÓNG BAO

Bao 25 kg

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chống quá 10 bao.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

CHỐNG THẤM CO DẪN
HAI THÀNH PHẦN GỐC XI MĂNG

KETAI



MÔ TẢ SẢN PHẨM

KETAI là vữa chống thấm cải tiến gốc xi măng-polyme loại 2 thành phần. Thành phần A - Chất kết dính dạng lỏng màu trắng, là nhũ tương của nhựa tổng hợp đặc chủng và phụ gia polyme. Thành phần B - Hỗn hợp các chất dạng bột mịn màu xám, là hỗn hợp của xi măng và các loại phụ gia khoáng hoạt tính. Hai thành phần này khi trộn với nhau tạo thành dạng vữa lỏng mịn với độ bám dính cao vào hầu hết mọi bề mặt.

ỨNG DỤNG

KETAI được chế tạo để sử dụng như màng chống thấm hiệu quả cho nhiều loại bề mặt (bê tông, vữa xây dựng, xương gạch gốm ceramic ...). Ứng dụng bao gồm:

- Chống thấm cho bể nước, hồ nước, hồ ga, bồn trồng cây... trước khi lát gạch hay hoàn thiện các bề mặt khác.
- Chống thấm tầng hầm, tường chắn, thềm, sân thượng, ban công, bếp và nhà vệ sinh.
- Chống thấm cho cầu, cầu vượt trước khi làm lớp ngoài để bảo vệ bê-tông khỏi thấm nước mưa.
- Trám các vết nứt chân chim.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

- Có độ dẻo cao, dễ thi công, có thể thi công bằng cọ hoặc phun.
- Có độ bám dính cao, có khả năng bám dính tốt trên nhiều loại bề mặt khác nhau.
- Màng chống thấm cho phép hơi nước thoát qua, giúp bề mặt thở được, tránh áp suất hơi nước.
- Màng chống thấm dẻo và có khả năng co giãn đàn hồi tốt trong các điều kiện môi trường thực tế sử dụng, chịu được vết nứt bề mặt đến 2 mm.
- Bền với môi trường, chịu được thời tiết khắc nghiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam.
- Không độc, có thể sử dụng chống thấm cho bề mặt có tiếp xúc với nước uống.

CÁC TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Chống thấm 2 thành phần KETAI có chất lượng phù hợp với Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia QCVN 16-5:2014/BXD đối với vật liệu chống thấm gốc xi măng – polime, cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		KETAI
1	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	≥ 0.5 MPa
2	Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt	≥ 0.5 MPa
3	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường	≥ 0.75 mm
4	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5 bar trong 7 ngày	Không thấm
5	Độ bền kéo đứt ở ĐKC phòng thử nghiệm (25 ± 3) oC, (60 ± 5) % RH	≥ 1.0 MPa
6	Độ bền kéo đứt sau lão hóa 24 giờ ở 50°C trong không khí	≥ 1.0 MPa
7	Độ bền kéo đứt lão hóa trong không khí 24 giờ rồi ngâm 72 giờ trong dd NaOH 0,1%.	≥ 1.0 MPa
8	Độ bền kéo đứt lão hóa trong không khí 24 giờ rồi ngâm 72 giờ trong dd HCL 3%.	≥ 1.0 MPa
9	Độ co giãn của màng chống thấm trước và sau lão hóa	160 %

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Dụng cụ: Xô hoặc thùng trộn, can đo nước, máy trộn vữa chuyên dụng, con lăn sơn, cọ quét các loại, găng tay, kính bảo hộ...



Chuẩn bị bề mặt tốt là rất quan trọng để đạt được chất lượng tối ưu: Bề mặt phải chắc, cứng, sạch, không có bụi bẩn, dầu, mỡ hay các chất bẩn khác. Vụn xi măng, bụi bẩn, chất tháo khuôn, chất bảo dưỡng và các chất bẩn khác phải được làm sạch bằng máy mài ướt, phun nước áp lực cao (khoảng 150 bar) hay các phương pháp phù hợp khác.

Trộn vữa chống thấm:

Nên trộn vữa bằng máy khoan tay loại mạnh tốc độ chậm (khoảng 500 vòng/phút) gắn với lưỡi trộn thích hợp. Cho khoảng 75% Thành phần A (lông) vào trong 1 thùng sạch. Cho máy trộn chạy và cho thành phần B (bột) vào từ từ. Trộn trong khoảng 3 phút cho đến khi có được hỗn hợp đồng nhất. Cho toàn bộ phần còn lại của thành phần A vào và tiếp tục trộn vữa thêm 2 phút nữa cho đều thành dạng hồ dầu sệt.

Thi công

- Việc che chắn khu vực thi công khỏi bị ánh nắng mặt trời trực tiếp và gió để tránh sự khô quá nhanh của lớp quét là cực kỳ quan trọng.
- Thi công bằng cách dùng cọ quét vữa hay phun vữa lên bề mặt để tạo nên màng liên tục. Độ dày màng khoảng 1,5 mm cho bề mặt thẳng đứng, trần và khoảng 2,0 mm cho các bề mặt nằm ngang. Thông thường thi công 2 lớp, ở những nơi bị thấm nước trầm trọng thì thi công 3 lớp.
- Thi công lớp thứ 1 lên bề mặt đang còn ẩm do được bảo hòa. Sau khi lớp thứ 1 khô, sau khoảng 4 - 8 giờ tùy điều kiện thời tiết, thì mới được thi công lớp thứ 2. Để tránh tình trạng lổ mọt nên thi công lớp thứ 2 vuông góc với hướng của lớp thứ 1. Nếu lớp thứ 2 được thi công sau 12 giờ hoặc trễ hơn thì phải làm ẩm sơ lớp thứ 1 bằng cách phun nước nhẹ.

Bảo dưỡng:

Sự khô chậm của màng KETAI đảm bảo sự bảo dưỡng đồng nhất và tính năng chống thấm cao. Phải bảo vệ lớp KETAI tránh khỏi sự khô quá nhanh do nhiệt độ cao hay gió mạnh. Nên bảo dưỡng bằng bao tải ướt, tấm trải nhựa.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

- Thông thường thi công chống thấm 2 lớp vữa, ở những nơi bị thấm nước trầm trọng thì thi công 3 lớp.
 - Khi chống thấm phòng tắm, sân thượng, ban công và những nơi có áp lực nước đến 1m: Lượng dùng khoảng 1,2-1,3 kg/m²/lớp.
 - Khi chống thấm những nơi có áp lực nước trên 1m hoặc chống sương giá: Lượng dùng 2kg /m²/ lớp.
 - Một bộ vữa chống thấm có dẫn KETAI (25 kg) có thể quét chống thấm được khoảng 10 m² nền.
- Chú ý: Không bao giờ dùng hơn 4 kg KETAI cho 1m² cho một lần thi công.

ĐÓNG BAO

Bộ 25 kg (Thành phần A: 10 kg, Thành phần B: 15 kg)

THỜI HẠN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

06 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, cách nền cách tường 20 cm. Bao còn kín nguyên vẹn và không chong quá 10 bao.

THANH MẠCH NGỪNG BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

MÔ TẢ SẢN PHẨM

- Được thiết kế dựa trên nhu cầu thực tế của nhiều dự án công trình, sản phẩm được sản xuất đúc sẵn thành phẩm tại nhà máy Tenzi. (Xem hình chi tiết)
- Thành phần cấu thành: xi măng, chất kết dính hữu cơ, phụ gia khoáng, phụ gia polymer, sợi thủy tinh và lưới thép mắt cáo.

ỨNG DỤNG

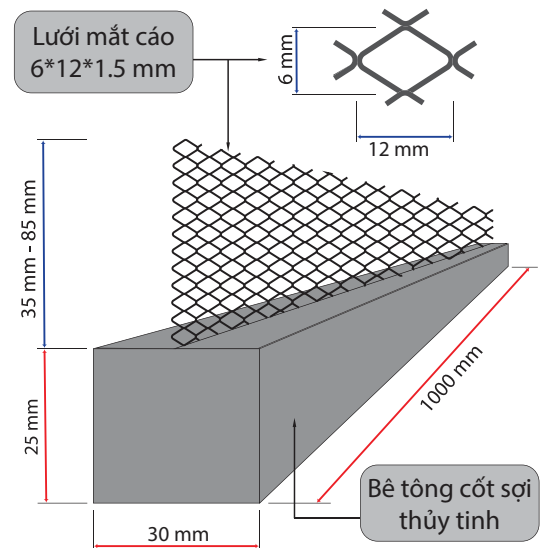
Thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh được ứng dụng trong quá trình thi công đổ bê tông sàn của những dự án nhà xưởng trong khu công nghiệp. Cụ thể như sau:

- Là thanh chắn mạch ngừng khi thi công đổ bê tông sàn giữa các đợt thi công bê tông và các phân đoạn thi công bê tông trong điều kiện không thể đảm bảo đổ bê tông liên tục của công tác thi công bê tông toàn khối.
- Vừa là con kê bê tông cho lớp bảo vệ thép sàn ngay vị trí mạch ngừng, không phải sử dụng con kê bê tông ở vị trí đó.
- Làm ổn định bê tông trong khu vực đã thi công và đảm bảo bề mặt liên kết với khối bê tông thi công giữa các đợt thi công bê tông tiếp theo.

LỢI ÍCH SỬ DỤNG

So với việc sử dụng các biện pháp tạo mạch ngừng bằng cách ngăn bằng ván cốp pha như trước, thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh đúc sẵn sẽ có những ưu điểm vượt trội như sau:

- Là sản phẩm được sản xuất sẵn tại nhà máy, chất lượng luôn ổn định do quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ theo quy trình ISO 9001:2015.
- Có độ bền uốn tốt và mác cao giúp tương thích với mác của bê tông sàn được thi công được liên kết tốt nhằm hạn chế các rủi ro tại vị trí mạch ngừng bê tông.
- Phù hợp với bê tông cốt thép về các tính chất cơ lý và nhiệt.
- Đẩy nhanh tiến độ thi công, tiết kiệm được vật tư và nhân công.
- Thuận tiện cho việc thi công, mạch ngừng bê tông càng thẳng ít bị gấp khúc và bề mặt mạch ngừng là nhỏ nhất.



Chi tiết thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh



Hình ảnh: Ứng dụng sản phẩm tại công trình



Hình ảnh: Sản phẩm sản xuất thực tế

GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh phù hợp Tiêu chuẩn Mỹ PCI MNL-128-01 với các đặc tính chất lượng của vật liệu tiêu biểu như sau:

STT	CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	GIÁ TRỊ
1	Khối lượng thể tích	T/m ³	ASTM C948-09	1.8 - 2.0
2	Độ bền nén sau 28 ngày ở ĐKC	MPa	ASTM C39	40 - 60
3	Độ bền uốn sau 28 ngày ở ĐKC	MPa	ASTM C1609-10	10 - 14
4	Tải trọng kéo nhỏ	KN	ASTM E488-10	4.0 - 7.0
5	Hệ số dẫn nở nhiệt X1000000	1/°C	ASTM E228	10 - 20
6	Hệ số dẫn nhiệt	W/m.°C	ASTM D5470	0.5 - 1.0
7	Khả năng chống cháy, tia cực tím, chịu ẩm, mối mọt	-	ASTM F520	Rất tốt
8	Không độc hại, an toàn cho người sử dụng	-		An toàn

QUY CÁCH ĐÓNG XẾP SẢN PHẨM

Thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh được xếp trên từng palet và được quấn đai nguyên kiện đảm bảo an toàn khi vận chuyển.

AN TOÀN KHI SỬ DỤNG

Thanh mạch ngừng bê tông cốt sợi thủy tinh được gắn lưới thép cắt có bề cạnh sắc nhọn, khi vận chuyển hoặc sử dụng cần phải được trang bị đồ bảo hộ lao động, bao tay chống cắt để tránh bị lưới thép cắt vào người và tay khi thi công.

GIẢI PHÁP MỚI TRONG THI CÔNG BÊ TÔNG SÀN

GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

PHẦN I :GIỚI THIỆU SẢN PHẨM GFRC – BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

I. TÊN SẢN PHẨM

GFRC – Bê tông cốt sợi thủy tinh – Glass Fiber Reinforced Concrete.

Vật liệu GFRC được sử dụng để làm ra các sản phẩm trang trí kiến trúc xây dựng nội ngoại thất, tấm panel tường, khung và vòm cửa, các tấm ốp cột trụ, ốp ban công, đường gờ má, consol, mái vòm, phù điêu trang trí và chậu cây...

II. MÔ TẢ SẢN PHẨM

Bê tông cốt sợi thủy tinh (GFRC) là vật liệu composite, cơ sở chất nền là xi măng Pooclang và các phụ gia khoáng, phụ gia polymer được gia cố bởi các sợi thủy tinh bền kiềm phân bố ngẫu nhiên trong khối vật liệu.

GFRC là loại bê tông chuyên dụng sử dụng sợi thủy tinh để gia cường thay vì là cốt thép, nhờ đó có những tính chất ưu việt so với bê tông thông thường như độ bền cơ cao và các sợi thủy tinh không bị gỉ như thép. Những sản phẩm bằng GFRC thường được đúc hoặc phun rỗng mỏng, có chiều dày từ 12 mm đến 20 mm.



III. LỢI ÍCH SỬ DỤNG

Sản phẩm được sản xuất bằng vật liệu GFRC có những phẩm chất vượt trội như sau:

- **Nhẹ:** So với sản phẩm bằng bê tông thông thường vì trong kết cấu của GFRC không bao gồm sắt, thép, chỉ bao gồm cát sạch, sợi thủy tinh, xi măng mặt khác do có độ bền cơ cao nên những sản phẩm bằng GFRC thường được đúc rỗng mỏng và được chia thành nhiều modul nên việc thi công công trình vì thế sẽ trở nên dễ dàng hơn với từng modul được gắn kết bởi giá đỡ và ốc vít. So với các sản phẩm trang trí nội ngoại thất bằng các vật liệu truyền thống khác (bê tông, gốm sứ ...), việc sử dụng các sản phẩm GFRC không là gánh nặng cho công trình, làm giảm kết cấu khung sườn và gia cố phần móng. Thời gian thi công rút ngắn giúp giảm chi phí, tiết kiệm nhân lực, sớm hoàn công và đưa vào hoạt động.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHÍNH

- **Đẹp:** Với phương pháp tạo hình là phun hoặc đúc trong khuôn, dễ dàng tạo được các sản phẩm bằng vật liệu GFRC có mẫu dáng đẹp, kích thước lớn, hình dạng phức tạp, màu sắc phong phú theo ý muốn.

- **Bền:** GFRC có độ bền cơ học cao, Mác = 400 – 800 và đặc biệt là độ bền uốn và bền kéo cao hơn bê tông thông thường. GFRC không dễ bị nứt gãy (có tính dẻo) trong điều kiện thời tiết thay đổi, dễ dàng vượt qua động đất, bão gió, cũng như khả năng chịu lửa, nước. Đối với các công trình gần biển như resort khách sạn GFRC là sự lựa chọn lý tưởng. GFRC có khả năng cách âm, chịu UV, chịu lửa, chịu ẩm ướt và chịu môi trường axit vượt trội. GFRC bền nên giảm thiểu chi phí bảo trì, sửa chữa, gia cố cho nhà đầu tư. GFRC và bê tông cốt thép đã được thử nghiệm bằng cách kiểm tra tăng tốc lão hóa trong phòng thí nghiệm và lắp đặt ở điều kiện thực tế đời sống. Tuổi thọ của GFRC ngang bằng với bê tông đúc sẵn. Trong nhiều môi trường, như khi tiếp xúc với muối phun hoặc độ ẩm cao, GFRC có tuổi thọ cao hơn, do cốt sợi thủy tinh không bị ăn mòn.

- **Thân thiện với môi trường:** Sản phẩm GFRC là dạng sản phẩm không nung, vô hại với môi trường, có thể được tái sử dụng. Hiện nay đang là sản phẩm để thay thế cho sản phẩm nung truyền thống gây hiệu ứng nhà kính. GFRC là một trong số vật liệu xây dựng linh hoạt, hiệu suất cao dựa trên xi măng portland được gia cố bằng sợi thủy tinh đặc biệt chịu kiềm. vật liệu GFRC có thể đáp ứng được mọi yêu cầu điều kiện đưa ra.

IV. TÍNH CHẤT KỸ THUẬT

Qua nhiều năm nghiên cứu phát triển và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, với đội ngũ chuyên gia giỏi và có nhiều năm kinh nghiệm, TENZI đã hoàn thiện công nghệ sản xuất vật liệu GFRC với những đặc tính chất lượng tiêu biểu như bảng sau:

Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Phương pháp thử	Giá trị thể hiện	
				GFRC Phương pháp đúc	GFRC Phương pháp phun
1	Khối lượng thể tích	T/m³	ASTM C948	1.9	2.0
2	Độ bền nén sau 28 ngày	MPa	ASTM C39	30 - 50	40 - 60
3	Độ bền uốn sau 28 ngày	MPa	ASTM C1609	8 - 12	12 - 20
4	Độ bền kéo sau 28 ngày	MPa	ASTM C947	≥ 8	≥ 10
5	Khả năng chống cháy		ASTM E84	-	-
	Chỉ số bắt lửa			0	0
	Chỉ số khói			0	0
	Chỉ số tạo nhiên liệu			0	0
6	Khả năng chống tia UV		ASTM F520	Rất tốt	Rất tốt
7	Khả năng chịu ẩm			Rất tốt	Rất tốt
8	Khả năng chịu mối mọt			Rất tốt	Rất tốt
9	Khả năng độc hại			Không độc hại	Không độc hại
10	An toàn cho sử dụng			An toàn	An toàn

GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

V. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TẠI TRUNG TÂM QUATEST 3

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3																								
KT3-00003AXD1		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		07/01/2021 Page 01/02																				
1. Tên mẫu Name of sample	: VỮA GFRC CÔNG TRÌNH/ PROJECT: TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CĂN HỘ (SAIGON ASIANA)																							
2. Mô tả mẫu Description	: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer. 01 tấm/ plate – (200 x 200 x 40) mm + 06 viên/ cubes – (160 x 40 x 40) mm																							
3. Số lượng mẫu Quantity	: 01																							
4. Ngày nhận mẫu Date of receiving	: 04/01/2021																							
5. Nơi gửi mẫu Customer	: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI 292/34/12 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh																							
6. Thời gian thử nghiệm Testing duration	: 05/01/2021 - 06/01/2021																							
7. Kết quả thử nghiệm Test results																								
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu Characteristics</th> <th>Phương pháp thử Test method</th> <th>Ngày đúc⁽¹⁾ Date of casting</th> <th>Ngày thử Date of testing</th> <th>Kết quả thử nghiệm Test result</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>7.1. Cường độ nén, MPa Compressive strength</td> <td>TCVN 3121: 2003</td> <td>07/12/20</td> <td>05/01/21</td> <td>58,4</td> </tr> <tr> <td>7.2. Cường độ uốn, MPa Flexural strength</td> <td>TCVN 3121: 2003</td> <td>07/12/20</td> <td>05/01/21</td> <td>16,4</td> </tr> <tr> <td>7.3. Tải trọng kéo nhỏ, kN Ultimate pullout load</td> <td>ASTM E 488 -15</td> <td>07/12/20</td> <td>05/01/21</td> <td>13,5⁽²⁾</td> </tr> </tbody> </table>		Tên chỉ tiêu Characteristics	Phương pháp thử Test method	Ngày đúc ⁽¹⁾ Date of casting	Ngày thử Date of testing	Kết quả thử nghiệm Test result	7.1. Cường độ nén, MPa Compressive strength	TCVN 3121: 2003	07/12/20	05/01/21	58,4	7.2. Cường độ uốn, MPa Flexural strength	TCVN 3121: 2003	07/12/20	05/01/21	16,4	7.3. Tải trọng kéo nhỏ, kN Ultimate pullout load	ASTM E 488 -15	07/12/20	05/01/21	13,5 ⁽²⁾			
Tên chỉ tiêu Characteristics	Phương pháp thử Test method	Ngày đúc ⁽¹⁾ Date of casting	Ngày thử Date of testing	Kết quả thử nghiệm Test result																				
7.1. Cường độ nén, MPa Compressive strength	TCVN 3121: 2003	07/12/20	05/01/21	58,4																				
7.2. Cường độ uốn, MPa Flexural strength	TCVN 3121: 2003	07/12/20	05/01/21	16,4																				
7.3. Tải trọng kéo nhỏ, kN Ultimate pullout load	ASTM E 488 -15	07/12/20	05/01/21	13,5 ⁽²⁾																				
Ghi chú/ Note: ⁽¹⁾ Do khách hàng cung cấp/ Provided by customer ⁽²⁾ Vật liệu nền GFRC bị phá hủy/ GFRC substrate is broken																								
TRƯỜNG PTN XÂY DỰNG HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.			TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRUNG PHONG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.																					
 Trần Huỳnh Chương			 Nguyễn Tấn Tùng																					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao rút phần nào kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written on customer's request.
4. Độ không đảm bảo do mở rộng mức lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh@quatest3.com.vn và ng@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh@quatest3.com.vn and ng@quatest3.com.vn for further information about test request.

GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

VI. NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

Các loại nguyên vật liệu đầu vào như : Xi măng Pooclang, cát, sợi thủy tinh bền kiềm, polymer, phụ gia khoáng được kiểm tra chất lượng, đảm bảo sự phù hợp theo tiêu chuẩn quy định. Các loại nguyên vật liệu được bảo quản trong bao bì nguyên vẹn trong nhà kho và nơi khô ráo thoáng mát.



Sợi cuộn



Sợi cắt khúc



Cát



Phụ gia Polymer



Xi măng Pooclang

VII. HỆ THỐNG MÁY PHUN CHUYÊN DỤNG

1. Hệ thống phun POWER SPRAYS PS38A COMBINATION



Máy phun vữa công suất 1500kg vữa/giờ



Máy trộn

2. Hệ thống phun BL-Y80H



Máy phun vữa công suất 1500kg vữa/giờ



Máy trộn

GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

IX. CÂN VÀ TRỘN PHỐI LIỆU VỮA GFRC.

Các loại nguyên liệu được cân định lượng chính xác theo toa cấp phối và lần lượt được đưa vào máy trộn. Có thể điều chỉnh tốc độ vòng quay của máy trộn thích hợp để trộn vữa phối liệu GFRC. Quy trình trộn phối liệu GFRC như sau: Đầu tiên đổ lượng nước vào thùng trộn, sau đó cho các nguyên liệu lỏng vào và khởi động máy trộn với tốc độ 15 – 20 vòng/phút trong khoảng 1 phút rồi tiếp tục lần lượt cho xi măng PC50, phụ gia khoáng hoạt tính, phụ gia thúc đẩy đông kết, cát vào chạy máy trộn chạy khoảng 1 phút rồi tăng tốc độ lên 45 – 50 vòng/phút và chạy trong khoảng 7 – 10 phút để tạo thành vữa GFRC đồng nhất. Vữa sau khi trộn xong để tĩnh khoảng 2 phút cho ngấu rồi chuyển đến nơi để tạo hình sản phẩm.

X. TẠO HÌNH SẢN PHẨM.

1. Phương pháp phun bằng máy phun vữa chuyên dụng.

Tạo hình sản phẩm bằng thiết bị phun chuyên dụng bao gồm hai dòng chạy song song: vữa trộn sẵn và sợi thủy tinh cắt trực tiếp hoà trộn vào dòng vữa, tốc độ của hai dòng này đều có thể điều chỉnh theo mục đích tăng / giảm công suất của dòng vữa cũng như điều chỉnh tỷ lệ sợi thủy tinh mong muốn cho sản phẩm khoảng 2-5% .



Trong trường hợp vì mục đích thẩm mỹ, cần bề mặt láng mịn thì thông thường khuôn được phun 1 lớp mỏng vữa Coating không có sợi thủy tinh dày 2-3 mm, sau đó phun vữa đồng thời với sợi thủy tinh. Bề dày của phào chỉ và các chi tiết GFRC dày khoảng 12 – 20 mm tùy theo yêu cầu của khách hàng.

Tháo khuôn sau 24 giờ

2. Phương pháp đúc.

Đối với phương pháp đúc, khuôn được đặt trên bàn rung có khả năng điều chỉnh biên độ rung theo ý muốn. Đổ vữa phối liệu GFRC vào khuôn, dùng bay gạt vữa đều bề mặt khuôn và dùng dụng cụ lăn tay nén & trải vữa đều khắp bề mặt khuôn. Cho khởi động bàn rung khoảng 15 – 20 phút để lớp vữa dàn đều, dùng dụng cụ lăn tay nén & trải vữa đều khắp bề mặt khuôn lần cuối. Vữa được lưu trong khuôn trong khoảng 20 giờ.

3. Tháo khuôn

Tùy thuộc vào loại hình khuôn phức tạp về chi tiết hay đơn giản về chi tiết, thời gian tháo khuôn sản phẩm sẽ khác nhau từ 12 – 24 giờ. Sau khi tháo khuôn, sản phẩm được đưa về nơi hoàn thiện tiếp theo đúng thiết kế ban đầu và đưa về khu vực bảo dưỡng.



GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

4. Bảo dưỡng.

Sau khoảng 24 giờ, thành phẩm GFRC được dỡ ra khỏi khuôn và được xếp vào khu vực bảo dưỡng trong nhà xưởng có mái che. Thời gian bảo dưỡng là 3-7 ngày, tùy thuộc vào kích thước và độ dày. Trong thời gian bảo dưỡng vào ban ngày, cứ khoảng 4 giờ thì phun nước làm ẩm sản phẩm 1 lần.

5. Kiểm tra chất lượng trước khi xuất xưởng.

Ngay trong thời gian dưỡng ẩm và sau khi dưỡng ẩm, sản phẩm được kiểm tra chất lượng và được sửa chữa hoàn thiện để khắc phục những khuyết tật (nếu có), sau đó được đóng kiện sẵn sàng vận chuyển đến công trình thi công.

XI. MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & CĂN HỘ SAIGON ASIANA - QUẬN 6

Chủ đầu tư: **GOTECLAND**

Nhà thầu chính: **CENTRAL**

Gói thầu: Cung cấp và thi công
phào viền đèn led trang trí mặt
ngoài GFRC.

Thời gian hoàn thành: Năm 2021



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ VIỆT ĐỨC - BÌNH DƯƠNG

Chủ đầu tư:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
VIỆT ĐỨC**

Nhà thầu chính:

VINACONEX -12

Gói thầu: Cung cấp tấm lam trang
trí mặt ngoài GFRC.

Hạng mục: Nhà thư viện

Thời gian hoàn thành: Năm 2020



GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ ASIANA PLAZA - TÂN PHÚ

Chủ đầu tư: **GOTECLAND**

Nhà thầu chính: **UNICONS**

Gói thầu: Cung cấp và thi công
phào trang trí mặt ngoài và vòm
sảnh chính GFRC.

Thời gian hoàn thành: Năm 2018



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI & CĂN HỘ SAIGON ROYAL - QUẬN 4

Chủ đầu tư: **NOVALAND**

Nhà thầu chính: **RICONS**

Gói thầu: Cung cấp phào senô
trang trí mặt ngoài GFRC.

Thời gian hoàn thành: Năm 2017



GFRC - BÊ TÔNG CỐT SỢI THỦY TINH

VĂN PHÒNG COTECCONS GROUP

Chủ đầu tư: **COTECCONS**

Nhà thầu chính: **BOHO DÉCOR**

Gói thầu: Cung cấp và thi công
phào ốp cột sảnh chính GFRC.

Thời gian hoàn thành: Năm 2017



SHOPHOUSE VINCOM TÂY NINH

Chủ đầu tư: **VINGROUP**

Nhà thầu chính: **UNICONS**

Gói thầu: Cung cấp phào consol và
con tiện trang trí mặt ngoài GFRC.

Thời gian hoàn thành: Năm 2017



HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU TENZI ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM

VINHOMES CENTRAL PARK

Nhà thầu chính: **COTECCONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2015-2018



AQUABAY HƯNG YÊN

Nhà thầu chính: **RICONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Năm hoàn thành: 2017-2018



MASTERI AN PHÚ (PRECHE) QUẬN 2

Chủ đầu tư:

THẢO ĐIỀN INVESTMENT

Nhà thầu chính: **UNICONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2017-2019



HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU TENZI ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM



WESTIN CAM RANH

Chủ đầu tư: **PHÁT ĐẠT GROUP**

Nhà thầu chính: **CENTRAL**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2018-2021



GHOMES - QUẬN 2

Nhà thầu chính: **UNICONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2018-2021



ĐẢO KIM CƯƠNG - QUẬN 2

Nhà thầu chính: **LUXURY STANDARD**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Keo lát nền KELAS TAH1
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2015-2021

HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU TENZI ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM

THE EVERICH 8 - QUẬN 4

Nhà thầu chính: **COTECCONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Phụ gia keo lát nền PREMIX
- Năm hoàn thành: 2018-2019



DOJI - HẠ LONG

Nhà thầu chính: **UNICONS**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Phụ gia keo lát nền PREMIX
- Keo ốp tường KELAS TAH2
- Keo chà ron cao cấp KECHI
- Năm hoàn thành: 2019-2020



FELISA - QUẬN 8

Nhà thầu chính: **AN PHÚ GIA**

Tenzi cung cấp cá dòng sản phẩm:

- Vữa bả lớp mỏng KESCO BASE 02
- Năm hoàn thành: 2019-2020



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG CUNG CẤP

	Tên dự án	Nhà thầu / CĐT	Sản phẩm cung cấp	Thời gian thực hiện
01	XUẤT KHẨU TRUNG ĐÔNG (ODM)	AL MASOUR TRADING CO.,LTD IRAQ	-STRONG (KELAS TAH-1)	Năm 2009 đến nay 50-75 tấn /tháng
02	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI ĐÀ NẴNG	KHẢI MINH AN	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2	Năm 2011 đến nay
03	KOATSU GAS KOGYO VIỆT NAM (ĐỒNG NAI)	KOATSU GAS KOGYO VIỆT NAM	-VỮAO KÔ TRỘN SẴN	Từ 01/2020 và đang cung cấp
04	GHOMES - QUẬN 2	UNICONS	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Từ 12/2019 và đang cung cấp
05	WESTIN - CAM RANH	CENTRAL	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Từ 02/2020 và đang cung cấp
06	ĐẠI HỌC VĂN LANG CƠ SỞ 3	UNICONS	-PREMIX -KELAS TAH-2 -KECHI	Từ 01/2018 và đang cung cấp
07	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TIỀN GIANG	CC1/THUẬN PHÚ	-KESCO BASE P02	Từ 10/2020 và đang cung cấp
08	DOJI HẠ LONG - GIAI ĐOẠN 2	UNICONS	-PREMIX	Từ 02/2020 và đang cung cấp
09	MAVENPICK PHÚ QUỐC	COTECCONS	-KELAS TAH-1	Năm 2019
10	KHÁCH SẠN EUPHORIA HILTON GARDEN ĐÀ NẴNG	HẢI AN	-KESCO BASE 02 -KESCO PRIMER	Năm 2019
11	VINHOMES CENTRAL PARK - LANDMARK 3	RICONS	-KESCO BASE 02	Năm 2016
12	MASTERI AN PHÚ (PRECHE) QUẬN 2	UNICONS	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2017
13	SAIGON ROYAL - QUẬN 4	RICONS	-PREMIX -GFRC	Năm 2017
14	AQUABAY ECOPARK - HƯNG YÊN	RICONS	-KELAS TAH-1	Năm 2017
15	FELISA - QUẬN 8	AN PHÚ GIA	-KESCO BASE 02	Năm 2018
16	SWANBAY	TECHCONS/UNICONS	-KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2017
17	THE EVERICH 8	COTECCONS	-PREMIX	Năm 2016
18	ASIANA PLAZA - TÂN PHÚ	UNICONS	-GFRC -KELAS TAH-2	Năm 2019
19	CROWNE PLAZA	ĐÁ HOA CƯƠNG ỨT ĐẠI DƯƠNG	-KELAS TAH-1	Năm 2019
20	SÂN BAY QUỐC TẾ SIEM RIEP - CAMBODIA	SAMAKI	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2014

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG CUNG CẤP

	Tên dự án	Nhà thầu / CĐT	Sản phẩm cung cấp	Thời gian thực hiện
21	NHÀ MÁY CHẾ TÁC KIM CƯƠNG - PHOMPENH CAMBODIA	SAMAKI	-KECHI	Năm 2014
22	SENTURIA VƯỜN LÀI	RICONS	-GFRC -KELAS TAH-1	Năm 2016
23	VICOM TÂY NINH	UNICONS	-KELAS TAH-2 -KECHI -GFRC	Năm 2017
24	HÀ ĐỒ CENTROSA GARDEN	HÀ ĐỒ	-KECHI	Năm 2016
25	GAIN LUCKY - CAMBODIA	SAMAKI / UNICONS	-KELAS TAH-1 -KECHI	Năm 2019-2020
26	CHUNG CƯ 8X ĐẦM SEN	HƯNG THỊNH	-KESCO BASE 02 -KECHI	Năm 2014
27	KHÁCH SẠN IMPERIAL VŨNG TÀU	CC1/HẠNH PHÚC	-KELAS TAH-1 -KECHI	Năm 2015
28	NHÀ KHÁCH HỘI NGHỊ TRÀ VINH	HÀ ĐỒ 4	-KELAI XÂY & TÔ AAC	Năm 2015
29	KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG	POSCO	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2	Năm 2014
30	SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	ĐỈNH MỚI	-KELAS TAH-1	Năm 2014-2016
31	NHÀ MÁY COCACOLA THỦ ĐỨC	UNICONS	-KELAI XÂY & TÔ AAC -KELAS TAH-2	Năm 2014
32	BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ĐỒNG NAI	VƯƠNG HẢI	-KEAI XÂY & TÔ AAC	Năm 2014
33	CHUNG CƯ NGUYỄN VĂN CÔNG	HÀ ĐỒ 45	-KELAI TÔ AAC	Năm 2014
34	ĐẢO KIM CƯƠNG	LUXURY STANDARD	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2	Năm 2014
35	NHÀ MÁY DỆT TÂN PHONG	VINATEX	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2014
36	KHU VUI CHƠI TIỀN SƠN ĐÀ NẴNG	UNICONS	-KELAS TAH-1 -KECHI	Năm 2014
37	SHOWROOM BMW	UNICONS	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2013
38	NOVOTEL SÔNG HÀN ĐÀ NẴNG	UNICONS	-VỮA M ẮC 400 -KELAS TAH-2	Năm 201-2012
39	HYATT ĐÀ NẴNG	COTECCONS	-KELAS TAH-1 -KELAS TAH-2 -KECHI	Năm 2012
40	CHUNG CƯ LAN PHƯƠNG	HÒA BÌNH	-KECHI	Năm 2013

PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM



PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM

Từ ngày thành lập năm 2012, Công ty Tenzi đã có khách hàng lớn từ Trung Đông - Jawharat Almansour General Trading & Real Estate Investment - Tenzi sản xuất theo phương thức ODM (Original Design Manufacturing) keo dán gạch dưới thương hiệu 'STRONG' của khách hàng. Sản phẩm 'STRONG' do Tenzi sản xuất không chỉ cung cấp cho thị trường Iraq mà còn được ưa chuộng tại một số nước khác vùng Trung cận đông như Cô-oét, Tiểu các vương quốc Ả rập.

Với dây chuyền sản xuất được tự động hóa và được quản lý bằng ISO 9001:2015, sản phẩm Tenzi sản xuất đã được khách hàng đánh giá cao và gắn bó với Tenzi trong suốt gần 10 năm qua. Các đơn hàng của Jawharat Almansour từ 4 - 6 container mỗi lần (108 - 162 tấn) đều được Tenzi thực hiện nhanh chóng và chất lượng.

Keo dán gạch 'STRONG' do Tenzi sản xuất đã chinh phục được thị trường khắt khe của Trung Đông và được khách hàng tín nhiệm như trong thư nhận xét Testimonial dưới đây.

JAWHARAT ALMANSOUR
General Trading & Real Estate Investment Co., Ltd

P.O Box: 63040, Dubai - United Arab Emirate
www.jamciq.com

October 03, 2016

Mr.Nabil Awayid
 63040, Dubai
 United Arab Emirate

To Whom It May Concern,

Tenzi New Building Material Company Limited (Tenzi) has been our Supplier of Tile Adhesive 'STRONG' since 2009. I am owner and Director of Jawharat Almasour Company, have been extremely pleased with the product and service provided by Tenzi. Tile Adhesive 'STRONG' is of high quality, very good and suitable for Middle East climate.

I have been impressed when I found out that all products of Tenzi manufactured by a Viet Nam Lady - Ms. Hoang Anh Phuong, who is not just Tenzi's CEO, but also a scientific researcher who has created many new products. I highly appreciate Tenzi's Team enthusiastic spirit of innovation, creation in launching new building material and gladly to try Tenzi's new products.

Our company Jawharat Al Mansour Co.LTD and Tenzi Co.LTD are good partners since 2009 and we will be remained the same for many years to come.

Thank you Ms Phuong and Tenzi's Team for excellent cooperation!

Sincerely,



NABIL AWAYID

Director

PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM

SALES CONTRACT

No: 01/TZ/EX-2020

Date: February 10, 2020

Today, February 10, 2020 in Ho Chi Minh City – Viet Nam, we are:

The Seller: **TENZI NEW BUILDING MATERIAL COMPANY LIMITED (TENZI Co.LTD)**

Address: 292/34/12 Binh Loi Street, Binh Thanh District,
Ho Chi Minh City – VIET NAM

Telephone: +84-8-62581159 **Fax:** +84-8-62581179

Account number: 16294.9889 (USD)

Name of a Bank: ASIA COMMERCIAL BANK (ACB),
HO CHI MINH CITY– VIET NAM

Swift Code: ASCBVNVX

Representative: **Ms. HOANG ANH PHUONG,** Position: Director

Email: phuong.hoanganh@tenzi.com.vn

Cell phone: +84 (0) 0903420212

The Buyer: **JAWHARAT AL MANSOUR GENERAL TRADING L.L.C**

Address : P.O. Box: 63040 – Dubai – U.A.E

Telephone : +971 4 2389882 **Fax:** + 971 4 2389883

Representative: **Mr. NABIL JUMA AWAYID,** Position: Director

Email: joharat.almansour@gmail.com

Cell phone: +971 50 6519928

The two Parties have agreed on the followings:

Article 1: Buyer has agreed to buy and seller has agreed to sell the commodity pursuant to the terms and conditions as follows:

NN	Items	Meas. Unit	Quantity	Unit price (USD/ton)	Total price (USD)
1	Building adhesive - White	ton	108		

Article 2: Technical specifications of the Tile Adhesives:

- Product's appearance: Powder
- Color: White
- Category: Water proof
- Density: 1,480 kg/m³
- Flexible measurement: 170 mm

PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM

- Sticking level on foundation:	4 days: 1.2 N/mm ² 8. days: 1.3 N/mm ²
-Bend bearing intensity:	3 days: 5.0 N/mm ² 7. days: 5.6 N/mm ²
-Press bearing intensity:	3 days: 5.6 N/mm ² 7 days: 22.6 N/mm ² 28. days: 35.5 N/mm ²
-Ageing durability:	timeless
-Working temperature:	0°C – 50°C

Article 3: Terms of Payment

The payment will be preceded in two installments

1. Down payment 50% after signing the Contract.
2. Full payment of the rest 50% after the goods have been shipped on board, the Seller send to the Buyer a set of copy of all related document. After receiving the full payment, the seller will send to the buyer the ORIGINALS of all related document.

Article 4: Delivery time, shipment

Time of shipment: The seller is responsible to ship the goods within 28 days from the day of receiving the down payment.

Shipment carrier: to be appointed by the Buyer

Port of Loading: Ho Chi Minh City, Vietnam

Port of Discharge: Umm Qasr Port, Iraq

Article 5: Document required for goods receiving and payment:

- Clean on Board Bill of Lading (03 originals and 02 copies)
- Commercial Invoice (03 originals)
- Packing List (03 originals)
- Certificate of Origin (01 original and 02 copies) issued by Vietnam Chamber of Commerce.
- Certificate of Quality issued by TENZI Co., LTD (03 originals)

Article 6: Arbitration

Any dispute(s) arising in the execution of this contract shall be firstly settled amicably and mutual consultations. If no agreeable result can be reached, the dispute shall be finally settled by **Vietnam International Arbitration Center – VIAC** near **VCCI**. The award rendered by the arbitration shall be borne by the losing party unless otherwise agreed.

Article 7: Others

Any change (s) and/or amendment (s) to this contract to be made in writing and subject to the approval by both parties.

This contract is made in English in 2 originals of the same value of which One for the Seller and One for the Buyer.

**For and on behalf
of the Seller**

**For and on behalf
of the Buyer**



HOANG ANH PHUONG



NABIL J AWAYID

PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÀ GIA CÔNG HÀNG HÓA

Số: 01 /HĐGC

- Căn cứ vào các Quy định pháp luật hiện hành Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ năng lực và nhu cầu của các Bên

Hôm nay, ngày 07 tháng 10 năm 2015 tại Công ty Cổ phần Secoin, các bên trong hợp đồng gồm:

1. Bên A (Bên đặt hàng):

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN SECOIN
- Địa chỉ: 227 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 6255 0909 Fax : (84-8) 6298 0909
- Mã số thuế: 0104260436
- Tài khoản số: 001947718888

Mở tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh TP. HCM

- Đại diện Bà: VÕ THỊ LIÊN HƯƠNG Chức vụ: Tổng Giám Đốc

2. Bên B (bên sản xuất gia công):

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH vật liệu xây dựng mới TENZI
- Địa chỉ văn phòng: 292/34/12 đường Bình Lợi – phường 13- quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ nhà máy sản xuất: Khu phố 11, Phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại: 08-6258 1159 / Fax. 08-6258 1179
- Mã số thuế: 0311 64 74 24
- Tài khoản số: 16001.06294.880001 Mở tại ngân hàng: Saigon Commercial Bank (SCB) – PGD Nguyễn Công Trứ, CN Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM
- Đại diện Bà: HOÀNG ANH PHƯƠNG
- Chức vụ: Giám đốc



PHỤ LỤC 2: XUẤT KHẨU & ODM

Hai bên thống nhất thỏa thuận lập hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1: Mục đích Hợp đồng

Công ty Secoin và công ty Tenzi hợp tác sản xuất một số sản phẩm vật liệu xây dựng theo phương thức: Công ty Tenzi sẽ nghiên cứu và sản xuất những sản phẩm đáp ứng đúng yêu cầu về chất lượng và mục đích sử dụng do Công ty Secoin đề ra.

Điều 2: Nội dung Hợp đồng- Trách nhiệm mỗi bên

2.1. Công ty Tenzi:

2.1.1. Nghiên cứu và sản xuất keo dán gạch SEKEO và keo chít mạch SERON (và không giới hạn) theo yêu cầu chất lượng và mục đích sử dụng của công ty Secoin.

2.1.2. Hỗ trợ Công ty Secoin xác lập các chứng chỉ hợp chuẩn / hợp qui theo Tiêu chuẩn Việt Nam đối với những sản phẩm được sản xuất tại Công ty Tenzi

2.1.3. Hỗ trợ công ty Secoin trong công tác đào tạo kiến thức về sản phẩm, hướng dẫn thi công và xử lý những sự cố khi sử dụng sản phẩm SEKEO và SERON nếu xảy ra.

2.1.4. Bảo đảm sản phẩm SEKEO và SERON làm ra luôn đạt chất lượng như đã công bố theo TCVN 7899-1:2008, TCVN 7899-3:2008. Công ty Secoin cùng Công ty Tenzi thực hiện việc lấy mẫu kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần hoặc đột xuất về các chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 7899-1:2008, 7899-3:2008 tại Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

2.2. Công ty Secoin:

2.2.1. Cung cấp thông tin nhu cầu sản phẩm để công ty Tenzi nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm phù hợp với yêu cầu chất lượng và mục đích sử dụng của Secoin.

2.2.2. Cung cấp bao bì, thùng hộp do công ty Secoin thiết kế và chế tạo.

2.2.3. Thanh toán đúng theo các điều khoản ở Điều 3

Điều 3: Giá cả - Đặt hàng – Giao hàng - Thanh toán

3.1. Giá cụ thể của từng sản phẩm SEKEO và SERON sẽ được thể hiện trong Phụ lục đính kèm.

3.2. Đơn hàng được Secoin gửi đến Tenzi dưới hình thức Đơn đặt hàng (PO theo mẫu) / Fax hoặc Email



PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAS LOẠI C1

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4774 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 63 lot, K1 road, Cai Lai Z, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 La Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ Name of sample: VỮA DÁN GẠCH GÓC XI MĂNG, LOẠI THÔNG THƯỜNG C1 (KELAS) TCVN 7899-1:2008 THÔNG TIN MẪU/ LÔ HÀNG *: 3/2021 KÝ HIỆU MẪU/ SỐ TEM NIÊM PHONG **: 20.22373		
2. Mô tả mẫu : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer Description - 10 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT There is the seal stamp of QUACERT on sample		
3. Số lượng mẫu : 01 Quantity		
4. Ngày nhận mẫu : 10/03/2021 Date of receiving		
5. Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT Customer 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội		
6. Phương pháp thử : TCVN 7899-2 : 2008 - Gạch gồm ốp lát – Vữa, keo chít mạch & dán gạch Test method Phần 2: Phương pháp thử vữa, keo dán gạch		
7. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 20/04/2021 Testing duration		
8. Điều kiện thử nghiệm: Test condition - Tỷ lệ trộn/ Ratio of mixing: Nước/ Water : Bột/ powder = 21% (theo khối lượng/ By weight) - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu Temperature [t] and relative humidity [RH] condition - Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ Mixing room and testing room: t = [27 ± 2] °C; RH = [65 ± 10] %		
9. Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information was given by the customer: Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021.		
10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ See page 02/02 Test results		
TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm		TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phát bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn và info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and info@quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAS LOẠI C1 (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist.1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Ben Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam 6 C9 lot, K1 road, Cai Lai LZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam									
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT									
KT3-00456BXD1/1	20/04/2021 Page 02/02								
10. Kết quả thử nghiệm : Test results									
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu Characteristic</th> <th>Kết quả thử nghiệm Test result</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> 10.1. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i>, MPa - Ở điều kiện tiêu chuẩn sau 28 ngày <i>In standard condition after 28 days</i> - Sau khi ngâm nước (7 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 21 ngày trong nước ở nhiệt độ $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$) <i>After immerse in water (storage 7 days in standard condition and immersed in water at $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$ during 21 days)</i> - Sau khi lão hóa nhiệt (14 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 14 ngày ở nhiệt độ $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$) <i>After heat ageing (storage 14 days in standard condition and then heating at $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$ during 14 days)</i> - Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i> </td> <td> 1,30 1,22 0,54 1,09 </td> </tr> <tr> <td>10.2. Thời gian mở, <i>Opening time</i>, min</td> <td>21</td> </tr> <tr> <td>10.3. Độ trượt, <i>Slip</i>, mm</td> <td>0,3</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu Characteristic	Kết quả thử nghiệm Test result	10.1. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i> , MPa - Ở điều kiện tiêu chuẩn sau 28 ngày <i>In standard condition after 28 days</i> - Sau khi ngâm nước (7 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 21 ngày trong nước ở nhiệt độ $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$) <i>After immerse in water (storage 7 days in standard condition and immersed in water at $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$ during 21 days)</i> - Sau khi lão hóa nhiệt (14 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 14 ngày ở nhiệt độ $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$) <i>After heat ageing (storage 14 days in standard condition and then heating at $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$ during 14 days)</i> - Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i>	1,30 1,22 0,54 1,09	10.2. Thời gian mở, <i>Opening time</i> , min	21	10.3. Độ trượt, <i>Slip</i> , mm	0,3	
Tên chỉ tiêu Characteristic	Kết quả thử nghiệm Test result								
10.1. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i> , MPa - Ở điều kiện tiêu chuẩn sau 28 ngày <i>In standard condition after 28 days</i> - Sau khi ngâm nước (7 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 21 ngày trong nước ở nhiệt độ $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$) <i>After immerse in water (storage 7 days in standard condition and immersed in water at $[27 \pm 2] ^\circ\text{C}$ during 21 days)</i> - Sau khi lão hóa nhiệt (14 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 14 ngày ở nhiệt độ $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$) <i>After heat ageing (storage 14 days in standard condition and then heating at $[70 \pm 3] ^\circ\text{C}$ during 14 days)</i> - Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i>	1,30 1,22 0,54 1,09								
10.2. Thời gian mở, <i>Opening time</i> , min	21								
10.3. Độ trượt, <i>Slip</i> , mm	0,3								
									
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. <i>Name of sample(s) and customer are written at customer's request.</i> 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.m@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. <i>Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.m@quatest3.com.vn for further information about test report.</i>									
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020) M03 – TTTN09								

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAS LOẠI C2

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4734 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No. 7, road No.1, Bui Hieu 1 LZ, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Car Lai LZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Heng Phong, Dist. 5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ Name of sample: VỮA DÁN GẠCH GÓC XI MĂNG, LOẠI CAO CẤP C2 (KELAS) TCVN 7899-1:2008 THÔNG TIN MẪU/ LỖ HÀNG *: 3/2021 KÝ HIỆU MẪU/ SỐ TEM NIÊM PHONG **: 20.22374 2. Mô tả mẫu : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer Description : - 10 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT There is the seal stamp of QUACERT on sample 3. Số lượng mẫu : 01 Quantity 4. Ngày nhận mẫu : 10/03/2021 Date of receiving 5. Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT Customer 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội 6. Phương pháp thử : TCVN 7899-2 : 2008 - Gạch gồm ốp lát – Vữa, keo chít mạch & dán gạch Test method Phần 2: Phương pháp thử vữa, keo dán gạch 7. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 19/04/2021 Testing duration 8. Điều kiện thử nghiệm: Test condition • Tỷ lệ trộn/ Ratio of mixing: Nước/ Water : Bột/ powder = 21 % (theo khối lượng/ By weight) • Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu Temperature [t] and relative humidity [RH] condition. - Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ Mixing room and testing room: t = [27 ± 2] °C; RH = [65 ± 10] % 9. Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information was given by the customer: Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021. 10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ See page 02/02 Test results		
TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm		TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the samples submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của tài liệu gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ nội dung của báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn và www.quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and www.quatest3.com.vn for further information about test report.		

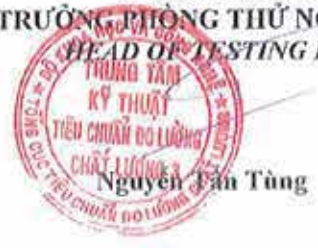
PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAS LOẠI C2 (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No. 7, road No. 1, Binh Hoa 1 Iz, Dong Nai, Vietnam 6 C3 lot, K1 road, Car Lai Iz, Dist. 3, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist. 5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 02/02
10. Kết quả thử nghiệm : <i>Test results</i>		
Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
10.1. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i> , MPa - Ở điều kiện tiêu chuẩn sau 28 ngày <i>In standard condition after 28 days</i> - Sau khi ngâm nước (7 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 21 ngày trong nước ở nhiệt độ $[27 \pm 2]^\circ\text{C}$) <i>After immerse in water (storage 7 days in standard condition and immersed in water at $[27 \pm 2]^\circ\text{C}$ during 21 days)</i> - Sau khi lão hóa nhiệt (14 ngày ở điều kiện tiêu chuẩn, 14 ngày ở nhiệt độ $[70 \pm 3]^\circ\text{C}$) <i>After heat ageing (storage 14 days in standard condition and then heating at $[70 \pm 3]^\circ\text{C}$ during 14 days)</i> - Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i>		1,88 1,59 1,05 1,30
10.2. Thời gian mở, <i>Opening time</i>	min	32
10.3. Độ trượt, <i>Slip</i>	mm	0,4
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / <i>Name of sample(s) and customer are written as customer's request.</i> 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. <i>Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.</i>		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 - TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KECHI LOẠI CG2WA

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Dien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam 63 lot, K1 road, Cat Lai LZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist. 5, HCMC, Vietnam		
KT3-01035AXD2/3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	09/08/2022 Page 01/02
1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> : KEO CHÍT MẠCH CAO CẤP KECHI 2. Mô tả mẫu/ <i>Description</i> : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / <i>Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer</i> 20 kg 3. Số lượng mẫu/ <i>Quantity</i> : 01 4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> : 23/06/2022 5. Nơi gửi mẫu/ <i>Customer</i> : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI 292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh 6. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing duration</i> : 24/06/2022 – 09/08/2022 7. Phương pháp thử/ <i>Test method</i> : TCVN 7899-4 : 2008 Gạch gồm ốp lát – Vữa, keo chít mạch & dán gạch Phần 4: Phương pháp thử vữa, keo chít mạch 8. Điều kiện thử nghiệm/ <i>Test condition</i> : - Tỷ lệ trộn/ <i>Ratio of mixing</i> : Nước/ <i>Water</i> : Vữa khô/ <i>Dry mortar</i> = 31 % - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu <i>Temperature [t] and relative humidity [RH] condition.</i> • Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ <i>Mixing room and testing room</i> : t = [27 ± 2] °C; RH = [60 ± 10] % 9. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i> s: Xem trang/ <i>See page</i> 02/02		
TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm		TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Văn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / <i>Name of sample(s) and customer are written as customer's request.</i> 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và qa.ho@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. <i>Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and qa.ho@quatest3.com.vn for further information about test report.</i>		
Lưu sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09

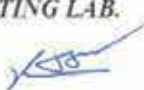
PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KECHI LOẠI CG2WA (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 8329 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 0/ Nua 7, road No.1, Bien Hoa 1/2, Dong Nai, Vietnam 0/ C5 kot, K1 road, Cat Lai 1/2, Dist.2, HCMC, Vietnam 0/ 641 e Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		09/08/2022 Page 02/02	
KT3-01035AXD2/3			
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results:			
Tên chỉ tiêu/ Characteristics		Kết quả thử nghiệm/ Test result	
9.1. Cường độ nén trong điều kiện chuẩn, <i>Compressive strength in standard conditions</i> • 28 ngày/ days ⁽²⁾ • Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i>		MPa	32,0 26,3
9.2. Cường độ uốn trong điều kiện chuẩn, <i>Flexural strength in standard conditions</i> • 28 ngày/ days • Sau các chu kỳ đóng băng và tan băng <i>After freeze- thaw cycles</i>		MPa	5,9 5,1
9.3. Độ hút nước/ Water absorption, • Sau/ After 30 min • Sau/ After 240 min		g	1,6 3,5
9.4. Độ co ngót sau 28 ngày/ Shrinkage after 28 days,		mm/m	1,27 ⁽¹⁾
9.5. Độ mài mòn sâu Resistance to depth abrasion, • Chiều dài rãnh mài/ Length of the groove,		mm ³ mm	559 40,5
Ghi chú/ Note: ⁽¹⁾ Mẫu bị co lại/ The specimens were shrunk ⁽²⁾ Mẫu được thử vào ngày 02/08/2022 với sự chứng kiến của khách hàng và các bên liên quan The samples were tested on 02/08/2022 with the witness of the customer and related parties			
			
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the samples submitted (samples) only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của mọi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhận với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng nên liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và địa chỉ: quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. <i>Please contact Quatest 3 at the email addresses địa chỉ: quatest3.com.vn and địa chỉ: quatest3.com.vn for further information about test report.</i>			

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAI T100

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3828 4374 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complexes: 6 No. 7, toad No. 1, Hien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K3 toad, Cat Lai Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist. 5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/6	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ Name of sample: VỮA XÂY TƯỜNG GÓC XI MĂNG, LOẠI VỮA KHÔ, MÁC 10 (KELAI) TCVN 4314 : 2003 THÔNG TIN MẪU/ LÔ HÀNG * : 3/2021/2 KÝ HIỆU MẪU/ SỔ TEM NIÊM PHONG ** : 20.22378 2. Mô tả mẫu : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer Description : - 10 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT There is the seal stamp of QUACERT on sample 3. Số lượng mẫu : 01 Quantity 4. Ngày nhận mẫu : 10/03/2021 Date of receiving 5. Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT Customer : 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội 6. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 19/04/2021 7. Phương pháp thử : TCVN 3121 : 2003 Test method 8. Điều kiện thử nghiệm/test condition: - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu: Temperature and relative humidity condition • Phòng trộn mẫu và thử mẫu / Mixing room and testing room : t = [27 ± 2] °C : RH > 50 % • Tủ môi trường / Humidity cabinet : t = [27 ± 2] °C : RH > 90 % 9. Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information was given by the customer: Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021. 10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ See page 02/02 Test result TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm TL. GIÁM ĐỐC PR. DIRECTOR TRUNG TÂM KỸ THUẬT HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng		
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo (mô phỏng) được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn và www.quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and www.quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 – TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KELAI T100 (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Phạm Đình 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 0 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam 03 lot, Ky road, Cai Lai LZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 064 Le Hong Phung, Dist.5, HCMC, Vietnam																									
KT3-00456BXDI/6	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT																								
	20/04/2021 Page 02/02																								
9. Kết quả thử nghiệm: Test result																									
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu Characteristic</th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>9.1. Độ lưu động/ Consistency,</td> <td>mm</td> <td>182</td> </tr> <tr> <td>• Tỷ lệ nước/ vừa ứng với độ lưu động trên, Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency</td> <td>%</td> <td>19</td> </tr> <tr> <td>9.2. Khả năng giữ độ lưu động Consistency retentivity</td> <td>%</td> <td>96,7</td> </tr> <tr> <td>9.3. Thời gian bắt đầu đông kết, Time of initial setting</td> <td>min</td> <td>> 150</td> </tr> <tr> <td>9.4. Cường độ nén, Compressive strength</td> <td>MPa</td> <td>10.8</td> </tr> <tr> <td>9.5. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ Maximum particle size of aggregates</td> <td>mm</td> <td>0,63</td> </tr> <tr> <td>9.6. Hàm lượng ion clo/ Chloride content,</td> <td>%</td> <td>< 0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu Characteristic			9.1. Độ lưu động/ Consistency,	mm	182	• Tỷ lệ nước/ vừa ứng với độ lưu động trên, Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency	%	19	9.2. Khả năng giữ độ lưu động Consistency retentivity	%	96,7	9.3. Thời gian bắt đầu đông kết, Time of initial setting	min	> 150	9.4. Cường độ nén, Compressive strength	MPa	10.8	9.5. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ Maximum particle size of aggregates	mm	0,63	9.6. Hàm lượng ion clo/ Chloride content,	%	< 0,01	
Tên chỉ tiêu Characteristic																									
9.1. Độ lưu động/ Consistency,	mm	182																							
• Tỷ lệ nước/ vừa ứng với độ lưu động trên, Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency	%	19																							
9.2. Khả năng giữ độ lưu động Consistency retentivity	%	96,7																							
9.3. Thời gian bắt đầu đông kết, Time of initial setting	min	> 150																							
9.4. Cường độ nén, Compressive strength	MPa	10.8																							
9.5. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ Maximum particle size of aggregates	mm	0,63																							
9.6. Hàm lượng ion clo/ Chloride content,	%	< 0,01																							
Ghi chú/ Note: ⁽¹⁾ Theo TCVN 3121: 2003, kích thước mắt sàng có lượng sót tích lũy không lớn hơn 10% According to TCVN 3121: 2003, aperture size with cumulative residue not greater than 10%																									
																									
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the samples submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của test, ghi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mà phòng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và ng.mua@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn and ng.mua@quatest3.com.vn for further information about test report.																									
Lần sửa đổi: 1	HH13 (04/2020) M03 – TTTN09																								

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KESCO BASE P02

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829-4274 Fax: (84-28) 3829-3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 07 No.7, road No.1, Binh Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cai Lai Z, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/9	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i> : VỮA TRÁT DỪNG CHO BÊ TÔNG NHẹ, MẮC M10 (KESCO BASE P02) TCVN 9028 :2011 THÔNG TIN MẪU/ <i>LỖ HÀNG</i> * : 3/2021 KÝ HIỆU MẪU/ <i>SỐ TEM NIỆM PHONG</i> ** : 20.22381		
2. Mô tả mẫu <i>Description</i> : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / <i>Testing sample was sampled by customer. sample name and sample information were supplied by customer</i> - 10 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT <i>There is the seal stamp of QUACERT on sample</i>		
3. Số lượng mẫu <i>Quantity</i> : 01		
4. Ngày nhận mẫu <i>Date of receiving</i> : 10/03/2021		
5. Nơi gửi mẫu <i>Customer</i> : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội		
6. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 19/04/2021		
7. Phương pháp thử : TCVN 9028 : 2011 <i>Test method</i>		
8. Điều kiện thử nghiệm/ <i>test condition</i> : - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu: <i>Temperature and relative humidity condition</i> • Phòng trộn mẫu và thử mẫu / <i>Mixing room and testing room</i> : t = $[27 \pm 2]$ °C ; RH > 50 % • Tủ môi trường / <i>Humidity cabinet</i> : t = $[27 \pm 2]$ °C ; RH > 90 %		
9. Thông tin do khách hàng cung cấp/ <i>Information was given by the customer</i> : Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). <i>The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021.</i>		
10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ <i>See page 02/02</i> <i>Test result</i>		
TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm		TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu. / <i>Name of sample(s) and customer are written as customer's request.</i> 3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn và ng.mai@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. <i>Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and ng.mai@quatest3.com.vn for further information about test report.</i>		

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TITN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KESCO BASE P02 (Tiếp theo)



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
 Testing Complex: 6 No. 7, road No. 3, Dien Hoi 1 Iz, Dong Nai, Vietnam 65 lot. K1 road, Cai Lai Iz, Dist. 2, HCMC, Vietnam 64 La Hong Phung, Dist. 5, HCMC, Vietnam

20/04/2021
Page 02/02

KT3-00456BXDI/9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



9. Kết quả thử nghiệm:
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
9.1. Độ lưu động/ <i>Consistency</i> ,	mm	185
• Tỷ lệ nước/ vữa ứng với độ lưu động trên. <i>Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency</i>	%	20
9.2. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ <i>Maximum particle size of aggregates</i>	mm	0,63
9.3. Khả năng giữ độ lưu động <i>Consistency retentivity</i>	%	97,8
9.4. Thời gian bắt đầu đông kết, <i>Time of initial setting</i>	min	> 180
9.5. Thời gian điều chỉnh, <i>Time of adjustment</i>	min	7
9.6. Cường độ nén, <i>Compressive strength</i>	MPa	13,4
9.7. Cường độ bám dính, <i>Adhesive strength</i>	MPa	0,92
9.8. Hệ số hút nước mao dẫn, <i>Coefficient of capillary absorption</i>	kg/m ² .min ^{0.5}	0,2
9.9. Hàm lượng ion clo, <i>Chloride content</i>	%	< 0,01
8.3. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i> , ⁽²⁾	MPa	
• Sau khi ngâm nước 72 h <i>After immersion for 72 h in water</i>		1,54
• Sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt <i>After thermal shock cycle test</i>		1,09

Ghi chú/ *Note*:

⁽¹⁾ Theo TCVN 3121: 2003, kích thước mắt sàng có lượng sót tích lũy không lớn hơn 10%
According to TCVN 3121: 2003, aperture size with cumulative residue not greater than 10%

⁽²⁾ TCVN 7239 : 2014

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the rounded uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và ng.nh@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and ng.nh@quatest3.com.vn for further information about test reports.

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 – TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KESCO BASE 02

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Centres: 6 No.7, road No 1, Bien Hoa I EZ, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai UZ, Dist 2, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist 5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/4	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	14/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ Name of sample: BỘT BÀ TƯỜNG GÓC XI MĂNG (SỬ DỤNG ĐƯỢC CẢ NỘI VÀ NGOẠI THẤT) (KESCO BASE 02) TCVN 7239:2014 THÔNG TIN MẪU/ LÔ HÀNG * : 3/2021 KÝ HIỆU MẪU/ SỐ TEM NIÊM PHONG ** : 20.22376 2. Mô tả mẫu : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer Description : - 15 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT There is the seal stamp of QUACERT on sample 3. Số lượng mẫu : 01 Quantity 4. Ngày nhận mẫu : 10/03/2021 Date of receiving 5. Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT Customer 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội 6. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 14/04/2021 Testing duration 7. Điều kiện thử nghiệm/ Test condition: - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu Temperature [t] and relative humidity [RH] condition • Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ Mixing room and testing room : t = [27 ± 2] °C ; RH > 50 % • Tủ môi trường/ Humidity cabinet : t = [27 ± 2] °C ; RH > 90 % • Bể nước bảo dưỡng mẫu/ Water curing tank : t = [27 ± 1] °C • Tủ sấy / Drying cabinet : t = [80 ± 5] °C 8. Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information was given by the customer: Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021. 9. Kết quả thử nghiệm: Xem trang/ See page 02/02 Test results TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng		
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the sample submitted and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mà phòng thử nghiệm này không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phải bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ gửi: info@quatest3.com.vn và ng.tran@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn and ng.tran@quatest3.com.vn for further information about test report.		

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT KESCO BASE 02 (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: 60/7, road No.1, Bieu Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 60/3 lot K1 road, Cai Lai 1Z, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam			
KT3-00456BXD1/4		PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	
		14/04/2021 Page 02/02	
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results:			
Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
9.1. Độ lưu động/ Consistency,	mm	TCVN 3121 : 2003	175
• Tỷ lệ nước/ bột ứng với độ lưu động trên. Water-skin coat ratio for mixture to reach the above consistency	%		26.0
9.2. Thời gian đông kết/ Time of setting		TCVN 6017 : 1995	
• Bắt đầu/ Initial set,	min		> 550
• Kết thúc/ Final set,	min		-
9.3. Cường độ bám dính/ Adhesive strength,	MPa	TCVN 7239 : 2014	
• Ở điều kiện chuẩn/ In standard conditions			1,27
• Sau khi ngâm nước 72 h After immersion for 72 h in water			1,53
• Sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt After thermal shock cycle test			1,16
9.4. Độ giữ nước, Water retention	%	TCVN 7239: 2014	98.2
9.5. Độ cứng bề mặt sau 7 ngày Hardness of surface after 7 days		TCVN 7239 : 2014	0,25
9.6. Độ nghiền mịn (phần còn lại trên sàng 0,09 mm), % Fineness test (retained content on sieve 0,09 mm)		TCVN 4030 : 2003	56,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written in customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tả trong phiếu này chỉ là ước lượng dựa trên độ chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc và kết quả khách hàng làm hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và website: www.quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses at: info@quatest3.com.vn and website: www.quatest3.com.vn for further information about test report.

Lần sửa đổi: 1 BH15 (04/2020) M03 - TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT ACOMO-S

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: No.7, road No.1, Bui Ho 1 St, Dong Nai, Vietnam C5-10t, K1 road, Cat Lai St, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam		
KT3-00456BXD1/8	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 01/02
1. Tên mẫu/ Name of sample: VỮA XÂY DỰNG CHO BÊ TÔNG NHẹ, MÁC M10 (ACOMO-S) TCVN 9028 :2011 THÔNG TIN MẪU/ LÔ HÀNG * : 3/2021 KÝ HIỆU MẪU/ SỐ TEM NIÊM PHONG ** : 20.22380 2. Mô tả mẫu : - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer Description : - 10 kg Trên mẫu có dán tem niêm phong của QUACERT There is the seal stamp of QUACERT on sample 3. Số lượng mẫu : 01 Quantity 4. Ngày nhận mẫu : 10/03/2021 Date of receiving 5. Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT Customer 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội 6. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2021 – 19/04/2021 7. Phương pháp thử : TCVN 9028 : 2011 Test method 8. Điều kiện thử nghiệm/test condition: - Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu: Temperature and relative humidity condition • Phòng trộn mẫu và thử mẫu / Mixing room and testing room: t = [27 ± 2] °C ; RH > 50 % • Tủ ẩm tương / Humidity cabinet : t = [27 ± 2] °C ; RH > 90 % 9. Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information was given by the customer: Theo thông báo của khách hàng, mẫu gạch trên được lấy mẫu theo Biên bản lấy mẫu số 01PNP, ngày 08/03/2021 của Trung tâm chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn (QUACERT). The above brick was sampled according to the minutes of sampling ref. 01PNP of Viet Nam Certification Services (QUACERT) dated 08/03/2021. 10. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ See page 02/02 Test result		
TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.  Trần Ngọc Sâm		TL. GIÁM ĐỐC PP. DIRECTOR TRUNG PHONG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và tư vấn: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact Quatest 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn and tư vấn: info@quatest3.com.vn for further information about test report.		
Lần sửa đổi: 1	BH15 (04/2020)	M03 - TTTN09

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TEST REPORT MỘT SỐ SẢN PHẨM

TEST REPORT ACOMO-S (Tiếp theo)

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn Testing Complex: 66/7, road No. 1, Binh Hoa T. DZ, Dong Nai, Vietnam 66/3 lot, K1 road, Cai Lai DZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam 64 Lu Hung Phong, Dist. 3, HCMC, Vietnam																																			
KT3-00456BXD1/8	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/04/2021 Page 02/02																																	
9. Kết quả thử nghiệm: <i>Test result</i>																																			
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i></th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>9.1. Độ lưu động/ <i>Consistency</i>,</td> <td>mm</td> <td>190</td> </tr> <tr> <td>• Tỷ lệ nước/ vữa ứng với độ lưu động trên, <i>Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency</i></td> <td>%</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>9.2. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ <i>Maximum particle size of aggregates</i></td> <td>mm</td> <td>0,63</td> </tr> <tr> <td>9.3. Khả năng giữ độ lưu động <i>Consistency retentivity</i></td> <td>%</td> <td>96,8</td> </tr> <tr> <td>9.4. Thời gian bắt đầu đông kết, <i>Time of initial setting</i></td> <td>min</td> <td>> 180</td> </tr> <tr> <td>9.5. Thời gian điều chỉnh, <i>Time of adjustment</i></td> <td>min</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>9.6. Cường độ nén, <i>Compressive strength</i></td> <td>MPa</td> <td>10,7</td> </tr> <tr> <td>9.7. Cường độ bám dính, <i>Adhesive strength</i></td> <td>MPa</td> <td>1,09</td> </tr> <tr> <td>9.8. Hệ số hút nước mao dẫn, <i>Coefficient of capillary absorption</i></td> <td>kg/m².min^{0.5}</td> <td>0,1</td> </tr> <tr> <td>9.9. Hàm lượng ion clo, <i>Chloride content</i></td> <td>%</td> <td>< 0,01</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>			9.1. Độ lưu động/ <i>Consistency</i> ,	mm	190	• Tỷ lệ nước/ vữa ứng với độ lưu động trên, <i>Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency</i>	%	20	9.2. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ <i>Maximum particle size of aggregates</i>	mm	0,63	9.3. Khả năng giữ độ lưu động <i>Consistency retentivity</i>	%	96,8	9.4. Thời gian bắt đầu đông kết, <i>Time of initial setting</i>	min	> 180	9.5. Thời gian điều chỉnh, <i>Time of adjustment</i>	min	7	9.6. Cường độ nén, <i>Compressive strength</i>	MPa	10,7	9.7. Cường độ bám dính, <i>Adhesive strength</i>	MPa	1,09	9.8. Hệ số hút nước mao dẫn, <i>Coefficient of capillary absorption</i>	kg/m ² .min ^{0.5}	0,1	9.9. Hàm lượng ion clo, <i>Chloride content</i>	%	< 0,01		
Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>																																			
9.1. Độ lưu động/ <i>Consistency</i> ,	mm	190																																	
• Tỷ lệ nước/ vữa ứng với độ lưu động trên, <i>Water-mortar ratio for mixture to reach the above consistency</i>	%	20																																	
9.2. Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, ⁽¹⁾ <i>Maximum particle size of aggregates</i>	mm	0,63																																	
9.3. Khả năng giữ độ lưu động <i>Consistency retentivity</i>	%	96,8																																	
9.4. Thời gian bắt đầu đông kết, <i>Time of initial setting</i>	min	> 180																																	
9.5. Thời gian điều chỉnh, <i>Time of adjustment</i>	min	7																																	
9.6. Cường độ nén, <i>Compressive strength</i>	MPa	10,7																																	
9.7. Cường độ bám dính, <i>Adhesive strength</i>	MPa	1,09																																	
9.8. Hệ số hút nước mao dẫn, <i>Coefficient of capillary absorption</i>	kg/m ² .min ^{0.5}	0,1																																	
9.9. Hàm lượng ion clo, <i>Chloride content</i>	%	< 0,01																																	
Ghi chú/ <i>Note</i> : (1) Theo TCVN 3121: 2003, kích thước mắt sàng cỡ lượng sót tích lũy không lớn hơn 10% <i>According to TCVN 3121: 2003, aperture size with cumulative residue not greater than 10%</i>																																			
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. <i>Test results are valid for the samples submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.</i> 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / <i>Name of sample(s) and customer are written as customer's request.</i> 3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. <i>The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.</i> 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. <i>This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.</i> 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn và qa@qatest3.com.vn để biết thêm tường tận. <i>Please contact Qatest 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn and qa@qatest3.com.vn for further information about test report.</i>																																			

Lần sửa đổi: 1

BH15 (04/2020)

M03 - TTTN09

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Tho Everies 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 30 / HAMB - 2018

Tên công trình : **CHUNG CƯ CAO TẦNG KẾT HỢP TTTM VÀ VĂN PHÒNG**
 Địa điểm : 132 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, HCM
 Gói thầu : **Tổng thầu thiết kế và xây dựng trọn gói**
 Công tác : **Cung cấp keo dán gạch ốp tường, phụ gia dán gạch lát nền.**

- Căn cứ qui định Pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam .
- Theo ý chỉ và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 01 năm 2018, chúng tôi gồm:

Bên mua (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS**
 Địa chỉ : 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam
 Điện thoại : (84.8) 3514 2255/ 3514 2266 Số Fax: (84.8) 3514 2277
 Mã số thuế : 0303443233
 Tài khoản số : 018.100.004.8671
 Tại ngân hàng : Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh: Nam Sài Gòn
 Người đại diện... : Ông **BÙI NGỌC KIM** Chức vụ: **GDĐA**
 Theo ủy quyền số : 2734/2016/UQ-TGD ngày 08/10/2016

Và Bên bán (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MÔI TENZI**
 Địa chỉ : 292/34/12 Đường Bình Lợi, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
 Điện thoại : 08.6251159 Số Fax: 08.6251179
 Mã số thuế : 0311647424
 Tài khoản số : 1430106294880002
 Tại ngân hàng : Thương mại Sài Gòn (SCB) Chi nhánh: Bến Thành
 Người đại diện : Bà **HOÀNG ANH PHƯƠNG** Chức vụ: **Giám Đốc**

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng thầu phụ ("Hợp đồng") với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với chi tiết, quy cách kỹ thuật, tiến độ giao hàng, thanh toán,... như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung của Điều kiện chung ("ĐKC") của Hợp đồng:

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	Điều I	- Cung cấp Keo dán gạch ốp tường, phụ gia keo dán gạch lát nền với khối lượng tạm tính và đơn giá như bảng khối lượng Hợp đồng đính kèm. - Khối lượng thực tế sẽ được đặt hàng theo đơn đặt hàng, có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường. - Bên B đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và theo kết quả thử nghiệm tại các trung tâm thí nghiệm.
2	Địa điểm, tiến độ, cách thức giao nhận hàng hóa	Điều II	- Địa điểm: Công trình Everich 8 tại 132 Bến Vân Đồn, P.6, Q.4, Tp.HCM. - Tiến độ: Theo tiến độ chi tiết cam kết giữa 2 bên và tiến độ tổng tại Công trường. - Thời gian giao hàng: Hàng hóa sẽ được giao cho bên A trong vòng 3-5 ngày kể từ ngày bên B nhận được đơn đặt hàng của bên A. - Phương thức giao nhận: Khi giao nhận hàng, hai bên phải lập biên bản giao nhận. Bên A cử đại diện có trách nhiệm ký vào biên bản xác nhận số lượng, chất lượng, quy cách, phẩm chất hàng hóa để làm cơ sở thanh toán. - Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng thì lập biên bản tại chỗ có xác nhận 02 bên, Bên A phải để riêng lô hàng này và báo cho bên B kiểm định lại, nếu lô hàng không đạt chất lượng, bên B phải thay thế lô hàng này trong vòng 3-5 ngày.
3	Bảo hành	Điều III	- 12 tháng kể từ ngày quyết toán hợp đồng, có kèm theo thư cam kết bảo hành. (Với điều kiện bên A thi công tuân thủ nghiêm túc tỷ lệ xi măng, nước sạch, cát sạch cỡ 0,3-1,25mm. Bên B sẽ kiểm tra định kỳ tại công trường). - Trong thời hạn bảo hành: + Bên B phải tiến hành việc khắc phục mọi hư hỏng, khuyết tật của công trình do lỗi của nhà sản xuất trong vòng 03 ngày tính từ ngày nhận được thông báo của bên A mà không được thanh toán thêm bất cứ khoản phí nào. + Bên B cũng phải có trách nhiệm hỗ trợ thực hiện các công việc sửa chữa các hư hỏng do các nguyên nhân khác gây ra khi có yêu cầu. Căn cứ theo khối lượng công việc thực hiện, Bên A sẽ thỏa thuận với bên B về mức chi phí hợp lý thanh toán cho công việc sửa chữa.
4	Giá trị Hợp đồng (HD) và Phương thức thanh toán	Điều IV	Giá trị Hợp đồng tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT): 447.790.050 VNĐ Thuế VAT 10%: 44.779.005 VNĐ Giá trị Hợp đồng tạm tính (bao gồm thuế GTGT): 492.569.055 VNĐ <i>(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai triệu, Năm trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng chẵn.).</i>

Trang 2/ 4

C003.1-Điều kiện riêng hợp đồng thầu phụ_rev01

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			Đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng. Phương thức thanh toán: chuyển khoản - Các đợt thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị hàng hóa trong vòng 28 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A. - Quyết toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100 % giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 28 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp Biên bản quyết toán thanh lý HĐ và chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A. Chứng từ thanh toán - Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi Bên B cung cấp hoá đơn tài chính phù hợp và đầy đủ với giá trị khối lượng công việc thực hiện trước mỗi đợt thanh toán. - Hóa đơn phải phát hành đủ giá trị khi được giám sát kỹ thuật và chỉ huy trưởng công trường của Bên A xác nhận.
5	Thỏa thuận khác (nếu có)		Không có điều khoản khác

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu của Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:
- Bản Hợp đồng này.
 - Điều kiện chung của Hợp đồng.
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công.
 - Bảng đơn giá/Khối lượng.
 - Bản vẽ (nếu có).
 - Bảng tiến độ (nếu có).
 - Các quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
 - Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - Giấy ủy quyền (nếu có).
 - Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
 - Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
3. Hợp đồng này thay thế tất cả thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại Công trình **CHUNG CƯ CAO TẦNG KẾT HỢP TTTM VÀ VĂN PHÒNG** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.
4. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
5. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Kiểm soát Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email "gopy.ccm@coteccons.vn".
6. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.
7. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

ĐẠI DIỆN BÊN A  Ông: BUI NGOC KIM Chức vụ: Giám Đốc Dự Án	ĐẠI DIỆN BÊN B  Bà: HOÀNG ANH PHƯƠNG Chức vụ: Giám Đốc
--	--

Trang 4/ 4

C003.1-Điều kiện riêng hợp đồng thầu phụ_rev01

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

27 MAR 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 2018-CCM-NT-019...

Tên công trình : Phòng Quản lý Chi phí và Hợp đồng, Các công trình của Unicons.
 Địa điểm : Tất cả các công trình và Kho của Bên A.
 Gói thầu : Cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng.
 Hạng mục : Cung cấp keo dán gạch, keo chít mạch, vữa xây tô gạch không nung.

- Căn cứ qui định pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Theo ý chỉ và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Unicons, chúng tôi gồm:

Bên mua (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UNICONS**
 Địa chỉ : Tầng 5-6, Số 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam
 Điện thoại : 028 3514 3366 Số Fax: 028 3514 3366
 Mã số thuế : 0304472276
 Tài khoản số : 0181001810335
 Tại ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh: Nam Sài Gòn
 Hoặc tài khoản số : 19230584270019
 Tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank Chi nhánh: Tp. HCM
 Người đại diện : Ông **LÊ CHÍ TRUNG** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
 Theo ủy quyền số : 67/2017/UQ-UN ngày 09/7/2017
 Và

Bên bán (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MƠI TENZI**
 Địa chỉ : 292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại : 028.6258.1159 Số Fax: 028.6258.1179
 Mã số thuế : 0311647424
 Tài khoản số : 16294 8459
 Tại ngân hàng : Ngân Hàng Á Châu (ACB) Chi nhánh: PGD Thị Nghè, HCM
 Người đại diện : Bà **HOÀNG ANH PHƯƠNG** Chức vụ: Giám Đốc

Trang 1/4

CCM-F15-Rev4.0 Điều kiện riêng hợp đồng mua bán

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán ("Hợp đồng") với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với chi tiết, quy cách kỹ thuật, tiến độ giao hàng, thanh toán,... như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung của Điều kiện chung ("ĐKC") của Hợp đồng:

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	Điều I	Cung cấp keo dán gạch, keo chít mạch, vữa xây tô gạch không nung.
2	Địa điểm, tiến độ, cách thức giao nhận hàng hóa	Điều II	<u>a/ Địa điểm:</u> Tại Kho và các công trình của Bên A hoặc những địa điểm cụ thể được Bên A yêu cầu và xác nhận bằng Đơn đặt hàng. <u>b/ Tiến độ, cách thức giao nhận:</u> Theo từng đơn đặt hàng tại mỗi thời điểm Bên A yêu cầu, cụ thể: - Bên A gửi đơn đặt hàng cho Bên B có chữ ký xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường hoặc Trưởng các Phòng/Ban. Đơn đặt hàng phải nêu rõ tên sản phẩm, quy cách, số lượng/khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, thời gian, địa điểm giao hàng, người nhận hàng (bao gồm tên, số điện thoại)...và những thông tin cần thiết khác (nếu cần). - Thời gian Bên B giao hàng: Theo yêu cầu trên đơn đặt hàng của Bên A hoặc tối đa 03 ngày kể từ ngày Bên B nhận được đơn hàng từ Bên A. - Bên B thông báo cho Bên A thời gian nhận hàng trong vòng 24h sau khi Bên B nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của Bên A. Sau thời gian này mà Bên B không phản hồi thì coi như Bên B đồng ý thời gian giao hàng ghi trên đơn đặt hàng. - Trường hợp Bên B đã nhận được đơn hàng nhưng không phản hồi hoặc không cấp hàng đúng hạn thì Bên A có quyền hủy đơn hàng. - Bên A được quyền hiệu chỉnh tiến độ thực hiện việc lấy hàng của mình để phù hợp với tiến độ của công trình, các thay đổi về tiến độ sẽ được bên A thông báo

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			ít nhất 02 ngày trước ngày tiến hành việc cung cấp. Hai bên có trách nhiệm cử người đại diện kiểm tra và ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn thì lập biên bản tại chỗ có sự xác nhận của bên mua và bên giao hàng.
3	Bảo hành	Điều III	- Bảo hành: Bên B cam kết bảo hành chất lượng các sản phẩm do mình cung cấp tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao hàng, với điều kiện Bên A sử dụng sản phẩm đúng theo hướng dẫn kỹ thuật, không trộn thêm xi măng hoặc bất cứ thành phần khác nào vào sản phẩm của Bên B. - Khi xảy ra sự kiện bảo hành: Bên B cam kết giao đúng số lượng không đạt chất lượng mà Bên A đã sử dụng để thi công và chỉ phí nhân công để thi công lại khối lượng công việc bị ảnh hưởng.
4	Điều chỉnh đơn giá	Điều IV	- Đơn giá đính kèm hợp đồng được áp dụng cho những đơn hàng giá trị nhỏ. - Đối với những dự án khối lượng lớn Bên A và Bên B thỏa thuận thống nhất lại đơn giá riêng cho từng dự án.
5	Giá trị Hợp đồng và Phương thức thanh toán	Điều IV	<u>Giá trị hợp đồng:</u> - Theo giá trị khối lượng thực tế thực hiện ở các dự án. <u>Phương thức và tiến độ thanh toán:</u> - Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A. - Đồng tiền dùng thanh toán là: Việt Nam đồng. - Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. <u>Chứng từ thanh toán:</u> - Đơn đặt hàng có xác nhận Chỉ huy trưởng công trình của Bên A (bản sao). - Phiếu giao nhận hàng hóa có xác nhận bởi đại diện hai bên (bản scan/photo). - Hóa đơn tài chính cho từng đợt giao hàng hoặc toàn bộ lô hàng nếu giao hàng một đợt.

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu trong Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:

- Bản Hợp đồng này.
- Các Điều kiện chung của Hợp đồng.
- Bảng đơn giá/Khối lượng.



PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- d) Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có).
 - e) Bản vẽ (nếu có).
 - f) Bảng tiến độ (nếu có).
 - g) Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - h) Quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
 - i) Giấy ủy quyền (nếu có).
 - j) Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
 - k) Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
3. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại **Phòng Quản lý Chi phí và Hợp đồng** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.
 4. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
 5. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Quản lý Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email "gopv.ccm@unicons.vn".
 6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2018.
 7. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.



Ông LÊ CHÍ TRUNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc



Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG

Chức vụ: Giám Đốc

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**HỢP ĐỒNG MUA BÁN****Số: 2510/HĐKT/2019**

Công trình : Gói thầu CP2 Trường Đại học Việt Đức – Tỉnh Bình Dương.
Hạng mục : Nhà Thư Viện.
Công việc : Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC (Không bao gồm lắp đặt)
Địa Điểm : KP4- Phường Thới Hòa- Bến Cát – Bình Dương.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Hồ sơ thiết kế, các tiêu chuẩn kỹ thuật thi công của công trình;

- Căn cứ vào nhu cầu; năng lực thực hiện và sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2019. Tại văn phòng Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 Chúng tôi gồm:

I. BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Đại diện : Ông LÊ PHÙNG HÒA Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : Số 57 đường Vũ Trọng Phụng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

Điện thoại : 04 2214 3724 Fax: 04 3787 5053

Tài khoản số : 22010000000890 - Tại NH Đầu tư và Phát triển VN-CN Thăng Long - Hà Nội.

Mã số thuế : 0101446753

II. BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI.

Đại diện : Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Điện thoại : 028 6258 1159 Fax: 028 6258 1179

Tài khoản số : 16294.8459 – Tại NH Á Châu – PGD Thị Nghè, TP HCM

Mã số thuế : 0311647424

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các nội dung và điều khoản của bản hợp đồng cụ thể như sau:

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Điều 1: Công việc sản xuất và cung cấp

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận: Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC cho Công trình: Gói thầu CP2 Trường Đại học Việt Đức – Tỉnh Bình Dương.

- Bên B nhận khoán gọn toàn bộ các chi phí về Vật tư, (bao gồm chi phí trả lương, thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động ...) và các chi phí hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc sản xuất, cung cấp và vận chuyển tấm GFRC cho công trình theo yêu cầu hồ sơ thiết kế, bản vẽ Shop Drawing và các tiêu chuẩn của dự án.

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật - Chất lượng.

- Khi sản xuất và vận chuyển tấm GFRC theo nội dung trong hợp đồng bên B phải sản xuất theo đúng bản vẽ thiết kế, bản vẽ Shop Drawing đã được phê duyệt và sự chỉ dẫn của bên A, TVGS, Chủ đầu tư.

- Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và các TCVN hiện hành.

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán.

3.1. Khối lượng

- Khối lượng: Theo khối lượng xác nhận thực tế giữa 2 bên, được kỹ thuật bên A, Chỉ huy trưởng và Phó Tổng giám đốc phụ trách của bên A xác nhận.

3.2. Đơn giá. Bao gồm sản xuất, cung cấp và vận chuyển theo Điều 2 của hợp đồng.

TT	Nội Dung	Đơn Vị	Khối Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1	- Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC loại 1 cao 2790mm + Tấm GFRC đúc sẵn (xi măng gia cường sợi thủy tinh) + Cát hàm lượng Silic $\geq 96\%$ độ ẩm 2%. + Hàm lượng sợi thủy tinh trong hỗn hợp bê tông từ 4,5÷6%. + Hàm lượng cuộn khí 5÷7%. + Cường độ nén > 35 MPA ở 28 ngày tuổi. + Tiết diện (100x250)mm. + Mẫu B.tông sáng.	tấm			
2	- Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC loại 2 cao 2300mm. + Tấm GFRC đúc sẵn (xi măng gia cường sợi thủy tinh) + Cát hàm lượng Silic $\geq 96\%$ độ ẩm 2%. + Hàm lượng sợi thủy tinh trong hỗn	tấm			

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TT	Nội Dung	Đơn Vị	Khối Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
	hợp bê tông từ 4,5÷6%. + Hàm lượng cuộn khí 5÷7%. + Cường độ nén > 35 MPA ở 28 ngày tuổi. + Tiết diện (100x250)mm. + Mẫu B.tông sáng.				
3	- Cung cấp và vận chuyển tấm GFRC loại 3 cao 2560mm + Tấm GFRC đúc sẵn (xi măng gia cường sợi thủy tinh) + Cát hàm lượng Silic $\geq 96\%$ độ ẩm 2%. + Hàm lượng sợi thủy tinh trong hỗn hợp bê tông từ 4,5÷6%. + Hàm lượng cuộn khí 5÷7%. + Cường độ nén > 35 MPA ở 28 ngày tuổi. + Tiết diện (100x250)mm. + Mẫu B.tông sáng.	tấm			
5	Tổng				1.631.640.000
6	VAT 10%				163.164.000
7	Tổng cộng				1.794.804.000

Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng

- Giá trị hợp đồng đã bao gồm 10% VAT và tất cả các chi phí để sản xuất, cung cấp và vận chuyển, hoàn thành công việc trong hợp đồng.
- Giá trị hợp đồng đã bao gồm chi phí quản lý, lắp đặt các vật tư đặt sẵn trong tấm GFRC như Bu lông, bản mã thép do bên A cấp cho bên B tại xưởng bên B để bên B lắp đặt trong quá trình đúc tấm GFRC.
- Khối lượng chính thức của hợp đồng là khối lượng được nghiệm thu thực tế tại công trình.
- Đơn giá là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt quá trình cung cấp.

3.3. Phương thức thanh toán:

- Ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng bên B hoàn thiện hồ sơ để Chủ đầu tư phê duyệt chính thức và các tài liệu sau:
 - + Cung cấp 01 bộ mẫu hoàn thiện bao gồm cả liên kết và trình tự lắp đặt, kích thước > (500x500)mm. Mẫu phải được thông qua sự góp ý và đánh giá của Tư vấn thiết kế cũng như của Chủ đầu tư. (Mẫu Mô Hình).
 - + Cung cấp 01 bộ Mẫu thử được lựa chọn, khớp với mẫu thử đã được chấp nhận, đã trình trước, kích thước > (1000x1000)mm. (Mẫu Mô Hình).
 - + Cung cấp mẫu thí nghiệm kích thước tiêu chuẩn (350x50x25)mm.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

+ Cung cấp cho bên A bảo lãnh tạm ứng của bên B có thời hạn 30 ngày thì Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền: **538.441.200 VNĐ** (Năm trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, hai trăm đồng). Giá trị tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán lần thứ hai, mỗi lần thu hồi 50% giá trị tạm ứng.

+/ **Bảo lãnh tạm ứng:** Bên B phát hành bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang tương ứng với số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B (theo mẫu của bên A và được giải tỏa sau khi khấu trừ hết tiền ứng trước hoặc theo phương thức thanh toán giai đoạn 3 tùy điều kiện nào đến trước).

+/ **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** Bên B phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng vô điều kiện và không hủy ngang có giá trị 10% với thời hạn 42 ngày kể từ ngày phát hành cho bên A (theo mẫu của bên A).

+/ **Thanh toán giai đoạn:** Chia làm 03 giai đoạn: Sau khi sản phẩm tấm GFRC được bên A, TVGS, CĐT nghiệm thu vật liệu đầu vào, đủ điều kiện đưa vào lắp dựng.

- Thời gian nghiệm thu vật liệu đầu vào (Tấm GFRC) không quá 10 ngày kể từ ngày bên B giao hàng đến công trình của bên A. Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị lô hàng (có khấu trừ giá trị tạm ứng theo tỷ lệ) mỗi đợt trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký nghiệm thu tấm GFRC đưa vào lắp dựng.

Giai đoạn 1: Sau khi bên B Sản xuất, vận chuyển và cung cấp 40% khối lượng mỗi loại tấm tương ứng với 40% khối lượng trong hợp đồng.

Giai đoạn 2: Sau khi bên B Sản xuất, vận chuyển và cung cấp đến 70% khối lượng mỗi loại tấm tương ứng với 70% khối lượng trong hợp đồng.

Giai đoạn 3: Trước khi giao hàng đợt 3, sau khi có xác nhận của bên A, xác nhận bên B đã sản xuất đủ số lượng hàng theo hợp đồng tại nhà máy của bên B thì bên A sẽ giải tỏa bảo lãnh tạm ứng cho bên B và cung cấp cho bên B một bảo lãnh thanh toán có giá trị tương đương với giá trị lô hàng đợt 3, bảo lãnh thanh toán có thời hạn trong vòng 30 ngày. Bên B vận chuyển, giao hàng xong và làm thủ tục thanh toán.

- Khối lượng hoàn thành của bên B được bên A, TVGS và CĐT nghiệm thu theo từng giai đoạn của Hợp đồng. Bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A, kèm theo Bảng xác nhận khối lượng, Bảng giá trị hoàn thành thì bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị hoàn thành mỗi đợt và trừ giá trị tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Sau khi bên B sản xuất và cung cấp toàn bộ sản phẩm cho bên A, hai bên lập quyết toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 100% giá trị hai bên quyết toán.

- 5% giá trị quyết toán sẽ được bên A thanh toán hết cho bên B kể từ ngày bên A nhận được bảo lãnh bảo hành của bên B do ngân hàng có đủ điều kiện phát hành với thời gian bảo lãnh bảo hành: 02 năm kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành.

- Khối lượng thanh toán là khối lượng thực tế cung cấp.

Hồ sơ thanh, quyết toán bao gồm:

+ Kết quả thí nghiệm mẫu bê tông, các biên bản lấy mẫu và kết quả thí nghiệm vật liệu (xi măng, cát thạch anh, sợi thủy tinh) đầu vào của đơn vị thí nghiệm có đủ năng lực.

+ Toàn bộ Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành từng giai đoạn.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- + Giấy đề nghị thanh, quyết toán.
- + Biên bản xác nhận khối lượng đã cung cấp bàn giao.
- + Bảng giá trị thanh toán.
- + Hóa đơn VAT.

Điều 4: Tiến độ

- Thời gian sản xuất và cung cấp: Từ 01/11/2019 đến 12/12/2019 (42 ngày).

Trong đó:

+/- Nhập nguyên liệu về xưởng sản xuất sau 02 ngày kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng của bên A.(xưởng sản xuất của bên B).

+/- Bên B làm nghiệm thu nguyên liệu đầu vào, được bên A, TVGS, CĐT chấp nhận sau 02 ngày kể từ ngày nguyên liệu nhập về xưởng sản xuất. (xưởng sản xuất bên B)

+/- Tiến độ sản xuất và cung cấp tấm GFRC đến công trường là 42 ngày (kể từ ngày nguyên liệu được TVGS, CĐT và bên A nghiệm thu nguyên liệu đầu vào). Cụ thể như sau:

- Đợt 1: Bắt đầu giao hàng vào ngày 18/11 - 19/11/2019: giao 1 tấm trong đó có 1 tấm GFRC loại 1, 1 tấm GFRC loại 2, 1 tấm GFRC loại 3.
- Đợt 2: Bắt đầu giao hàng vào ngày 29/11 - 30/11/2019: giao 1 tấm trong đó có 1 tấm GFRC loại 1, 1 tấm GFRC loại 2 1 tấm GFRC loại 3.
- Đợt 3: Bắt đầu giao hàng vào ngày 11/12 - 12/12/2019: giao 1 tấm trong đó có 1 tấm GFRC loại 1, 1 tấm GFRC loại 2, 1 tấm GFRC loại 3.

+/- Tiến độ sản xuất và cung cấp các công việc khác sẽ được lập trong bảng tiến độ chi tiết.

- Sau khi ký hợp đồng trong vòng 03 (ba) ngày bên B phải lập tiến độ sản xuất và cung cấp chi tiết (trong tiến độ phải thể hiện thời gian đặt hàng, nhập hàng, nghiệm thu đối với vật tư, thời gian cấp hàng đến công trình), biện pháp thi công, bản vẽ kỹ thuật thi công – bản vẽ Shop Drawing trình bên A (tiến độ thi công chi tiết, biện pháp sản xuất phải phù hợp với tiến độ bên A đã được TVGS, CĐT phê duyệt). Bên B phải sản xuất theo đúng tiến độ được phê duyệt.

- Nếu vì lý do chủ quan của bên B, bên B làm chậm tiến độ cung cấp so với tiến độ A-B đã thống nhất, bên B phải tăng cường nhân công để đảm bảo sản xuất đúng mục tiêu mà bên A yêu cầu. Nếu bên B vẫn không đáp ứng được thì bên B phải chịu phạt chậm tiến độ và bồi thường thiệt hại mà bên A phải trả cho các hợp đồng.khác liên quan.

Điều 5: Trách nhiệm và cam kết của mỗi bên

5.1. Trách nhiệm của bên A.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nghiệm thu, ký xác nhận mẫu tại xưởng sản xuất của bên B – Biên Hòa, Đồng Nai, đồng ý cho bên B sản xuất theo mẫu đã duyệt.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nghiệm thu, ký xác nhận khối lượng thanh toán cho bên B.

- Thống nhất với Bên B về hồ sơ nghiệm thu trước khi sản xuất và cung cấp.

- Thông báo kịp thời cho bên B các phát sinh về hồ sơ thiết kế (nếu có) trong quá trình sản xuất.

- Cung cấp các vật tư đặt sẵn trong tấm GFRC như Bu lông, bản mã thép để bên B lắp đặt trong quá trình đúc tấm GFRC. (Địa điểm giao, nhận bu lông, bản mã và các vật tư liên

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

quan khác tại xưởng sản xuất của bên B – Kho T263, KP 3, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai).

- Đối với những phần việc bên B đã thi công xong nhưng do lỗi thay đổi thiết kế hoặc do lỗi sử dụng của bên A, phải thi công lại thì bên A chịu hoàn toàn chi phí đã thi công và chi phí sửa chữa, phát sinh phần việc nêu trên.

- Bố trí mặt bằng để bên B tập kết và bàn giao sản phẩm.

- Thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình cho Bên B theo đúng các cam kết ghi trong hợp đồng này.

- Để đảm bảo tiến độ công trình, thời điểm nghiệm thu phải được tiến hành chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nghiệm thu của bên B trước mỗi giai đoạn nghiệm thu công việc.

- Kết hợp với Bên B giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Ký hồ sơ nghiệm thu cho bên B ngay sau khi công việc được hoàn thành.

5.2. Trách nhiệm bên B

- Lập tiến độ cung cấp sản xuất chi tiết, tiến độ tập kết vật tư chờ đến công trường bàn giao bên A.

- Tổ chức khảo sát, đo đạc, lấy số liệu thực tế tại hiện trường trước khi gia công.

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ về nguồn gốc xuất xứ của vật tư sử dụng cho công trình, các chứng chỉ có hiệu lực của các vật tư.vv.

- Sản xuất đúng bản vẽ được chủ đầu tư phê duyệt.

- Cung cấp, vận chuyển và bàn giao tấm GFRC tại chân công trình. Địa điểm: Khu Phố 4- Phường Thới Hòa- Bến Cát – Bình Dương.

- Chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý sử dụng các vật tư bên A cấp để liên kết vào hệ tấm GFRC theo đúng bản vẽ được duyệt.

- Chịu trách nhiệm về tiến độ thi công theo quy định của dự án. Tuy nhiên, bên B sẽ không chịu trách nhiệm về sự chậm tiến độ nếu không phải do lỗi của bên B.

- Cung cấp hoá đơn tài chính theo quy định của pháp luật.

- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và đền bù sản phẩm mà bên B sản xuất không đảm bảo về chất lượng, không đảm bảo tính kỹ, mỹ thuật do lỗi của bên B mà không được bên A, Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nghiệm thu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi liên quan đến công nhân lao động do mình quản lý.

- Chịu trách nhiệm sản xuất các phần công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng.

Đối với phần công việc phát sinh chưa có đơn giá bên B lập đơn giá trình bên A phê duyệt để thi công.

- Đối với các phần công việc phát sinh cần thiết để thực hiện hợp đồng, bên B có trách nhiệm phải đề xuất bên A để bên A phê duyệt trước 07 (bảy) ngày làm việc nhằm tiến hành triển khai thi công không làm ảnh hưởng đến tiến độ đã phê duyệt. Nếu bên B không lường trước được những phát sinh cần thiết để thực hiện hợp đồng thì bên B phải chịu trách nhiệm thi công và hoàn thành theo tiến độ, đơn giá phát sinh sẽ được hai bên thương thảo khi quyết toán hợp đồng.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Điều 6: Phạt vi phạm Hợp Đồng.

- Nếu tiến độ nhập hàng hoặc tiến sản xuất công của bên B bị chậm quá 10 ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc giao cho một nhà thầu phụ khác thực hiện phần công việc bị chậm mà không cần sự đồng ý của Bên B. Bên B phải bồi thường cho Bên A các chi phí phát sinh liên quan đến việc thay thế nhà thầu thực hiện công việc, bao gồm cả phần chênh lệch đơn giá giữa hai nhà thầu phụ.

- Nếu Bên B chậm hoàn thành công việc theo quy định của Hợp đồng mà không do Sự kiện bất khả kháng hoặc do lỗi của Bên B mà không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 25 triệu đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 5% (năm phần trăm) Giá trị Hợp đồng. Giá trị này sẽ được trừ trực tiếp vào hồ sơ thanh toán các đợt gần nhất.

- Nếu Bên B cung cấp vật tư kém chất lượng hoặc không đúng mẫu mã, chủng loại quy định tại Hợp đồng này, Bên B phải đổi, thay thế vật tư đúng chất lượng, chủng loại theo quy định của Hợp đồng trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ này quá 02 (hai) lần, Bên B sẽ bị phạt 1% (một phần trăm) Giá trị phần vật tư vi phạm Hợp đồng cho mỗi lần vi phạm tiếp theo.

- Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất Ngân hàng công bố tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng giá trị hợp đồng, khi đó bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và dừng cung cấp không chịu trách nhiệm chậm tiến độ.

Điều 7: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh thay đổi hai bên sẽ cùng bàn bạc thống nhất cách giải quyết bằng các văn bản bổ sung.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên chính thức ký kết hợp đồng. Sau khi kết thúc công việc, hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm nêu trong hợp đồng và không có vướng mắc gì thì hợp đồng coi như đã được thanh lý và hết hiệu lực.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Phùng Hòa

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Hoàng Anh Phương

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 2018-CCM-NT-.....

R.19.005-01/NW2/003

Tên công trình : Phòng Mua hàng & giao thầu, Các công trình của Ricons.
 Địa điểm : Tất cả các công trình và Kho tại khu vực miền Bắc của Bên A.
 Gói thầu : Cung cấp vật liệu xây dựng.
 Hạng mục : Cung cấp keo dán gạch, keo chít mạch, vữa chuyên dụng cho các công trình tại phía Bắc Việt Nam

- Căn cứ qui định pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Theo ý chỉ và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Ricons, chúng tôi gồm:

Bên mua (Sau đây được gọi tắt là “Bên A”)

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG RICONs**
 Địa chỉ : Số 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam
 Điện thoại : 028 3514 0349 Số Fax: 028 3514 0348
 Email : contact@ricons.vn
 Mã số thuế : 0303527596
 Tài khoản số : 0181002488455
 Tại ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh: Nam Sài Gòn
 Người đại diện : Ông **PHẠM QUÂN LỰC** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
 Theo ủy quyền số :

Và**Bên bán (Sau đây được gọi tắt là “Bên B”)**

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỐI TENZI**
 Địa chỉ : 292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại : 028.6258.1159 Số Fax: 028.6258.1179
 Mã số thuế : 0311647424
 Tài khoản số : 162948459
 Tại ngân hàng : Ngân Hàng Á Châu Chi nhánh: PGD Thị Nghè, HCM
 Người đại diện : Bà **HOÀNG ANH PHƯƠNG** Chức vụ: Giám Đốc
 Theo ủy quyền số :

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán ("Hợp đồng") với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với chi tiết, quy cách kỹ thuật, tiến độ giao hàng, thanh toán,... như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung của Điều kiện chung ("ĐKC") của Hợp đồng:

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	Điều I	- Cung cấp keo dán gạch, keo chít mạch, vữa chuyên dụng - Tất cả vật tư bên B cung cấp là hàng mới 100% chưa qua sử dụng và phải có đủ chứng chỉ xuất xưởng, chứng chỉ chất lượng, khối lượng.
2	Địa điểm, tiến độ, cách thức giao nhận hàng hóa	Điều II	<u>a/ Địa điểm:</u> Tại Kho và các công trình khu vực phía Bắc của Bên A hoặc những địa điểm cụ thể được Bên A yêu cầu và xác nhận bằng Đơn đặt hàng. <u>b/ Tiến độ, cách thức giao nhận:</u> Theo từng đơn đặt hàng tại mỗi thời điểm Bên A yêu cầu, cụ thể: - Bên A gửi đơn đặt hàng cho Bên B có chữ ký xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường hoặc Trưởng các Phòng/Ban. Đơn đặt hàng phải nêu rõ tên sản phẩm, quy cách, số lượng/khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, thời gian, địa điểm giao hàng, người nhận hàng (bao gồm tên, số điện thoại)... và những thông tin cần thiết khác (nếu cần). - Thời gian giao hàng: Tối đa 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được đơn hàng chính thức từ Bên A - Bên B thông báo cho Bên A thời gian nhận hàng trong vòng 24h sau khi Bên B nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của Bên A. Sau thời gian này mà Bên B không phản hồi thì Bên A có quyền hủy đơn hàng - Bên A được quyền hiệu chỉnh tiến độ thực hiện việc lấy hàng của mình để phù hợp với tiến độ của công trình, các thay đổi về tiến độ sẽ được bên A thông báo ít nhất 02 ngày trước ngày tiến hành việc cung cấp. - Đơn đặt hàng có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trình hoặc Trưởng các Phòng/Ban của Bên A mới được xem là hợp lệ và là một phần không tách rời của

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			Hợp đồng này, - Hai bên có trách nhiệm cử người đại diện kiểm tra và ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn thì lập biên bản tại chỗ có sự xác nhận của bên mua và bên giao hàng. <u>Chi phí vận chuyển, bốc dỡ:</u> - Đối với các dự án ở phía Bắc, giá bán trong phụ lục đã bao gồm phí vận chuyển bằng Container (25 – 27 tấn) đến chân công trình. - Bên B vận chuyển hàng tới kho bên A. Bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ và vận chuyển hàng vào kho Bên A tại công trường. - Trong trường hợp vị trí công trình không cho phép xe trọng tải lớn (10 tấn) lưu thông vào ban ngày, Tenzi đề nghị công trình sắp xếp người nhận hàng và bốc hàng xuống vào ban đêm (có thể 12h khuya xe mới vào được công trình). Nếu công trình không thu xếp người nhận hàng và bốc hàng xuống vào ban đêm thì hai bên cùng chia sẻ chi phí vận chuyển xe có trọng tải nhỏ hơn. <u>Các điều khoản đảm bảo thực hiện hợp đồng:</u> - Trong trường hợp Bên B không giao hàng đúng thời hạn thì Bên B trả cho bên A khoản tiền phạt là 1% giá trị hàng hóa cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị đơn đặt hàng. - Nếu bên B giao hàng không đúng chất lượng và qui cách như đã qui định trong hợp đồng này thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Bên B có trách nhiệm giao hàng khác đúng chất lượng và qui cách đã quy định, nếu việc đổi hàng này chậm trễ thì việc phạt vi phạm được thực hiện như quy định của hợp đồng. - Nếu Bên A từ chối tiếp nhận hàng hóa đã giao đúng về số lượng, chất lượng, quy cách đã được quy định trong hợp đồng mua bán thì Bên A sẽ bị phạt 2% giá trị phần hợp đồng đã hoàn thành mà không tiếp nhận và chi phí vận chuyển trả hàng. <u>Trả hàng:</u> - Bên A phải thông báo cho Bên B về việc trả hàng (là các sản phẩm Bên B cung cấp không đạt chất lượng) trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng - Sản phẩm trả phải còn trong tình trạng chưa qua sử dụng còn trong bao bì nguyên thủy như khi bên B
--	--	--	---

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			giao.
3	Bảo hành	Điều III	- Bảo hành: Bên B cam kết bảo hành chất lượng các sản phẩm do mình cung cấp tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao hàng, với điều kiện Bên A sử dụng sản phẩm đúng theo hướng dẫn kỹ thuật, không trộn thêm xi măng hoặc bất cứ thành phần khác nào vào sản phẩm của Bên B - Khi xảy ra sự kiện bảo hành: Bên B cam kết giao đúng số lượng không đạt chất lượng mà Bên A đã sử dụng để thi công và chi phí nhân công để thi công lại khối lượng công việc bị ảnh hưởng.
4	Điều chỉnh đơn giá	Điều V	- Đơn giá cố định theo bảng báo giá đính kèm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp có sự biến động về đơn giá (tăng/giảm) vượt quá 10% so với Bảng đơn giá đính kèm hợp đồng, Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 14 ngày, hai bên sẽ thống nhất bằng phụ lục hợp đồng để làm cơ sở thực hiện và thanh toán.
5	Giá trị Hợp đồng và Phương thức thanh toán	Điều IV	<u>Giá trị hợp đồng:</u> - Theo giá trị khối lượng thực tế thực hiện ở các dự án. <u>Phương thức và tiến độ thanh toán:</u> - Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A. - Đồng tiền dùng thanh toán là: Việt Nam đồng. - Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. <u>Chứng từ thanh toán:</u> - Đơn đặt hàng có xác nhận Chỉ huy trưởng công trình của Bên A (bản sao). - Phiếu giao nhận hàng hóa có xác nhận bởi đại diện hai bên (bản gốc). - Hóa đơn tài chính cho từng đợt giao hàng hoặc toàn bộ lô hàng nếu giao hàng một đợt.

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu trong Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:

- Bản Hợp đồng này.
- Các Điều kiện chung của Hợp đồng.
- Bảng đơn giá/Khối lượng.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có).

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- e) Bản vẽ (nếu có).
 - f) Bảng tiến độ (nếu có).
 - g) Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - h) Quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
 - i) Giấy ủy quyền (nếu có).
 - j) Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
 - k) Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
3. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại **Phòng Mua hàng & Giao thầu** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.
 4. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
 5. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Quản lý Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email "contact@ricons.vn".
 6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/06/2019.
 7. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.



Ông PHẠM QUÂN LỰC
Chức vụ: P.Tổng Giám Đốc



Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG
Chức vụ: Giám Đốc

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

31 JAN 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: U.18.011-01/CC/253

Tên công trình : G-HOMES
 Địa điểm : Võ Trường Toản, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
 Gói thầu : G-HOMES (KC,HT)
 Công tác : Cung cấp keo dán gạch

- Căn cứ qui định Pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Theo ý chí và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại TpHCM, Chúng tôi gồm:

Bên mua (Sau đây được gọi tắt là “Bên A”)

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UNICONS
 Địa chỉ : Tầng 5-6, Số 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam
 Điện thoại : 028 3514 3366 Số Fax: 028 3514 3366
 Mã số thuế : 0304472276
 Tài khoản số : 0181001810335
 Tại ngân hàng : Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh: Nam Sài Gòn
 Hoạch tài khoản số : 19230584270019
 Tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank Chi nhánh: Tp. HCM
 Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH QUANG Chức vụ: Giám đốc dự án
 Theo ủy quyền số : 54/2018/UQ-UN, ký ngày 01/07/2018

Và

Bên bán (Sau đây được gọi tắt là “Bên B”)

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỐI TENZI
 Địa chỉ : 292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại : 028.6258.1159 Số Fax: 028.6258.1179
 Mã số thuế : 0311647424
 Tài khoản số : 162948459
 Tại ngân hàng : Ngân Hàng Á Châu Chi nhánh: PGD Thị Nghè,
 Người đại diện : Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG Chức vụ: Giám đốc

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán ("Hợp đồng") với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với chi tiết, quy cách kỹ thuật, tiến độ giao hàng, thanh toán, ... như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung của Điều kiện chung ("ĐKC") của Hợp đồng:

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	Điều I	Cung cấp keo dán gạch - Hàng hóa được giao phải đảm bảo chất lượng, đúng theo mẫu đã được duyệt bởi CĐT. - Hàng mới 100%, nguyên gói và giao cùng chứng chỉ chất lượng sản phẩm. - Điều kiện kỹ thuật, thông số kỹ thuật của hàng hóa: theo bảng phụ lục đơn giá và cataloge của nhà cung cấp.
2	Địa điểm, tiến độ, cách thức giao nhận hàng hóa	Điều II	a/ Địa điểm: Võ Trường Toàn, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh b/ Tiến độ, cách thức giao nhận: - Khi giao nhận, hai bên lập biên bản giao nhận. Bên B có trách nhiệm cử đại diện có trách nhiệm ký vào biên bản xác nhận số lượng, chất lượng, quy cách phẩm chất hàng hóa để làm cơ sở cho việc thanh toán. - Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì bên A có quyền trả lại, đồng thời yêu cầu bên B thực hiện việc bổ sung hàng hóa bị lỗi trong thời gian do bên A ấn định.
3	Bảo hành	Điều III	- Không áp dụng
4	Giá trị Hợp đồng (HĐ) và phương thức thanh toán	Điều IV	Giá trị hợp đồng tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.458.209.840 VNĐ Thuế GTGT: 145.820.984 VNĐ Giá trị hợp đồng tạm tính (bao gồm thuế GTGT): 1.604.030.824 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm lẻ bốn triệu, không trăm ba mươi ngàn, tám trăm hai mươi bốn đồng) - Hợp đồng khối lượng tạm tính, đơn giá cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. - Khối lượng quyết toán căn cứ vào khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế ở công trường có xác nhận của hai Bên. Phương thức thanh toán: chuyển khoản - Tạm ứng: Không áp dụng

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
			- Thanh toán hàng kỳ: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A trên cơ sở đơn đặt hàng và biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện Bên B, đại diện Bên A, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán cho Bên A - Quyết toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp Biên bản quyết toán thanh lý Hợp Đồng và chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A Chứng từ thanh toán: - Bên B phải cấp cho Bên A hóa đơn tài chính hợp lệ tương đương với số lượng hàng hóa thực hiện mua bán. Bên B đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp của hóa đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước. - Bảng tổng hợp khối lượng và biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của Ban chỉ huy công trường bên A. - Đơn đặt hàng có xác nhận của Hai bên. - Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q) - Chứng thư bảo hành hoặc giấy cam kết bảo hành (nếu có). - Các chứng từ khác (nếu có) tùy theo yêu cầu tại từng dự án.
5	Thỏa thuận khác (nếu có)		Không

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu trong Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:

- Bản Hợp đồng này.
- Các Điều kiện chung của Hợp đồng.
- Bảng đơn giá/Khối lượng.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có).
- Bản vẽ (nếu có).
- Bảng tiến độ (nếu có).
- Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
- Quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
- Giấy ủy quyền (nếu có).
- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
- Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại Công trình **G-Homes** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.

- Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
- Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Quản lý Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email "gopv.ccm@unicons.vn".
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Ông NGUYỄN MINH QUANG

Chức vụ: **Giám đốc Dự Án**

ĐẠI DIỆN BÊN B



Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG

Chức vụ: **Giám đốc**



tu

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG GIAO THẦU

Số: 038.1.TP/ASIANA

Tên công trình: **TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÁN HỘ**
 Địa điểm: **336/20 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh**
 Gói thầu: **Thi công Kết cấu – Hoàn thiện - MEP**
 Công tác: **Cung cấp, gia công, lắp đặt phào chỉ mặt ngoài**

- Căn cứ Luật Xây dựng hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Theo ý chí và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 09 năm 2020, tại văn phòng Công ty Cổ phần Xây dựng Central, chúng tôi gồm:

BÊN GIAO THẦU (Sau đây được gọi tắt là “Bên A”):

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CENTRAL**
 Địa chỉ : **204/9 Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM**
 Điện thoại : **(028) 3620 5151**
 Mã số thuế : **0314476689**
 Tài khoản số : **191 1188 3366 996** Ngân hàng: **Techcombank – Chi nhánh Sài Gòn**
 Đại diện : **Ông CAO SƠN HÙNG** Chức vụ: **Giám đốc dự án**
 Ủy quyền số : **101/2019/UQ-TGD** Ngày: **12/11/2019**

Và

BÊN NHẬN THẦU (Sau đây được gọi tắt là “Bên B”):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỐI TENZI**
 Địa chỉ : **292/34/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**
 Điện thoại : **(028) 6258 1159**
 Mã số thuế : **0311647424**
 Tài khoản số : **0602 5280 1191** Ngân hàng: **Sacombank – CN Phú Nhuận**
 Đại diện : **Bà HOÀNG ANH PHƯƠNG** Chức vụ: **Giám đốc**

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng giao thầu (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thầu thi công gói thầu tại công trình với nội dung công việc cụ thể được quy định tại Bảng các điều kiện chung và Bảng các điều kiện riêng của Hợp đồng này;
2. Bên B cam kết với Bên A sẽ nhận và hoàn thành và sửa chữa các sai sót (nếu có) tuân theo đúng quy định của Hợp đồng này;
3. Bên A cam kết sẽ thanh toán cho Bên B, sau khi xem xét việc thực hiện và hoàn thành công việc, sửa chữa các sai sót (nếu có) tại các thời điểm và phương thức quy định trong Hợp đồng này;
4. Hợp đồng này thay thế tất cả thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại trụ sở Công ty Cổ phần Xây Dựng Central bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào;
5. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện;
6. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Quản lý chi phí và hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ **email: “gopy.ccm@centralcons.vn”**.
7. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng;
8. Hợp đồng này ít nhất sẽ bao gồm Bảng các điều kiện riêng (ĐKR) và Bảng các điều kiện chung (ĐKC) đính kèm với hợp đồng. Các điều khoản của ĐKR sẽ thay thế, sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản ĐKC. Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung ĐKC và ĐKR thì sẽ ưu tiên diễn giải theo ý nghĩa của các ĐKR của Hợp đồng này và các văn bản bổ sung, thay thế;
9. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu của Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:
 - a) Hợp đồng này và Bảng điều kiện riêng của Hợp đồng;
 - b) Bảng điều kiện chung của Hợp đồng;
 - c) Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công;
 - d) Bảng đơn giá/Khối lượng;
 - e) Danh mục làm rõ trách nhiệm hợp đồng;
 - f) Bản vẽ (nếu có);
 - g) Bảng tiến độ (nếu có);
 - h) Phụ lục quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường;
 - i) Phụ lục quy định về cam kết thực thi minh bạch;
 - j) Giấy ủy quyền (nếu có);
 - k) Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B (nếu có);

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

l) Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (nếu có).

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG (ĐKR)

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIỀU ĐKC	NỘI DUNG CỦA ĐKR
1	Phạm vi công việc, Yêu cầu kỹ thuật	Điều 2	- Phạm vi công việc: Cung cấp, gia công, lắp đặt phào chỉ mặt ngoài - Địa điểm: Công trường “Trung tâm Thương mại Dịch vụ & Căn hộ (SaiGon Asiana)” - Yêu cầu kỹ thuật: Bên B thực hiện theo yêu cầu Bên A, theo bản vẽ thiết kế và đảm bảo đạt chất lượng, kỹ thuật được Chủ đầu tư và đơn vị Tư vấn giám sát nghiệm thu - Thực hiện toàn bộ công việc được giao, dọn vệ sinh, tháo dỡ, di chuyển toàn bộ vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị đến nơi quy định, phí bảo hiểm.
2	Tiến độ thực hiện và Gia hạn thời gian hoàn thành	Điều 3	- Thể hiện trong Phụ lục Hợp đồng sau khi Bên A chốt kế hoạch bàn giao mặt bằng cụ thể.
3	Bảo hành	Điều 5.1	- Thời hạn bảo hành: 24 tháng tính từ ngày nghiệm thu bàn giao với Chủ đầu tư; - Trong thời gian thi công nếu phát hiện lỗi do Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm sửa chữa các lỗi mà không nhận thêm bất cứ khoản nào từ Bên A; - Bên B có trách nhiệm sửa chữa các khuyết tật, các hạng mục không đáp ứng tiêu chuẩn nếu không được Chủ đầu tư/ Tư vấn và Bên A đồng ý nghiệm thu. Thời gian sửa chữa trong vòng 2 ngày kể từ lúc nhận thông báo của Bên A, nếu Bên B không thực hiện sửa chữa thì Bên A có

Trang 3/3

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			quyền thuê nhà thầu khác sửa chữa và khấu trừ chi phí này vào số tiền bảo hành của Bên B.
4	Bảo lãnh và Tạm ứng	Điều 7	- Tạm ứng: Sau khi Bên B cung cấp cho Bên A chứng thư bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang với giá trị bảo lãnh bằng khoản tạm ứng tại ngân hàng Sacombank có hiệu lực từ ngày mở bảo lãnh đến ngày 31/01/2021 hoặc đến khi tiền tạm ứng được khấu trừ hết tùy điều kiện nào đến sau, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị hợp đồng (chưa bao gồm VAT), tương ứng với số tiền: 94.379.380 VNĐ (Chín mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm tám mươi đồng). - Khấu trừ tạm ứng: Số tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ vào các đợt thanh toán theo tỷ lệ giá trị thực hiện trên số tiền tạm ứng và sẽ được khấu trừ hết trước khi thanh toán 80% giá trị thanh toán được xác nhận. - Bảo lãnh tạm ứng: Áp dụng; - Bảo lãnh bảo hành: Áp dụng;
5	Giá trị hợp đồng và Phương thức thanh toán	Điều 8	Giá trị hợp đồng tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT): 943.793.806 VNĐ Thuế VAT 10%: 94.379.381 VNĐ Giá trị hợp đồng tạm tính (bao gồm thuế GTGT) : 1.038.173.187 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, ba mươi tám triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng./). Các công tác phụ: xử lý tiếp giáp phào với tường, các modul phào với nhau, đầu vít, vật tư phụ,... không được liệt kê xem như đã bao gồm trong công tác để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu của Bên A; Phương thức thanh toán: chuyển khoản a) Thanh toán hằng kỳ: - <i>Giá trị thanh toán:</i> Thanh toán hằng tháng đến 90% giá trị thi công (bao gồm VAT). - <i>Thời gian thanh toán:</i> trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

			- Chứng từ thanh toán: + Đề nghị thanh toán, + Hóa đơn gốc tương ứng kỳ thanh toán, + Bảng tổng hợp khối lượng được duyệt tương ứng trong kỳ do Người đại diện theo pháp luật ký và đóng dấu, nếu không phải có ủy quyền kèm theo. b) Quyết toán: - <i>Giá trị quyết toán:</i> Đến 95% giá trị quyết toán hợp đồng. - <i>Thời gian quyết toán:</i> Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp Biên bản quyết toán thanh lý Hợp đồng và chứng từ quyết toán đầy đủ và hợp lệ cho Bên A. - Chứng từ quyết toán: + <i>Đề nghị quyết toán,</i> + <i>Hồ sơ nghiệm thu được Chủ đầu tư/ Tư vấn và Bên A ký xác nhận, hóa đơn tài chính (nếu có)</i> + <i>Bảng giá trị đề nghị quyết toán;</i> - Giá trị còn lại 5% là giá trị giữ lại theo thỏa thuận (Được gọi là “tiền giữ lại”). Bên A sẽ thanh toán tiền giữ lại cho Bên B khi Bên B hoàn tất nghĩa vụ bảo hành hoặc khi Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành vô điều kiện với giá trị tương đương giá trị tiền giữ lại, có hiệu lực tương ứng với thời gian bảo hành.
6	Quy định về phạt	Điều 11.2	- Theo điều kiện chung và Phụ lục an toàn lao động; - Phạt vi phạm chất lượng: Bên B vi phạm yêu cầu về chất lượng theo hồ sơ bản vẽ, hồ sơ yêu cầu kỹ thuật (Spec), cam kết trong các cuộc họp với Ban chỉ huy công trường của Bên A: - o 10.000.000 đồng/ lần, lần đầu vi phạm. - o 20.000.000 đồng/ lần, các lần vi phạm lỗi tương tự. - Tổng mức phạt không quá 12% giá trị Hợp đồng, quá giá trị này Bên A được phép đơn phương chấm dứt Hợp đồng để giao thầu cho đơn vị khác có năng lực thực hiện khối lượng còn lại. - Bên B ngoài khoản phạt vi phạm trên, bằng chi phí của mình khắc phục hậu quả do việc vi phạm chất lượng gây ra, đáp ứng tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của Bên A và bàn giao được cho Chủ Đầu tư.

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

7	Thỏa thuận khác	a) Đơn giá thi công: Đơn giá trên là đơn giá trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, định mức, hao hụt vật tư, máy móc thiết bị, chi phí quản lý,... và tất cả các chi phí khác để Bên B thực hiện phạm vi công việc theo đúng bản vẽ thiết kế, tiêu chí kỹ thuật, bản vẽ triển khai chi tiết cho thi công (shopdrawing) và biện pháp thi công được Bên A, Tư vấn giám sát và Chủ Đầu tư phê duyệt, các yêu cầu trong cuộc họp tại Ban chỉ huy công trình Bên A. Đơn giá đã bao gồm phí bảo hiểm cho công nhân và cán bộ của Bên B tham gia thi công tại Dự án, trượt giá, chi phí khảo sát hiện trường, hoàn công mặt bằng để điều chỉnh bản vẽ triển khai chi tiết cho thi công (ShopDrawing) và sản phẩm trước khi lắp đặt hoàn thiện. Đơn giá đã bao gồm phụ kiện cần có để hoàn thiện sản phẩm theo bản vẽ thiết kế kèm hợp đồng cho hạng mục. b) Xà bần sau khi thi công: Bên B có trách nhiệm vận chuyển xà bần xuống đến vị trí tập kết theo quy định của Bên A cuối mỗi ngày thi công. c) Trắc đạc: Thuộc trách nhiệm của Bên A, tuy nhiên Bên B phải kiểm tra lại vị trí, kích thước, ... khi nhận bàn giao mặt bằng và thông báo kịp thời cho người quản lý trực tiếp của Bên A nếu có sai sót. Nếu không Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về các sai sót đó. d) Không đáp ứng: Nếu Bên B không đáp ứng yêu cầu thi công: về chất lượng, tiến độ thi Bên A có quyền đưa các đơn vị thay thế vào thi công để đáp ứng. Phần chi phí phát sinh do đưa đơn vị mới vào thi công do Bên B chịu trách nhiệm, các hạng mục do đơn vị mới thi công không thuộc trách nhiệm bảo hành của Bên B. - Nếu Bên A không bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến kế hoạch thi công, lắp đặt của Bên B thì Bên A phải chịu hoàn toàn mọi chi phí phát sinh (nếu có) do việc chậm trễ này gây ra. e) Bề mặt: Bề mặt phải đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng lớp sơn hoàn thiện về kỹ thuật và thẩm mỹ. Các mối nối Bên B cần đảm bảo xử lý để đảm bảo không có vết nứt, ảnh hưởng đến lớp hoàn thiện trên bề mặt phào. f) Sự điều chỉnh: Bên B có trách nhiệm khảo sát, hoàn công mặt bằng và có những điều chỉnh hiện trường để phù hợp, đảm bảo nghiệm thu bàn giao được cho Chủ Đầu tư. g) Bảo quản sản phẩm: Bên B có trách nhiệm bảo quản sản phẩm đến khi nghiệm thu bàn giao được cho Chủ Đầu tư.
---	-----------------	---

Trang 6/6

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B)

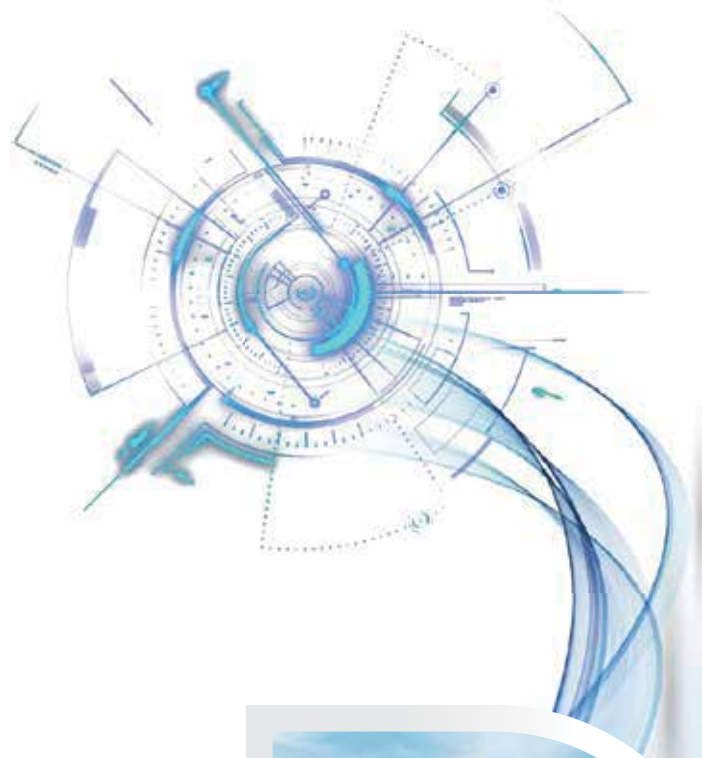


HOÀNG ANH PHƯƠNG

BÊN GIAO THẦU (BÊN A)



CAO SƠN HÙNG



CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI

Văn phòng: 292/34/12 Đường 48, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy: P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (028) 6258 1159. Hotline: 0903 420 212.

Email: contact@tenzi.com.vn. Website: www.tenzi.com.vn

Fanpage facebook: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI TENZI

